

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

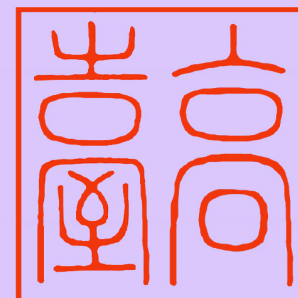
# Tìm Hiểu

## THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG

---

### Năm Tân Sửu, Quý Mão (1961, 1963)

HUỆ KHẢI chú thích - LÊ ANH MINH hiệu đính



Thầy hằng nói Thầy là tình thương yêu, là lẽ công bình. Thương yêu, công bình là đất tự do cho điều chân chánh phát triển và điều không chân chánh cũng được sinh hoạt; nhưng kết cục chỉ có điều chân chánh được trường tồn.

Đức **NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ**  
*Thiên Lý Đàn (Sài Gòn)*  
ngày 10-8 Quý Mão  
(Thứ Sáu 27-9-1963)

TÌM HIỂU  
THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG  
NĂM TÂN SỬU, QUÝ MÃO  
(1961, 1963)



Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài  
Trung Hưng Bửu Tòa  
63 Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng  
*Ảnh: Nguyễn Kim Trúc*

Quyển **130/1961, 1963** trong Tủ Sách Thánh Giáo Cao Đài  
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo thực hiện

Tìm Hiểu  
**THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG**  
Năm Tân Sửu, Quý Mão  
(1961, 1963)

Chú thích: HUỆ KHẢI – Hiệu đính: LÊ ANH MINH

Giới thiệu: Giáo Sư THƯỢNG VĂN THANH

Chương Quản Cơ Quan Phổ Tế (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài)

In lần thứ nhất

Nhà xuất bản HỒNG ĐỨC  
Hà Nội 2021



**TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG**  
**NĂM TÂN SỬU, QUÝ MÃO (1961, 1963)**

Ấn tống lần thứ nhất 1.000 quyển, do công quả  
13.700.000 đồng của quý ân nhân như sau:

1. Hiền tử **ĐẶNG THỊ BẠCH TUYẾT** (thánh thất Long Phú,  
Bến Lức, Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo):  
Công quả 500.000 đồng. Gởi đợt 163. Hồi hướng  
giác linh thân phụ (ĐH Đặng Hữu Tánh: 1926-2020).
2. Hiền tử **TÂM DIỆU HƯƠNG** (thánh tịnh Tân Minh Quang):  
Công quả 5.000.000 đồng. Gởi đợt 161.
3. Hiền tử **T. N. T.** (Cần Thơ):  
Công quả 5.200.000 đồng. Gởi đợt 167.
4. Hiền tử **TRẦN THỊ KIM DUNG** (thánh tịnh Tân Minh Quang):  
Công quả 3.000.000 đồng. Gởi đợt 167, 168. Hồi hướng  
cửu huyền thất tổ, giác linh bà ngoại (ĐT Hà Thị Dư),  
giác linh song thân (ĐH Trần Văn Phòng, ĐT Nguyễn Thị Mân),  
cầu nguyện cho sức khỏe bào huynh (ĐH Trần Văn Hoa).  
Đồng kính thành hồi hướng cửu huyền thất tổ siêu thăng,  
hiệp tâm cầu nguyện gia đạo vững bền, dân an quốc thái,  
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hồng dương,  
Đại Đạo Cao Đài quy nguyên thống nhất,  
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.

**ĐÔI LỜI THA THIẾT**

Kinh sách được ấn tống để kính biểu rộng rãi là nhờ biết bao  
tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm.  
Để không phụ lòng các vị ân nhân ấy, xin quý vị trân trọng giữ  
gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu,  
học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm,  
và hợp tác chặt chẽ của quý vị.

**Ban Tu Thư & Ấn Tống**

## NỘI DUNG

LỜI GIỚI THIỆU. *Giáo Sư Thượng Văn Thanh* 7

KÝ HIỆU & VIẾT TẮT 10

### **THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG – NĂM TÂN SỬU (1961)**

1. NGÀY XUÂN VUI MỘT CHỮ HÒA. 11  
*Trưởng Xuân Phật Địa*

PHỤ ĐÍNH 1: Xuân Ý 20

PHỤ ĐÍNH 2: Linh Sơn 25

PHỤ ĐÍNH 3: Lâm & Tụy 27

2. TU RỒI SỨ MẠNG LẠI TRAO. 30  
*Đạo Đức Chơn Tiên*

3. ĐƯỜNG DÀI PHẢI LẬP CHÍ. 35  
*Bảo Thọ Thánh Nương*

PHỤ ĐÍNH: Đạt Nhân Quân Tử 42

4. MUỐN GIẢI THOÁT PHẢI CÓ CHÍ LÀM PHẬT LÀM TỔ. 45  
*Quan Âm Bồ Tát, Vô Cực Từ Tôn*

5. LO SỬA TRAU CHO THÀNH CON NGƯỜI GIẢI THOÁT. 54  
*Bảo Thọ Thánh Nương*

PHỤ ĐÍNH: Tư Tư Thiết Thiết 58

6. NGƯỜI HƯỚNG ĐẠO 61

ĐÓNG VAI TƯỚNG SOÁI CỦA THẦY.

*Thái Bạch Kim Tinh*

7. MỘT PHƯƠNG PHÁP BẢO AN GIÁO HỘI. 70

*Bảo Nguơn Chơn Tiên*

### **THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG – NĂM QUÝ MÃO (1963)**

8. ĐỜI CHƯA YÊN, ĐẠO ĐÂU THÀNH ĐƯỢC. 82

*Lý Thái Bạch, Ngọc Hoàng Thượng Đế*

9. HỘI THÁNH CHỈ NÊN DỐC CÁ TOÀN LỰC 102

VÀO NHỮNG ĐIỀU HỆ TRỌNG.

*Giáo Tông Thái Bạch*

10. CHO TRÒN SỨ MẠNG TRUNG HƯNG. 110

*Ngọc Hoàng Thượng Đế*

## LỜI GIỚI THIỆU

Đối với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thánh giáo rất quan trọng. Ông Trên dùng thánh giáo để khai Đạo. Các Thiên ân hướng đạo dùng thánh giáo để truyền giảng. Và nhân sinh nhờ chúng nhờ thánh giáo để tu học, sống đạo.

Vốn có những khác nhau về nhiều mặt nên người đạo đến với thánh giáo cũng bằng nhiều cách không giống nhau. Có người chỉ rung đùi ngâm nga. Có người cặm cụi chép tay. Có người đem thánh giáo, thánh thi chuyển thành nhạc đạo...

Rất phổ biến là đa số người đạo đã chiêm nghiệm và sống với thánh giáo. Chẳng hạn, người làm đạo khi bị chê bai, trách móc thì nghĩ một cách tổng quát đến hai câu thánh thi của Đức Bạch Phụng Đồng Tử:

*Lắm đầu bao quản thân lươn  
Gìn lòng thanh bạch noi gương thánh hiền.*<sup>(1)</sup>

Và có vẻ sâu hơn thì vận dụng hai câu thánh thi của Đức Quảng Đức Chơn Tiên:

*Cao Đài là cái đài cao  
Vượt lên tất cả đón rào ngăn che.*<sup>(2)</sup>

---

(1) Thánh thất Trung Thành, 15-7 Mậu Dần (Thứ Tư 10-8-1938).

(2) Tam Tông Miếu, 07-6 Tân Dậu (Thứ Tư, 08-7-1981).

Như vậy, thánh giáo là thức ăn tinh thần thông dụng cho người đạo. Đối với tín hữu Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài thì nguồn cung cấp thức ăn tinh thần quý báu đó chính là bộ *Thánh Truyền Trung Hưng*, bao gồm những thánh giáo được các Đấng thiêng liêng giảng tại nhiều thánh sở để dạy về cơ đạo miền Trung kể từ khi Đạo Thầy truyền về đây năm Giáp Tuất (1934) cho đến cuối thế kỷ trước. Với thời gian dài hơn sáu mươi năm như vậy, bộ *Thánh Truyền Trung Hưng* in gần đây đã kết tập được ba trăm ba mươi một bài (nhưng ắt vẫn còn thiếu một số thánh giáo).

Hấp thụ chất dinh dưỡng trong thức ăn tinh thần nói trên (tức *Thánh Truyền Trung Hưng*) thường có những cái khó. Tại sao khó và khó như thế nào? Điều đó tùy thuộc vào yêu cầu sử dụng và căn trí mỗi người.

Một trong những cái khó ấy là ngữ nghĩa; vì vậy, đạo huynh Huệ Khải đã phát tâm giúp giảm bớt cái khó này cho bốn đạo Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài với loạt sách *Tìm Hiểu Thánh Truyền Trung Hưng* (nhiều tập). Điều này cũng tự nhiên và dễ hiểu vì bấy lâu nay đạo huynh Huệ Khải vốn rất gần gũi với bốn đạo Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

Quyển *Tìm Hiểu Thánh Truyền Trung Hưng – Năm Tân Sửu, Quý Mão (1961, 1963)* chúng ta đang có là tập thứ ba trong loạt sách ấy,<sup>(3)</sup> gồm mười bài thánh giáo.

Ngoài phần giải nghĩa các từ khó, từ Việt cổ, thuật ngữ tôn giáo, thành ngữ và điển tích, v.v... sách còn có thêm phần chữ Nho và tiếng Anh nên rất cần cho cả thế hệ lớn tuổi và thế hệ

---

(3) Đã ấn tống: *Năm Kỷ Hợi (1959)*; *Năm Canh Tý (1960)*.

trẻ ngày nay, lại có thể giúp ích cho những vị muốn dịch *Thánh Truyền Trung Hưng* ra ngoại ngữ... Những bài thánh giáo tiếp nhận qua trung gian đồng tử, truyền qua độc giả đến điển ký, rồi những người sao chép về sau, thường khó tránh các lỗi về chính tả, ngắt câu, viết hoa... Quan tâm hạn chế các lỗi này, giúp cho người đọc và góp sức với đồng đạo có nhu cầu vận dụng thánh giáo để viết bài, nói chuyện... là thiện ý của soạn giả.

Loạt sách tìm hiểu này nếu tiếp tục thực hiện cho đầy đủ từ bài thánh giáo đầu đến bài cuối sẽ là một công trình phụ trợ rất quý cho người mộ đạo hiểu học ham tu và nói riêng cho giới Phổ Tế.

Đạo huynh Huệ Khải qua các sách đã xuất bản cũng như nhiều bài viết trên các tạp chí, trong đạo và ngoài đời, thể hiện tác phong một người cầm bút có trách nhiệm đối với nhà Đạo và người đọc. Ưu điểm đáng quý ấy cùng với lòng nhiệt thành công quả và nỗi âu lo phụng đạo nơi đạo huynh Huệ Khải khiến tôi hoan hỷ giới thiệu *Tìm Hiểu Thánh Truyền Trung Hưng* với quý huynh tử đồng đạo.

Ước mong việc làm này của đạo huynh Huệ Khải cùng với bao nhiêu hình thức công quả đa dạng được tiếp nối qua các thế hệ trước sau đều cùng chung sức tài bồi cho nhà Đạo được xương minh, xán lạn.

*Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài*  
 Giáo Sư THƯỢNG VĂN THANH  
 Chương Quản Cơ Quan Phổ Tế

## KÝ HIỆU & VIẾT TẮT

/	thay thế cho chỗ phải xuống hàng
(. . .)	lược bớt chữ trong thánh giáo
[xyz]	chữ xyz được thêm vào cho rõ nghĩa
(?)	chưa chắc chắn, tồn nghi một giải thích
[Chúa]	thuật ngữ đạo Chúa
[cổ]	tiếng Việt cổ
<i>fig.</i>	<i>figurative meaning</i>
<i>i.e.</i>	<i>id est, that is</i>
<i>sb</i>	<i>somebody</i>
<i>sth</i>	<i>something</i>
Td	thí dụ

# 1. NGÀY XUÂN VUI MỘT CHỮ HÒA

Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)  
ngày 01-01 Tân Sửu (Thứ Tư 15-02-1961)

TRƯỜNG SANH PHẬT ĐỊA <sup>(1)</sup>

THI

TRƯỜNG đường biết sức ngựa <sup>(2)</sup>

XUÂN ý suy bữa bữa <sup>(3)</sup>

PHẬT nhật được tăng huy <sup>(4)</sup>

<sup>(1)</sup> Đức Trường Sanh Phật Địa xưng danh trong bài ngũ ngôn tứ tuyệt quán thủ là Trường Xuân Phật Địa. Trường xuân 長春 đồng nghĩa với trường sanh 長生, tức là sống lâu, bất tử (*immortal*).

<sup>(2)</sup> **trường đường**: Đường trường, đường dài. – **Trường đường biết sức ngựa**: Trường đồ tri mã lực. 長途知馬力. Đường dài mới biết sức ngựa. (*Long distance tests a horse's strength*.)

<sup>(3)</sup> **Xuân ý suy bữa bữa** (*The significance of springtime should be pondered every day*): Hằng ngày nên suy gẫm về ý nghĩa mùa xuân (hiểu theo đạo lý để áp dụng vào việc tu học và hành đạo). Xem Phụ Đính 1 cuối bài thánh giáo này.

<sup>(4)</sup> **Phật** 佛 (*Buddha*): Đấng giác ngộ (*giác giả* 覺者); nghĩa rộng là sự giác ngộ, minh triết, từ bi (*enlightenment, wisdom, mercy*). – **nhật** 日 (*more and more*): Ngày càng. Thí dụ, Mặc Tử viết: (G)ia nhật ích, thân nhật an, danh nhật vinh. 家日益, 身日安, 名日榮. Nhà ngày càng thịnh vượng, thân ngày càng an ổn, danh ngày càng hiển hách. – **tăng huy** 增暉 (*increasing brightness*): Tăng thêm sáng chói. – **Phật nhật tăng huy** 佛日增暉 (*getting more*

ĐỊA bàn kim đã hứa.<sup>(5)</sup>

Địa chào mừng chư Thiên phong chức sắc, chức việc, toàn bộ nhân sinh một năm quyền pháp thịnh vượng.

Địa được lệnh Giáo Tông Đại Tiên lâm đàn khai cơ <sup>(6)</sup> phân bày lý đạo. Địa báo lệnh trước, có Quan Âm Nam Hải đến ban ơn cho toàn đạo. Vậy chư chức sắc ngồi cùng Địa nghe vãi mầu chuyện.

BÀI

Năm Tân Sửu thần ngưu <sup>(7)</sup> xuất hiện

Xuân Lạc Hồng cải thiện <sup>(8)</sup> đời dân

Lòng người giục già duy tân <sup>(9)</sup>

Đem đời về đạo <sup>(10)</sup> cho gần cho xinh.

Xuân đem lại mối tình hòa ái

Xuân gọi nhau trở lại cùng Thầy

*and more wisdom and love*): Ngày càng thêm minh triết; tình thương ngày càng tăng trưởng nhiều hơn.

<sup>(5)</sup> **địa bàn** 地盤 (*compass*): La bàn 羅盤, kim chỉ nam (*chỉ nam châm* 指南針). – **hứa** (*fixed*): Hẹn, định sẵn. – **Địa bàn kim đã hứa**: Kim la bàn đã định sẵn phương hướng (vì kim này là nam châm, luôn xoay theo hướng bắc-nam). Nghĩa bóng: Đức Phật Địa nhắc các bậc hướng đạo rằng đường đi nước bước của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài đã được Ơn Trên vạch sẵn, hãy noi theo đó.

<sup>(6)</sup> **khai cơ, khai kê** 開乩 (*starting the new year's first invocation seance*): Khởi sự đàn cơ đầu tiên vào đầu năm mới.

<sup>(7)</sup> **thần ngưu** 神牛 (*wondrous buffalo*): Trâu thần. Ý nói năm Sửu này có nhiều điều mầu nhiệm.

<sup>(8)</sup> **cải thiện** 改善 (*improving sth*): Sửa đổi cho tốt hơn.

<sup>(9)</sup> **duy tân** 維新 (*reforming sth*): Đổi mới.

<sup>(10)</sup> **đem đời về đạo**: Giúp người đời gần gũi cửa đạo, học đạo.

Thung dung nhẹ bước đường mây <sup>(11)</sup>  
Lánh hồi điên đảo <sup>(12)</sup> đổi thay cuộc cờ.

Xuân mong mỗi đợi chờ cải quá <sup>(13)</sup>  
Cảm thông nhau đắp vá <sup>(14)</sup> lỗi lầm  
Linh Sơn cùng bạn đồng tâm <sup>(15)</sup>  
Nên hư đóng cửa âm thầm nhủ khuyên.

Đừng để phải thất điên bát đảo <sup>(16)</sup>  
Đừng để cho nha trảo tổn thương <sup>(17)</sup>  
Sống còn trong kiếp vô thường  
Làm sao thân phận an bường, <sup>(18)</sup> tươi vui.

Giờ xuân nhủ nên xuôi mọi việc <sup>(19)</sup>  
Để lòng Thầy khỏi biệt cùng ta <sup>(20)</sup>  
**Ngày xuân vui một chữ hòa** <sup>(21)</sup>  
Có hòa mới vững nghiệp nhà dài lâu.

Xuân cấy sức con trâu nhỏ cỏ  
Phở <sup>(22)</sup> còn cao lấy nó lôi cày  
Lúa miêu <sup>(23)</sup> tươi tốt mỗi ngày  
Siêng năng ta nó <sup>(24)</sup> ra tay mới rồi.

Năm nay, thiên can số tám, địa chi số hai. Tám nhằm chữ Tân, hai đúng chữ Sửu.<sup>(25)</sup> Tân Sửu là ứng vào quẻ Địa Trạch Lâm.<sup>(26)</sup> Thế đạo trong hồi mở mặt mà nội bộ chưa thuần, nên từ ngày khai cơ giáo pháp đã đổi xuống đổi lên, quyền pháp chưa minh định mà Lâm trở thành Tụy, Tụy lại làm

<sup>(11)</sup> **đường mây** (*journey of cloud; fig., self-cultivation journey*): Vân trình 雲程, đường tu.

<sup>(12)</sup> **điên đảo** 顛倒 (*chaotic*): Xáo trộn, khuấy lộn, tráo trở.

<sup>(13)</sup> **cải quá** 改過 (*correcting faults*): Sửa đổi lỗi lầm.

<sup>(14)</sup> **đắp vá** (*patching sth up*): Hàn gắn những sứt mẻ.

<sup>(15)</sup> **bạn đồng tâm**: Đồng tâm hữu 同心友, bạn cùng chí hướng, tức là đồng đạo (*coreligionist*). – **Linh Sơn**: Xem Phụ Đính 2 cuối bài thánh giáo này.

<sup>(16)</sup> **thất điên bát đảo** 七顛八倒: 1/ Lộn xộn, bừa bãi, lung tung (*disordered and in a mess; all mixed up and chaotic*). 2/ Hoảng loạn (*panicking*).

<sup>(17)</sup> **nha** 牙: Nha môn 牙門 (衙門), cửa quan, cơ quan công quyền. **trảo** 爪: Trảo nha 爪牙, tay sai của kẻ quyền thế (*henchmen*); như sai nha 差衙, tay chân, thuộc hạ kẻ làm quan. Td: *Một ngày lạ thói sai nha / Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền.* (Kiều) – **Đừng để cho nha trảo tổn thương**: Đừng đem việc trong đạo ra kiện thưa nơi cửa công quyền để khỏi bị luật đời làm *tổn thương* 損傷 (*harming*), hư mất tình đồng đạo, làm xấu danh Thầy danh Đạo.

<sup>(18)</sup> **an bường**: An bình, bình an 平安 (*at peace, safe and sound*).

<sup>(19)</sup> **nên xuôi mọi việc** (*Everything should be let go smoothly*): Nên làm cho mọi việc được suôn sẻ, trôi chảy, không trắc trở.

<sup>(20)</sup> **khỏi biệt cùng ta**: Khỏi cách xa (*cách biệt 隔別*) chúng ta.

<sup>(21)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

<sup>(22)</sup> **phở** (*breaking up sth*): Vỡ (đất).

<sup>(23)</sup> **lúa miêu** (*rice seedlings*): Hòa miêu 禾苗, lúa non, lúa mới cấy.

<sup>(24)</sup> **ta nó**: Ta và nó, ta và trâu.

<sup>(25)</sup> **thiên can**: Thập thiên can 十天干 (*the ten heavenly stems*), gồm mười can là Giáp 甲, Ất 乙, Bính 丙, Đinh 丁, Mậu 戊, Kỷ 己, Canh 庚, Tân 辛, Nhâm 壬, Quý 癸. Can thứ tám là Tân. – **địa chi**: Thập nhị địa chi 十二地支 (*the twelve earthly branches*), gồm mười hai chi là Tý 子, Sửu 丑, Dần 寅, Mão 卯, Thìn 辰, Tỵ 巳, Ngọ 午, Vị (Mùi) 未, Thân 申, Dậu 酉, Tuất 戌, Hợi 亥. Chi thứ hai là Sửu.

<sup>(26)</sup> Bát quái (tiên thiên) gồm: 1 Càn, 2 Đoài, 3 Ly, 4 Chấn, 5 Tốn, 6 Khảm, 7 Cấn, 8 Khôn. Số 8 là Khôn (Địa) và số 2 là Đoài (Trạch); do đó, 8-2 (Tân Sửu) là quẻ Địa Trạch Lâm.



Lâm<sup>(27)</sup> cũng là một điều nên xét.<sup>(28)</sup>

Theo thánh ý, năm Sửu là trâu. Trâu để cày, mà có trâu không đất, lấy đâu bỏ giống đặt mầm? Nên Địa cũng ứng thời hổ tương thành tựu cho đúng chữ Trường Sanh của Địa.

Đã có giống lành gieo trên mặt đất thì theo đó cỏ cũng đầy nương.<sup>(29)</sup> Vì vậy, trâu có nhiệm vụ phỡ đất khai nương, mà còn có bốn phận ăn cho sạch cỏ. Ngày nào còn cỏ thì trâu phải rảo khắp đồng bãi để trừ diệt. Nhưng ăn không hết, giậm không sạch, phải phỡ lật chôn giống cỏ lẫn át lúa má, hại sự sanh sống của đời, thì kẻ nông phu cộng tác cùng trâu để hoa màu không hư hại.

Đây, Hội Thánh ta cũng vậy. Làm sao hoằng pháp lợi sanh?<sup>(30)</sup> Làm sao cho thành sự nghiệp? Cả một sự dụng tâm<sup>(31)</sup> của Địa để đặt cho Hội Thánh một chương trình.

Hội Thánh bình an đón Nam Hải Từ Hàng.<sup>(32)</sup> Địa chào. Xin nhượng bút.

---

<sup>(27)</sup> Địa Trạch Lâm ䷗ (quẻ Dịch 19) gồm ngoại quái Khôn, nội quái Đoài. khi đổi chỗ (*hoán vị* 换位) nội quái và ngoại quái thì thành Trạch Địa Tụy ䷚ (quẻ Dịch 45) gồm ngoại quái Đoài, nội quái Khôn.

<sup>(28)</sup> Xem *Phụ Đính 3* cuối bài thánh giáo này.

<sup>(29)</sup> **nương**: 1/ Đất trồng trọt trên đồi núi. 2/ Ở đây hiểu là *ruộng nương* nói chung.

<sup>(30)</sup> **hoằng pháp lợi sanh** 弘法利生 (*spreading dharma to benefit sentient beings*): Rộng truyền đạo lý để giúp ích chúng sanh.

<sup>(31)</sup> **dụng tâm** 用心 (*intention*): Chú ý, chủ định.

<sup>(32)</sup> **Từ Hàng Bồ Tát** 慈航菩薩 (*Mercy Boat Bodhisattva*): Cũng là Đức Quan Âm Bồ Tát 觀音菩薩 (*Avalokiteśvara Bodhisattva*).

## TIẾP ĐIỂN THI

*TỪ* bi lân mẫn<sup>(33)</sup> mãi không phiền  
*HÀNG* (hoằng) pháp độ người cũng chí chuyên<sup>(34)</sup>  
*BỒ* bặc<sup>(35)</sup> cho nhau chung sức lại  
*TÁT* (Tát) thành cho Đạo ở chư hiền.

*Chư* hiền thanh tịnh nghĩ mà coi  
*Đừng* để một ai phải thiệt thòi  
*Mới* gọi đàn anh, người hướng đạo<sup>(36)</sup>  
*Chết* rồi hậu thế cũng còn soi.<sup>(37)</sup>

*Soi* lại lòng mình có trọn chưa  
*Chưa* thì miễn thứ<sup>(38)</sup> kẻ không vừa<sup>(39)</sup>  
*Vừa* lòng bạn tác, thân thường tịnh  
*Ơn* phước từ Trời rỉ rả mưa.

*Mưa* pháp mưa lành xuống thế gian  
*Xuống* cho bốn biển được an toàn

---

<sup>(33)</sup> **lân mẫn** 憐愍 (*pitying sb, feeling pity for sb*): Thương xót.

<sup>(34)</sup> **chí chuyên** 至專 (*completely focusing on sth*): Hết sức tập trung vào việc gì.

<sup>(35)</sup> **bồ bặc** 匍匐: Cúi rạp người xuống (*bowing down*); nghĩa rộng là hạ mình, nhún nhường (*humble, modest*). – **Bồ bặc cho nhau chung sức lại**: Cùng nhau nhún nhường, đoàn kết hành đạo.

<sup>(36)</sup> **hướng đạo** (hướng đạo giả 向導者: *spiritual leader; those who lead their coreligionists*): Người dẫn dắt đạo hữu.

<sup>(37)</sup> **soi** (*seeing a good example*): Soi gương, nhìn thấy gương sáng.

<sup>(38)</sup> **miễn thứ** 免恕 (*forgiving sb*): Tha thứ.

<sup>(39)</sup> **không vừa** (*dissatisfying, displeasing*): Không vừa lòng mình, khiến mình bất bình.

Toàn người hướng đạo thân bồ tát  
Thì chánh giáo ngày<sup>(40)</sup> được mở mang.

## BÀI

Mở mang xuân đến gặp thời  
Chào chư Thiên mạng được Trời ủy trao.<sup>(41)</sup>

Mừng quốc nội đồng bào Hồng Lạc<sup>(42)</sup>  
Nương đà xuân tấn đạt duy tân<sup>(43)</sup>  
Mừng chung sanh chúng dưới trần  
Mừng chung Giáo Hội xa gần gọi ơn.

Ơn xuân tái<sup>(44)</sup> mau chân đón đợi  
Đợi chờ nhau đi tới một đường  
Chờ trên ban bố chủ trương  
Chờ Thầy xuống thế mưới phương một người.

Rán vun bón cho tươi cây Đạo  
Gắng sức lo hoài bão nhân sanh  
Ngày mai chánh pháp được thành  
Công trò, Thầy Mẹ cũng dành thưởng ban.

Giờ hiệp lại để toan để tính

Giờ phân ra ban lệnh rao truyền  
Một nhà quyền pháp linh thiêng  
Chờ khi Tứ Giáo<sup>(45)</sup> quy nguyên mới lành.<sup>(46)</sup>

Này Thiên ân đàn anh đàn chị  
Đạo chính nghiêng phải nghĩ sao đây  
Trên ta còn hẳn có Thầy  
Ngoài ta tai mắt đồng đầy ngóng xem.

Phải giữ cho đừng lem mối Đạo  
Phải dặn lòng ngay thảo cùng Thầy  
Một ngày hoàn cảnh đủ đầy  
Để cho trên dưới vui vầy cùng nhau.

Đừng trông lơ, ai đau chẳng biết  
Đừng bất bình, thân thiết phải xa  
Xúm cùng gìn giữ Bửu Tòà  
Tảo thanh<sup>(47)</sup> cho sạch loài ma ẩn tàng.

Cầu chư hiền bình an lo Đạo  
Cầu pháp quyền toàn hảo từ đây  
Cầu cho đạo hữu vui vầy  
Cầu chung các tỉnh thương Thầy thương nhau.

Bần Đạo nhìn mà đau mà khổ  
Thấy nội tình nghiêng đổ, lòng thương  
Hỏi ai thẳng được phi thường<sup>(48)</sup>

<sup>(40)</sup> ngày: Càng ngày càng.

<sup>(41)</sup> ủy trao (*entrusting sb*): Ủy 委, giao phó.

<sup>(42)</sup> Hồng Lạc: Theo huyền sử nước Nam, họ Hồng Bàng (Hồng Bàng thị 鴻龐氏) bắt đầu từ Kinh Dương Vương 涇陽王. Kinh Dương Vương và Long Nữ 龍女 sinh ra Sùng Lãm 崇纜. Sùng Lãm xưng là Lạc Long Quân 雒龍君. Do đó, người Việt xưng mình là dòng giống Hồng Lạc 鴻雒 hay Lạc Hồng 雒鴻.

<sup>(43)</sup> duy tân 維新 (*reforming sth, modernising sth*): Đổi mới.

<sup>(44)</sup> tái 載 (*supporting sth*): Nâng đỡ.

<sup>(45)</sup> Tứ Giáo 四教 (*the Four Teachings*): Tam Giáo (Nho, Tiên, Phật: *the Three Teachings, i.e., Confucianism, Daoism, Buddhism*) và đạo Chúa (*Christianity, Jesusism*).

<sup>(46)</sup> mới lành: Mới tốt đẹp.

<sup>(47)</sup> tảo thanh 掃清 (*getting rid of sth*): Quét sạch hết, trừ bỏ hết.

*Phất cờ gióng trống mở đường nhau ra?  
Thầy lắm lúc thiết tha căn dặn  
Trò đòi phen <sup>(49)</sup> chẳngặng đặng khoan hò  
Bây giờ muôn sự xảy ra  
Xảy ra thì phải nghe Ta dạy bày.*

### THI

*Bày chỉ cho nhau một chữ lành  
Chữ lành hiển hiện ở đàn anh  
Anh còn sơ sót sao nên đạo  
Đạo lớn bao trùm cả chúng sanh.*

*Chúng sanh đâu khỏi lọt Ơn Trời  
Sống bởi ơn lành, một chút hơi  
Hơi đã ngặt ngòi,<sup>(50)</sup> thân khó nhọc  
Chắc ai cũng muốn có Ơn Trời.*

*Ơn Trời đã ủy <sup>(51)</sup> ở Thiên ân  
Ân ấy làm sao cập đến dân  
Dân được cảm thông, dân kính trọng  
Trọng người hướng đạo, Đạo canh tân.<sup>(52)</sup>*

*Tân Sửu xuân về với nước non  
Về cho Giáo Hội để vương tròn  
Tròn người hướng đạo, nhân sinh ổn  
Ổn định rồi thì xứng đạo con.<sup>(53)</sup>*

---

<sup>(48)</sup> **thắng được phi thường:** Chiến thắng một cách phi thường.

<sup>(49)</sup> **đòi phen** (*several times*): [cổ] Nhiều phen, lắm lần, nhiều khi.

<sup>(50)</sup> **ngặt ngòi** (*serious*): Ngặt nghèo, không còn an toàn.

<sup>(51)</sup> **ủy 委** (*entrusting sb*): Ủy trao, giao phó.

<sup>(52)</sup> **canh tân 更新** (*renovating sth*): Đổi mới.

Bần Đạo mong ở lòng ưu tư của con người có trọng trách, khéo léo làm sao giữ còn nhân sinh, nhân sinh khỏi lọt ngoài quyền pháp, mà nội bộ chớ để làm đôi.<sup>(54)</sup> Phần đời khó khăn đứng trong tình thế gay gắt, đức tin yếu ớt, làm sao bảo an nội bộ, bảo vệ tín đồ.

Vậy Bần Đạo khuyên: Cùng nhau muốn cho công nghiệp còn, nền tảng vững, xa gần cần giữ một mối yêu thương. Mỗi người bất cứ địa vị nào cũng phải xét mình, nghĩ đến Đạo mà chọn một con đường đi tới, làm cho ổn định tình hình đôi bên, không cần phải gặp nhau mà cũng được tốt đẹp.

Đàn này Bần Đạo cho Phật Địa đến. Cũng thấy được thánh ý thì toàn đạo nói chung được ban ơn, được tự mình có một con đường xây dựng Đạo. Nếu ai ai cũng sẵn sàng có lòng thiết tha ưu tư vì Thầy vì Đạo thì qua thu đón cơ giáo hóa.

Bần Đạo chúc mừng một năm cố gắng thành tựu. Bần Đạo thăng.

## PHỤ ĐÍNH 1: Xuân Ý

Đức Trường Sanh Phật Địa dạy: *Xuân ý suy bữa bữa*. Vậy, thử hỏi ý xuân hiểu theo đạo lý là gì mà bậc hướng đạo và mọi người tu hằng ngày cần suy gẫm?

Xin trích bốn thánh giáo để tham khảo:

---

<sup>(53)</sup> **đạo con:** Đạo làm con cái của Thầy Mẹ.

<sup>(54)</sup> **làm đôi** (*breaking in two*): Phân hai, chia rẽ.

1. Đại khái xuân đời, cảnh vật có chi các con! Cành hoa chớm nở tươi xinh, các con nâng niu cành lá, vun tưới gốc cây, ngửi mùi thơm trong nhụy. Sao các con không vun tưới cội lành Đạo cả,<sup>(55)</sup> nâng niu sang sửa chơn tâm cho thật tươi nhuận, sáng suốt để rồi ngửi lấy đạo vị nhiệm màu tự lòng con khai phát?<sup>(56)</sup>

2. Mỗi lần xuân đến là mỗi lần niềm hy vọng của Mẹ trông vào các con, vào vai tuồng hành hóa<sup>(57)</sup> của các con nơi trần gian ảo ảnh. Các con cứ vui hưởng những ngày xuân còn lại đi, để rồi tiếp tục hướng về chân Mẹ, và nhớ là trong lúc các con hỷ hạ<sup>(58)</sup> với trời xuân, thì ở những nơi nào đó, ở những thế giới nào đó đang có những người, những loài không hưởng được mùa xuân ngoài sự đau khổ già yếu.

Các con tạm vui với ngày xuân thế sự để quên những nỗi khổ, những điều lao nhọc của mình. Bên cạnh, các con lo vun bồi lòng xuân muôn thuở để sống dài với không gian vô tận trong lý Đạo miên trường.<sup>(59)</sup>

Các con ôi! Như các con đã hiểu, mùa xuân là một mùa

---

<sup>(55)</sup> **cả** (great): To tát. – **cội lành Đạo cả**: Cái gốc Đạo to tát sẵn có ở mỗi người, là điểm linh quang do Thượng Đế (Đại Linh Quang) ban bố cho mỗi người.

<sup>(56)</sup> Đức Chí Tôn, thánh thất Nam Thành, 01-01 Canh Tuất (Thứ Sáu 06-02-1970).

<sup>(57)</sup> **hành hóa**: Nói đủ là thể Thiên hành hóa 替天行化 (on behalf of Heaven teaching people the way of self-cultivation), thay Trời hành đạo, giáo hóa dân chúng tu hành.

<sup>(58)</sup> **hỷ hạ** 喜賀 (happily congratulating sb): Hân hỷ khánh hạ 欣喜慶賀, vui vẻ chúc mừng.

<sup>(59)</sup> **miên trường** 綿長 (everlasting): Dài lâu, trường tồn.

trong bốn mùa. Ứng với lý Đạo, là nó ở vào đạo Kiền, đức của nó là đức nguyên. Nguyên là khởi đầu, là nơi phát xuất sự sinh tồn cho muôn loài vạn vật. Vậy thì các con hưởng xuân, vui xuân, chúc xuân, không cứ là một mùa xuân ngắn ngủi hạn định như cánh mai kia, mà để nhắc nhở kêu gọi cho các con một tấm lòng xuân trường cửu của đạo lý, của đức nguyên trong bốn đức, của một mùa trong bốn mùa.<sup>(60)</sup>

Mùa xuân chỉ cho sự phát sinh sức sống cho vạn loài, không giới hạn, không đóng khung vào một hoàn cảnh, một thời gian nào, vì Đạo theo đức nguyên là thể hiện được lòng Trời, thương yêu, dưỡng dục, chan hòa mọi kẻ mọi nơi, không riêng tư, không cá biệt, làm cho thiên hạ nên, mọi người được yên ổn mà không thấy mình là kẻ tạo nhân hay ân nhân của thiên hạ.<sup>(61)</sup>

3. Ý nghĩa chân thật của hai tiếng thưởng xuân phải nắm ngầm bộc lộ từ nội tâm mới thật là đúng nghĩa. Còn thưởng xuân trên phương diện hình thức vật chất chỉ tạm cho người thế gian mà thôi. Vì thưởng xuân về vật chất có nhiều khía cạnh, nhưng sau đó thì mệt mỏi, uể oải từ thể chất đến tinh thần. Đó là chưa nói đến hậu quả của sự buồn lo, sợ sệt, oán thù theo sau một cơn quá độ. Còn thưởng xuân trong vòng đạo lý là kiểm điểm, ôn cố<sup>(62)</sup> phần đạo đức hành thiện của mình trong một năm qua. Khi thấy được phần tiến triển với

---

<sup>(60)</sup> Bốn đức của quẻ Càn (nguyên 元, hanh 亨, lợi 利, trinh 貞) tương ứng bốn mùa (xuân, hạ, thu, đông).

<sup>(61)</sup> Đức Diêu Trì Kim Mẫu, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-01 Tân Hợi (Thứ Tư 27-01-1971).

<sup>(62)</sup> **ôn cố** 溫故 (reviewing the old): Xem xét lại những việc cũ.

lòng bác ái, vị tha trên phương diện tam công,<sup>(63)</sup> lòng hân hoan cởi mở, bát ngát tình thương, động lòng trắc ẩn<sup>(64)</sup> đối với kẻ bạc phước gổ đất màn sương.<sup>(65)</sup> Với tinh thần hân hoan ngấm ngấm và bộc phát từ nội tâm, rồi ngồi lại với chén trà đậm bạc, bánh mứt thô sơ, nhưng cõi lòng được nhẹ nhàng và chứa chan niềm hy vọng, tràn đầy đức tin ở phần hộ trì của các Đấng.<sup>(66)</sup>

4. Đông đã tàn, xuân sắp đến, đã gieo vào lòng người bao niềm hy vọng tin tưởng rằng mùa xuân, ngọn gió lành sẽ đưa chim hòa bình mang về cho mọi người trong thanh bình an lạc, cho đây đó hiệp vầy, cho người người đồng thương nhau như tình ruột thịt. Đó là quan niệm và ước vọng của đại đa số người nhân thế.

Còn người hướng đạo phải thấy xa hơn, hiểu xa hơn. Chớ nên chú trọng vào xuân cảnh mà phải chú trọng vào cái xuân tâm, vì xuân cảnh là một thời tiết đổi thay trong mấy tuần hoàn của Tạo Vật.<sup>(67)</sup> Xuân cảnh là tạm ngừng nghỉ một mùa đông gió rét, để làm lại, sắp xếp lại cho tiết đầu năm, rồi cũng

---

<sup>(63)</sup> **tam công** 三功 (*the three merits*): Công quả 功果, công trình 功程, công phu 功夫.

<sup>(64)</sup> **trắc ẩn** 惻隱 (*feeling empathetic*): Cảm thấy đau đớn, xót xa trong lòng trước cảnh không may của người khác.

<sup>(65)</sup> **gổ đất màn sương** (mạc thiên tịch địa 幕天席地: *regarding the sky as a curtain and the earth as a mat; fig., homeless*): Màn trời chiếu đất, không cửa không nhà.

<sup>(66)</sup> Đức Đông Phương Chưởng Quán, Thiên Lý Đàn, 01-01 Kỷ Dậu (Chủ Nhật 16-02-1969).

<sup>(67)</sup> **Tạo Vật** 造物 (*the Creator*): Thượng Đế, Đấng sáng tạo vũ trụ cần khôn.

hết xuân, chuyển lần qua hạ, thu, đông, luân chuyển xây vắn trong cái Thiên luân,<sup>(68)</sup> trong vòng luân quần, hết nhân rồi quả, hết quả rồi lại nhân. Hỏi người đời mấy ai hưởng được một mùa xuân bất tận, mà tránh khỏi hạ về thiêu đốt, đông đến cắt thịt se da?

Tuồng đời ấm lạnh, thăng trầm, vui buồn, hưng thịnh suy vong là thế. Người tu hành cần phải hướng về cái tâm xuân.

Tâm xuân là giải thoát mọi ràng buộc, mọi ảnh hưởng bên ngoài biến chuyển. Có xuân tâm, con người mới giải thoát, vô ngã, vô chấp, khoan dung, tha thứ. Có xuân tâm, con người mới có tình thương ở tự đáy lòng, đem ra chan hòa cho muôn người, cho vạn vật. Có tâm xuân mới có thể dẫn dắt dân tộc này ra khỏi cảnh tiêu trầm,<sup>(69)</sup> hướng dẫn nhân loại tránh khỏi nạn diệt vong.

Cái xuân tâm ấy là Cao Đài Đại Đạo mà dân tộc này đã được Thượng Đế bố ban. Cái của quý vô giá đó chỉ chờ nơi lòng xuân của người đời làm cho nó sáng lên, giống cho nó vang lên, bày cho nó tỏ rạng lên.

Vì nuôi dưỡng cái xuân tâm ấy, lúc sinh thời, Tệ Hữu thường nghiền ngẫm câu nhựt tụng sau đây: Cao Đài vị xuất thế, ngũ châu tuy đại ngã vô gia. 高臺未出世, 五洲雖大我無家. Xin tạm dịch là: Cao Đài nếu chẳng ra đời / Năm châu tuy rộng, ta người vô gia.<sup>(70)</sup>

---

<sup>(68)</sup> **Thiên luân** 天輪 (*heaven's wheel*): Bánh xe Tạo Hóa.

<sup>(69)</sup> **tiêu trầm** 消沉 (*depression*): Buồn thảm (*sadness*), khổ (unhappiness).

<sup>(70)</sup> Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn, thánh thất Bình Hòa, 26-12 Đinh Mùi (Thứ Năm 25-01-1968).

## PHỤ ĐÍNH 2: Linh Sơn

Linh Sơn 靈山 (*Spiritual Vulture Peak*) là núi Linh Thú 靈鷲山 (*thứu*: chim kên kên; *vulture*). Trên núi này Đức Phật Thích Ca đã thuyết kinh Diệu Pháp Liên Hoa, gọi tắt là kinh Pháp Hoa. Những ai có mặt nghe pháp lúc ấy là những người dự hội Linh Sơn (*Linh Sơn hội thượng nhân* 靈山會上人: *people attending the assembly on Spiritual Vulture Peak*).

Người tu thường gọi tình bạn đạo thân thiết là tình Linh Sơn cốt nhục. *Cốt nhục* 骨肉 là xương thịt (tiếng Anh nói là máu thịt: *flesh and blood*), nghĩa bóng là tình máu mủ (*blood relationship*) cùng cha cùng mẹ rất mực thân thiết (*nearest and dearest*). Khi nói tới tình Linh Sơn cốt nhục, hoặc nói tắt là tình Linh Sơn, người tu ngụ ý rằng chúng ta đâu phải mới gặp nhau, mới biết nhau kiếp này; đúng ra, xa xưa trong nhiều kiếp, chúng ta đã cùng dự hội Linh Sơn, cùng nghe Đức Thế Tôn giảng kinh Pháp Hoa.

Sâu xa hơn, khi nhắc nhau tình Linh Sơn tức là người tu ngụ ý hãy giữ cho tâm chúng ta gần gũi nhau trong đạo mạch thiêng liêng, vi diệu để cùng thương nhau, hiểu nhau, cảm thông nhau, bảo bọc nhau, quyết không để lòng phàm tánh tục chia cách đồng đạo chúng ta.

Trong bài thánh giáo khai xuân Tân Sửu (1961) tại Trung Hưng Bửu Tòa, khi dạy *Linh Sơn cùng bạn đồng tâm / Nên hư*

*đóng cửa âm thầm nhủ khuyên*, Đức Trường Sanh Phật Địa nhắc nhở các hướng đạo và môn sanh Cao Đài rằng hễ là đồng đạo (*bạn đồng tâm*) thì giữa nhau đã có tình Linh Sơn cốt nhục rồi. Vậy, nếu có bất kỳ điều chi bất bình, nên hư trong nội bộ thì hãy *đóng cửa âm thầm nhủ khuyên*, dạy dỗ lẫn nhau, sửa lỗi cho nhau; tuyệt đối không được đem ra quyền đòi, nhờ người đòi phân xử để không làm hoen ố danh Thầy danh Đạo.

Đây là ý thức và trách nhiệm của mỗi người đạo đồ. Mang thân hướng đạo, đem đạo vào đời, dẫn dắt người đời ra khỏi vô minh, u tối mà chính mình lại thiếu ý thức, đưa đơn từ kiện tụng nơi cửa công để nhờ quyền đòi phân xử giùm người đạo thì đáng hổ nhục biết bao!

Năm 1927, *Tân Luật* (*Đạo Pháp*, Chương VII, Điều Thứ Hai Mười Tám) quy định: *Về đường đời bốn đạo có xích mích nhau, cũng phải đến cho người làm đầu trong họ phân giải.*

Ngày 25-8-1938, Đức Lý Giáo Tông chú giải điều khoản này như sau: *Bốn đạo hoặc còn ở đường đời, ăn ở cùng nhau có điều chi xích mích phải đem đến cho người đầu họ phân giải; không xong sẽ còn chỗ khác, chẳngặng đem ra tòa đời.*

Như vậy, nếu nội bộ có mâu thuẫn, bất hòa, v.v... mà người trong đạo không áp dụng quy định này, đem nhau ra tòa đời giải quyết thì mắc lỗi *lam dụng quyền đời*.<sup>(71)</sup> Họ khiến người đời chê cười rằng lẽ ra người đạo làm gương, hướng dẫn cho người đời mà trái lại, phải nhờ người đời xử lý giùm việc đạo của người đạo.

---

<sup>(71)</sup> Thánh giáo Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn, Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 27-02 Canh Tý (Thứ Năm 24-3-1960).

## PHỤ ĐÍNH 3: Lâm & Tụy

### 1. ĐỊA TRẠCH LÂM 地澤臨

Địa Trạch Lâm (*Earth-Lake Approach*) gồm hai hào dương ở dưới, bốn hào âm ở trên, diễn tả xu thế đang lên của khí dương, ưu thế đang tăng của người quân tử, bậc hướng đạo, chức sắc Hội Thánh. Vậy, Lâm báo trước một thời kỳ thịnh đạt.



ĐỊA TRẠCH LÂM

Lâm gồm ngoại quái ở trên là Khôn (đất), nội quái bên dưới là Đoài (hồ nước). Bờ hồ (đất, Khôn) tiếp liền với nước hồ (Đoài), tức là cả hai quan hệ mật thiết với nhau. Vậy, Lâm diễn tả tình thân thiết thương yêu của bậc hướng đạo, chức sắc Hội Thánh, luôn nhiệt thành tiếp xúc và gần gũi tín hữu, nhơn sanh.

Lâm ở trên là Khôn (nhu thuận), bên dưới là Đoài (*hòa duyệt* 和悦: hòa đồng và vui vẻ). Vậy, bậc hướng đạo, chức sắc Hội Thánh nhân lúc thời thế thuận lợi hãy hòa duyệt mà tiến bước trên đường hành đạo, đừng cậy quyền mà độc đoán. Đừng lạm dụng quyền pháp để cai trị hay chứng tỏ quyền hành mà hãy hành xử sao cho mọi người cảm mến, gần gũi, kính ái, vâng phục một cách tự nhiên.

Lâm gồm hai hào dương ở dưới, bốn hào âm ở trên, hàm ý rằng tuy đang được xu thế thuận lợi, nhưng bậc hướng đạo

hay chức sắc Hội Thánh hãy luôn luôn tôn trọng quyền pháp, luật Đạo mà hành xử mới được tín hữu, nhơn sanh mến thương, kính phục.

Lâm là cách đối xử của người trên đối với người dưới. Bậc hướng đạo, chức sắc Hội Thánh khi tiếp xúc với tín hữu, nhơn sanh hãy giữ gìn tác phong đạo hạnh, trang nghiêm, cẩn trọng trong cử chỉ, lời nói. Gần gũi mà không suồng sã, vui vẻ mà không cợt đùa...

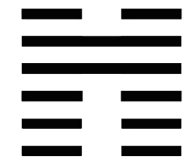
Tại Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 25-3 Canh Tý (Thứ Tư 20-4-1960), Đức Trần Đạo Quang dạy:

*Người hướng đạo ngồi một chỗ mà đức khắp đó đây, mọi người sống trong yên lành trật tự. Lời nói việc làm người hướng đạo đều là khuôn phép cho trăm họ giữ gìn. Nét mặt trầm tĩnh thuần hòa, ám ảnh<sup>(72)</sup> cả lòng người, lúc nào [mọi người] cũng tương tư<sup>(73)</sup> cảm mến.*

Khi hoán vị (đổi chỗ) nội quái và ngoại quái của Địa Trạch Lâm thì thành Trạch Địa Tụy.

### 2. TRẠCH ĐỊA TỤY 澤地萃

Trạch Địa Tụy (Lake-Earth Gathering Together) nói về việc hội họp, kết thành đoàn thể (như một Hội Thánh) sao cho thuận lợi, kết quả tốt đẹp.



TRẠCH ĐỊA TỤY

Nội quái là Khôn (nhu thuận), ngoại quái là Đoài (vui vẻ,

<sup>(72)</sup> **ám ảnh** (*unceasingly influencing sb*): Ảnh hưởng không dứt.

<sup>(73)</sup> **tương tư** 相思 (*thinking of each other, remembering each other*): Nhớ đến nhau.

hòa thuận). Vậy, hành đạo quy tụ đông người cần phải mềm mỏng, nhu thuận và tạo được bầu khí vui vẻ, hòa thuận mới có thể đạt kết quả mong muốn.

Bậc hướng đạo, chức sắc lãnh đạo Hội Thánh phải có lòng chí thành mới được Ông Trên chứng giám, phù hộ. Các vị này phải chứng tỏ là bậc đại nhân thật sự tài đức. Nhờ vậy các vị được đạo hữu, nhơn sanh tin cậy, kính trọng, vâng phục. Các vị còn phải giữ vững chánh đạo, đường lối hành đạo chọn chánh, có mục đích rõ rệt nhằm phục vụ hiệu quả lợi ích của đạo hữu, nhơn sanh. Có vậy mới thu phục được nhân tâm.

Những đại lễ trong Hội Thánh càng uy nghi, trang trọng, càng thu hút đạo hữu, nhơn sanh hội tụ đông hơn, gây được ảnh hưởng tâm lý mạnh mẽ nơi đại chúng, đức tin của cộng đồng nhờ thế càng tăng trưởng, củng cố. Đây là lợi thế để Hội Thánh có được sự “nhất hô bá ứng”, nhờ thế mọi chương trình, kế hoạch hành đạo đều được đạo hữu, nhơn sanh gần xa hưởng ứng, quên mình mà cộng tác tích cực.

## 2. TU RỒI SỨ MẠNG LẠI TRAO

*Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)  
ngày 11-01 Tân Sửu (Thứ Bảy 25-02-1961)*

THI

*ĐẠO Trời mầu nhiệm, gắng công tu  
ĐỨC hạnh trò Tiên phải đứng đầu <sup>(1)</sup>  
CHƠN thật lòng rồi, ơn phước thấy <sup>(2)</sup>  
TIÊN Thần muốn đạt khó gì đâu.*

BÀI

*Ngày xuân đạo chốn trần gian  
Nương cậy thần bút,<sup>(3)</sup> giáng đàn đề thi  
Xuân về một lúc xuân đi  
Gởi bao tươi đẹp, phương phi <sup>(4)</sup> cho đời.  
Muôn dân cùng chịu ơn Trời*

---

<sup>(1)</sup> Câu này ý nói: Là học trò Tiên thì đức hạnh phải trên hết. (*Virtue is the first concern of every Caodai disciple.*)

<sup>(2)</sup> Câu này ý nói: Người nào tu hành chơn thật sẽ được ơn phước Trời ban cho. (*Honest self-cultivators will receive Heaven's blessing.*)

<sup>(3)</sup> **thần bút** 神筆 (*wondrous means of invocation*): Cơ bút thần diệu. – **nương cậy thần bút**: Phụ bút 附筆 (*relying on a wondrous means of invocation*), nương nhờ vào cơ bút thần diệu.

<sup>(4)</sup> **phương phi** 芳菲 (*fragrant*): Thơm tho. (Người Việt thường dùng *phương phi* để chỉ thân hình, mặt mũi béo tốt.)



Sống còn vui khổ, ta người có nhau <sup>(5)</sup>

Người đau là tức mình đau

Có gì phân biệt với nhau rầy rà. <sup>(6)</sup>

Lo tu muôn việc bỏ qua

Để lòng thanh tịnh giao hòa đón ân <sup>(7)</sup>

Có thân đừng nặng vì thân <sup>(8)</sup>

Quên thân thì được thập phần <sup>(9)</sup> cao sang.

Lo tu, ơn phước Thầy ban

Lo tu mới thấy niết bàn tại tâm <sup>(10)</sup>

Mưu thâm thì họa cũng thâm

Thâm thâm nhiễm nhiễm, sanh tâm não phiền. <sup>(11)</sup>

Bây giờ cầu học pháp Tiên

Dọn lòng trong sạch, Thầy truyền dạy cho

Dọn mình, mọi sự thô lo

Dọn mình thanh tịnh như tro đã vùi. <sup>(12)</sup>

Tu rồi lòng chỉ biết vui

Vui cho khỏe khoắn, đẩy lui trần tình <sup>(13)</sup>

Tu rồi mới thấu pháp linh <sup>(14)</sup>

Ở trong miệng sói mà mình không sao. <sup>(15)</sup>

**Tu rồi sứ mạng lại trao** <sup>(16)</sup>

Trao cho Hội Thánh ban rao pháp quyền

Bây giờ Ta để lời khuyên

Sóng to gió dữ, vũng thuyền vượt qua.

---

<sup>(5)</sup> Câu này ý nói: Cuộc sống còn lẫn lộn khi vui lúc khổ, mọi người nên giúp đỡ lẫn nhau. (*Because life is not always happy, people should help one another.*)

<sup>(6)</sup> **rầy rà** (*annoyed, vexed*): Phiền lòng, bực bội.

<sup>(7)</sup> **giao hòa** (*giao đối hòa ái 交對和藹: behaving cordially towards each other*): Đối xử với nhau thân thiện. – **đón ân** (*expecting Heaven's blessing*): Chờ đón nhận ơn Trời.

<sup>(8)</sup> Câu này ý nói: Đừng ích kỷ, chỉ biết riêng mình. (*Don't be selfish.*)

<sup>(9)</sup> **thập phần** 十分 (*completely*): Trọn vẹn.

<sup>(10)</sup> **niết bàn tại tâm** 涅槃在心 (*nirvāṇa in mind; free from passions and illusions*): Phiền não không còn trong lòng.

<sup>(11)</sup> **não phiền** (*phiền não 煩惱: afflictions or distress; passions and delusion or illusions*): Phiền não là từ gọi chung những gì làm cho tâm hồn rối loạn, buồn sầu, khổ não. Bất kỳ thứ gì tác động đến tâm hồn, làm trở ngại sự tu tập để đạt được tâm thanh tịnh hay sự giác ngộ đều gọi là phiền não. Vì bị mê lầm (ảo tưởng hay huyền tưởng) chi phối, vì muốn thỏa mãn ham muốn mà tâm hồn bị phiền não. Nếu căn cứ theo mặt chữ thì dịch phiền não là *afflictions, distress*; căn cứ theo nghĩa nhà Phật thì dịch phiền não

---

là *passions and delusion (illusions)*. Trái nghĩa với phiền não là *thanh tịnh 清淨* hay *bồ đề 菩提 (bodhi)*. Tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam ngày 13-8 Kỷ Mùi (Thứ Tư 03-10-1979). Đức Mẹ dạy: *Đất phiền não bồ đề vun xới / Lia thế gian sao tới niết bàn.*

<sup>(12)</sup> **tro đã vùi** (*lãnh khô 冷灰: cold ash*): Tro lạnh.

<sup>(13)</sup> **trần tình** 塵情 (*worldly emotion, earthly feeling*): Phàm tâm tục tình 凡心俗情, tình cảm phàm tục.

<sup>(14)</sup> **thấu** (*thoroughly comprehending sth*): Thấu suốt. – **pháp linh** (*linh pháp 靈法: efficacious dharma*): Pháp linh nghiệm.

<sup>(15)</sup> Câu này ý nói: Người chơn tu luôn được các Đấng thiêng liêng che chở dù cho gặp lúc tai nạn dầy dầy. Đức Vô Cực Từ Tôn dạy: *Mẹ nhắc nhở các con giữ chánh tâm hành chánh đạo thì sẽ luôn luôn sẵn có một khoảng trống an lành sẵn dành cho các con trong cơ cộng nghiệp.* (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 13-8 Kỷ Mùi, Thứ Tư 03-10-1979).

<sup>(16)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

Bên kia, bờ giác không xa  
Lái lèo Thầy đã cho ta độ thuyền <sup>(17)</sup>  
Từ đây qua khỏi giang biên <sup>(18)</sup>  
Cũng năm ba hiệp đảo điên ba đào.<sup>(19)</sup>

Lạ gì sóng gió xô xao  
Con thuyền rạch nước, sợ nào <sup>(20)</sup> không đi  
Nhắm về Nam, hướng cung Ly <sup>(21)</sup>  
Có Thầy có bạn, có kỳ mừng vui.

Ngược dòng thuyền phải trôi lui  
Trôi lui, đâu phải cho lui về sau  
Ngược dòng đâu dễ muốn mau <sup>(22)</sup>  
Rán công chèo chống, trước sau mấy lèo.

Giang biên qua,<sup>(23)</sup> khỏi phải chèo  
Khỏi rồi, buông lái thả lèo khỏe ru.

### THI

Ru ru rử rử có là ai  
Ai biết Đạo màu, luyện thánh thai <sup>(24)</sup>  
Thai tức <sup>(25)</sup> được truyền ơn bố hóa  
Hóa người phạm tục lại Thiên đài.<sup>(26)</sup>

Đài Cao có chỗ ngự muôn quyền  
Có chỗ Thầy trao pháp vạn duyên  
Có đức có tài, khai phước huệ <sup>(27)</sup>  
Có gan,<sup>(28)</sup> Thầy sẽ dẫn về Tiên.

Thăng.

<sup>(17)</sup> Câu này ý nói: Thầy đã ban trao những bí quyết để tu hành hầu thoát khổ. – **lào lái** (*halyards and a rudder*): Dây lèo điều khiển cánh buồm và bánh lái thuyền. – **độ thuyền** (*độ mê hà thừa thuyền 渡迷河乘船: crossing the river of delusion by boat*): Dùng thuyền (đạo pháp) vượt qua sông mê (cõi trần).

<sup>(18)</sup> **giang biên** 江邊 (*river bank*): Bờ sông; ý nói bờ bên này, bờ mê, tức cõi trần.

<sup>(19)</sup> **ba đào** 波濤 (*great waves, billows*): Ba là sóng, đào là sóng lớn. Gộp chung, ba đào là sóng lớn, sóng cồn.

<sup>(20)</sup> **sợ nào**: Sợ gì, há sợ.

<sup>(21)</sup> Theo bát quái hậu thiên, quẻ Ly ☲ 離 ở phương Nam, tượng trung lửa, mặt trời, v.v... (Phải chăng câu này ngụ ý dạy Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài nên tìm cách liên kết với các Hội Thánh trong Nam?)

<sup>(22)</sup> Câu này ý nói: Chèo thuyền ngược nước mà muốn đi mau thì đâu dễ gì. Nghĩa bóng: Đường tu hành phải nhẫn nại, kiên trì, không thể muốn sớm thành đạo mà được.

<sup>(23)</sup> Qua tới bờ bên kia, đến bến giác.

<sup>(24)</sup> **thánh thai** 聖胎 (*holy embryo*): Hình tượng trong phép tu Tiên. Theo *Tiên Học Từ Điển* 仙學辭典 của Đới Nguyên Trường 戴源長, thánh thai chỉ sự kết hợp chơn thần, chơn khí; sau mười tháng thì có *anh nhi* 嬰兒, thêm ba năm bú mớm (*tam niên nhũ bộ* 三年乳哺) nuôi anh nhi thì chứng Thiên Tiên, thêm chín năm ngó vách (*cửu niên diện bích* 九年面壁) thì chứng Kim Tiên.

<sup>(25)</sup> **thai tức** 胎息 (*embryonic breath*): Hơi thở của bào thai. (Lúc còn trong bụng mẹ, thai thở mà không dùng mũi và miệng.)

<sup>(26)</sup> Câu này ý nói: Biến đổi người phạm trở thành Tiên để đến cõi trời (*Thiên đài* 天臺).

<sup>(27)</sup> **phước huệ** 福慧: *Phước huệ song tu* 福慧雙修 (*self-cultivation by synchronously doing good deeds and practising meditation*). Tu phước là siêng chăm làm lành để giải trừ các nghiệp xấu của bản thân. Tu huệ là tu tịnh, tịnh luyện (công phu).

<sup>(28)</sup> **có gan**: Có gan dạ chịu bỏ hết mọi thú vui trần gian mà chịu nhẫn nại tu hành gian khổ.

### 3. ĐƯỜNG DÀI PHẢI LẬP CHÍ

Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng)  
ngày 22-7 Tân Sửu (Thứ Sáu 01-9-1961)

#### THI

*BẢO* bảo <sup>(1)</sup> anh em cẩn thận nhiều  
*THỌ* truyền bí pháp phải cao siêu <sup>(2)</sup>  
*THÁNH* Thần mới được ơn Thần Thánh <sup>(3)</sup>  
*NƯƠng* nấu chò xin Ngọc Khuyết triều.<sup>(4)</sup>

<sup>(1)</sup> **bảo bảo** (*having advised you several times*): Đã khuyên bảo nhiều lần.

<sup>(2)</sup> Câu này ý nói: Đã thọ nhận việc truyền dạy bí pháp thì hành giả phải tu cho đến mức cao siêu. – **thọ** 受 (*receiving sth*): Tiếp nhận, tiếp thụ 接受. – **truyền** (*truyền thụ 傳授: teaching*): Sự truyền dạy. – **bí pháp** 秘法 (*secret method of inner self-cultivation*): Phương pháp tu luyện chỉ truyền riêng cho người được tuyển chọn, không dạy rộng rãi.

<sup>(3)</sup> Câu này ý nói: Nếu có được những đức tánh tốt đẹp như các Đấng thiêng liêng chỉ dẫn thì con người mới xứng đáng thọ nhận ơn huệ của các Đấng thiêng liêng.

<sup>(4)</sup> Câu này ý nói: Hãy nương nấu trong chánh đạo tu hành, chò ngày đắc đạo được về chầu Thượng Đế. – **Ngọc Khuyết** 玉闕 (*the Jade Emperor's Palace*) Tức là Huỳnh Kim Khuyết 黃金闕, ám chỉ cung điện của Thượng Đế. – **triều** 朝 (*paying homage to God*): Triều kính, chầu Thượng Đế.

Chào chư vị.

Bước đường sứ mạng, nguyên căn <sup>(5)</sup> lúc nào cũng để tâm nghĩ đến. Cần xốc gánh lên đường, phải xứng một Thiên Thần mới đủ tư cách gieo truyền cơ cứu rỗi. Vì thế mà người có thiện căn <sup>(6)</sup> luôn luôn nghĩ tới sự tu để đạt đạo,<sup>(7)</sup> làm nòng cốt cho con người.

Những người đạt nhân quân tử <sup>(8)</sup> lúc nào cũng trông xa nghĩ rộng mà đặt vấn đề cả cho mình và cho mọi người đồng thi hành trên phương diện đó. Không vì hoàn cảnh thôi thúc, ý người đòi hỏi mà mình phải vội vàng làm những việc không đầu không cuối, mà luôn luôn đo đắn, đặt dè. Một lời nói, một nhích chân phải được lợi sanh lợi kỷ.<sup>(9)</sup>

<sup>(5)</sup> **nguyên căn** 原根 (*original root person*): Đồng nghĩa *nguyên khách* 原客 (*original guest*), *nguyên nhân* 原人 (*original human*), tức là *linh căn* 靈根 có nguồn gốc trên trời, xưa kia nhận lãnh sứ mạng xuống thế độ đời; khác với *hóa nhân* 化人 là người từ kim thạch, thảo mộc, cầm thú tiến hóa lên.

<sup>(6)</sup> **thiện căn** 善根 (*root of goodness*): Căn lành, cái gốc rễ tốt lành. Không tham, không sân, không si (*vô tham, vô sân, vô si 無貪, 無瞋, 無癡*) là *tam thiện căn* 三善根. *Tham sân si* là *tam bất thiện căn* 三不善根. Người có thiện căn thấy cái ác thì không chịu nổi (*bất nhẫn 不忍*), nghe nói đến Trời Phật thì tin kính.

<sup>(7)</sup> **luôn luôn nghĩ tới sự tu để đạt đạo**: Lời này làm rõ nghĩa câu *Thọ truyền bí pháp phải cao siêu*.

<sup>(8)</sup> **đạt nhân quân tử** 達人君子 (*the superior man helping others succeed like himself*): Xem Phụ Đính cuối bài thánh giáo này.

<sup>(9)</sup> **lợi sanh lợi kỷ**: 利生利己 (*advantageous to others as well as advantageous to oneself*): Ích lợi cho chúng sanh cũng như ích lợi cho bản thân.

Mẫu mực là mình. Mình là phép tắc đấy, đạo đức đấy, Thánh Thần đấy, quyền pháp đấy, mà sứ mạng trung hưng cũng đấy. Nên người quân tử nhắm vào xa xăm, trông vào hiện tại mà đặt chương trình. Đâu phải thấy đây mà không xem đó. Hơn nữa, vạn thế sự nghiệp<sup>(10)</sup> cốt ở đạo đức, mà đạo đức hiển hiện phải ở nơi người có lòng cầu học hiểu, có chí siêng cần<sup>(11)</sup> tu học dồi mài, có sự giác ngộ thường xuyên mới thấu cơ mầu nhiệm.

Nên chư vị hôm nay dự định lên đường giải thoát cần được chuẩn bị nhiều ngày. Một lần bước ra là một khi đã hòa đồng cùng pháp đạo, nhất trí cùng Thầy. Đâu phải một sớm một chiều, nay cầu mai lạy cho rồi.

Làm Thánh làm Hiền không dễ. Bất cứ ai có chí thì nên, có bền thì được. Dùng chước thì hư, dụng khôn ngoan trăm lần thất bại. Bởi vậy, Thánh xưa vất trí phế tài,<sup>(12)</sup> vắng lặng ở một nơi. Đức đủ, đạo thành, ngày ấy sẽ ra đời mà lấy thân gánh vác.

Trên bước đường tu học lấy đạo Thần Tiên, các vị là bậc hướng đạo Thiên ân, lại còn thiết tha thăm nghĩ, ta hứa với lòng ta để ta đủ can trường mà làm xong con người giải thoát.

**Đường dài phải lập chí**<sup>(13)</sup> mới đến nơi. Phương chi hôm nay [nhìn] bối cảnh quanh mình thấy bao kẻ chết người đau.

---

<sup>(10)</sup> **vạn thế sự nghiệp** 萬世事業 (*career of all ages*): Sự nghiệp muôn đời.

<sup>(11)</sup> **siêng cần** (*diligent*): Siêng năng, cần cù.

<sup>(12)</sup> **phế tài** 廢才 (*abandoning talent*): Không dùng tới tài năng.

<sup>(13)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

Muốn cứu đau ngăn chết là phải có pháp thần thuốc thánh, đức cả tài cao. Mà cảnh khổ diễn tiến mỗi ngày, ta chỉ một thân, lòng không yên nổi. Chạy đường này qua ngõ nọ, tay rờ miệng nói, mãi cứ lằng xằng mà kẻ chết cứ chết, người đau vẫn đau, rồi trách Trời giận mình, mới toan đi vào núi tìm thầy học pháp hồi sinh. Học một năm biết chừng vài món, thấy tuy chưa đủ mà sự việc cũng cần, rồi xuống núi cứu đời.

Pháp ấy tuy hay nhưng khó ngăn họa lớn. Mà người ấy gọi là người có lòng biết lo, có công vị tha xá kỷ.<sup>(14)</sup> Nhưng lòng ấy cũng là hại đời, lòng không lượng được việc làm. Lo như thế thà ngồi không mà đờn ca hơn là phí ngày giờ. Mà không khéo lại như kéo người đui tu theo thầy mù.

Người quân tử với kẻ tiểu nhân đồng làm, đồng nói, đồng lo nhưng hai đường mỗi bên đều khác hẳn. Nên ngay bây giờ các vị hãy nhận thức kỹ càng: Trái lúc non thì chát, lúc dày<sup>(15)</sup> thì chua, lúc muồi thì ngọt. Cũng như người tu, biết Đạo không bằng yêu Đạo. Phải trầm tĩnh, nhứt tâm,<sup>(16)</sup> đi cho đến nơi, làm cho rồi việc. Nghĩa là các vị đã có lòng muốn tu theo đạo Thần Tiên thì đặt mình trên sự vô vi, thanh tịnh.

Cái công thành tựu của ngày mai là cái ý nghĩa việc làm lúc bây giờ. Cái nhân tạo lập đúng đắn thì cái quả kết thành mới được tốt lành.

---

<sup>(14)</sup> **vị tha** 爲他 (*selfless, unselfish*): Vì người khác, không ích kỷ. – **xá kỷ** (xả kỷ 捨己: *self-sacrifice to help others*): Hy sinh để giúp người khác.

<sup>(15)</sup> **dày**: Thí dụ, trái cây dày cơm.

<sup>(16)</sup> **nhứt tâm** 一心 (*wholeheartedly, unshakeably*): Một lòng một dạ, không thay lòng đổi dạ, không lay chuyển.

Muốn tu, ta là người học trò cứ làm theo ý Thầy, nghe theo lời Thầy. Đâu để cho lòng mình đòi hỏi nơi Thầy việc nọ việc kia. Mà hễ [làm] người đệ tử [thì phải] tâm tròn hạnh xứng.<sup>(17)</sup> Đã tròn thì tự nhiên được lặng,<sup>(18)</sup> xứng thì tự nhiên được đậu,<sup>(19)</sup> lo gì nghĩ gì cho mệt nhọc. Đã đặt mình tu theo đây, học với đây, ngó nghe vào đây mà hành sự.

Nhất trí cùng Thượng Đế thì tâm ta và bản thể<sup>(20)</sup> đồng nhất. Đã đồng nhất thì nhất động nhất tịnh, khi vi khi hiển<sup>(21)</sup> của Trời có chỗ nào mà ta không biết.

Muốn đồng nhất cùng Trời thì trước phải dẹp lần tình nghĩa con con, lợi danh nhỏ hẹp, ân ái thấp thường để lòng được lặng trong, người không nghĩ hơn nghĩ thiệt. Có vậy luyện pháp mới linh, nấu đơn mới thành. Ai là người làm được? Chính là người giác ngộ vậy.

Còn việc tu, hễ còn tu là còn khảo. Khảo biết đâu là phần thưởng thiêng liêng, mà biết đâu là phần phạt hữu hình. Nếu

---

<sup>(17)</sup> **hạnh xứng**: Đức hạnh xứng đáng là học trò của Thầy.

<sup>(18)</sup> **được lặng** (*calm, tranquil*): Được an tĩnh, bình lặng trong tâm.

<sup>(19)</sup> **đậu** (*passing an examination*): Thi đậu. (Người tu Kỳ Ba là người dự trường thi Long Hoa.)

<sup>(20)</sup> **bản thể** 本體 (*substance, being*): Cái tự nó tồn tại, đối lập với các hiện tượng 現象 (*phenomena*). Thượng Đế là Đại Linh Quang; con người là tiểu linh quang. Bản thể của con người là linh quang. Chỗ đồng thể giữa Trời và người cũng là linh quang. Đức Chí Tôn dạy: *Con là một thiêng liêng tại thế / Cùng với Thầy đồng thể linh quang*. (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 14-01 Bính Ngọ, Thứ Năm 03-02-1966)

<sup>(21)</sup> **vi** 微 (*invisible*): Ẩn kín, không nhìn thấy. – **hiển** 顯 (*visible*): Hiện bày cho thấy.

nó là phần phạt mà vui nghe thì phạt kia là thưởng đó.

## BÀI

*Hồng ân đâu có riêng ai  
Ai người biết được chiều mai đợi chờ  
Hễ là quân tử tri cơ<sup>(22)</sup>  
Đừng màng danh lợi, đừng mơ ảo huyền.<sup>(23)</sup>*

*Muốn tu thành Phật thành Tiên  
Sửa lòng cho chính, cho chuyên tịnh hành<sup>(24)</sup>  
Trông vào lòng chẳng mỏng manh  
Trông ra mình được Trời dành một nơi.*

*Mặc người bay nháy đưa bơi  
Ta còn thiếu đức, thiếu hơi, thiếu tài  
Lo tu chứng ngộ Cao Đài  
Kiếp này có trễ, kiếp mai thi hành.*

*Kiếp này quả đạo được thành  
Đương vi<sup>(25)</sup> xốc gánh quần sanh một thời*

---

<sup>(22)</sup> **tri cơ** 知幾 (*knowing the minutest sign*): Biết được cái triệu chứng (mầm mống nhỏ nhất mới vừa hiện ra), từ đó hiểu được tình thế sẽ diễn biến ra sao mà chọn cho mình một thái độ, một cách hành xử tốt nhất. Chẳng hạn, theo *Luận Ngữ* (18:4), khi Đức Khổng Tử năm mươi sáu tuổi, đang làm tư khấu kiêm tế tướng nước Lỗ thì nước Tề tặng nước Lỗ một ban nữ nhạc, khiến cho vua Lỗ say đắm, luôn ba ngày không ra ngự triều. Đức Khổng thấy triệu chứng đó bèn bỏ nước Lỗ, đi qua nước Vệ.

<sup>(23)</sup> **ảo huyền** (*impractical, unrealizable*): Hảo huyền, viển vông, không thực tế, không tưởng.

<sup>(24)</sup> **tịnh hành** 並行 (*synchronously practising sth*): Làm luôn cùng lúc hai việc. Ở đây tức là vừa *chính tâm* vừa *chuyên nhất*.

Nếu thành, chưa lập ra đời<sup>(26)</sup>  
Thì về Thiên quốc<sup>(27)</sup> chầu Trời cũng vui.

Phiền gì tính tới tính lui  
Miễn cho việc của Trời người được xong  
Dầu mà mình có cùng không<sup>(28)</sup>  
Đâu đòi đâu hỏi cho lòng sân si.

Lòng tu nào có muốn chi  
Thân tu ta đã quy y lâu rồi  
Có gì còn gọi là tôi.<sup>(29)</sup>

Thăng.

---

<sup>(25)</sup> **đương vi** 當為 (*assuming sth, undertaking sth*): Nhận lấy, gánh vác, đảm đương.

<sup>(26)</sup> Câu này ý nói: Nếu mình tu thành (đắc đạo) mà đời thánh đức chưa xuất hiện cho mình thì thối.

<sup>(27)</sup> **Thiên quốc** 天國 (*kingdom of Heaven*): Nước Trời.

<sup>(28)</sup> **có cùng không** (*having or not having sth*): Có hay không có.

<sup>(29)</sup> Hai câu kết bài thánh thi gọi nhớ tới lời khuyên của Đức Thanh Phong Thần Nữ (Bùi Thị Ngàn) tại nhà tu Phước Huệ Đền (Tam Kỳ, Quảng Nam), ngày 14-3 Canh Tý (Thứ Bảy 09-4-1960): *Thân này đã hiến trọn cho quyền năng Thượng Đế thì thân đâu phải còn chủ quyền của ta mà tính lợi tính hơn.*

## PHỤ ĐÍNH: Đạt Nhân Quân Tử

1. Ngày nay, hai chữ **đạt nhân** được người Hoa dùng theo nghĩa:

1.1. Người *thông đạt lý sự* 通達事理, biết lý lẽ phải trái (*reasonable*).

1.2. Người suy nghĩ lạc quan (*tu tưởng lạc quan* 思想樂觀; *optimistic*), khoáng đạt (*khai lãng* 開朗: *open-minded*).

1.3. *Cao thủ* 高手 (*expert*) trong một lãnh vực chuyên môn. Tuy nhiên, cả ba nghĩa này đều không áp dụng vào lời dạy của Đức Bảo Thọ Thánh Nương.

2. **Đạt nhân quân tử** 達人君子 (*the superior man helping others succeed like himself*) nghĩa là bậc quân tử biết mưu cầu sự thành đạt cho người khác cũng như mình thành đạt.

Chữ *nhân* 人 này là con người (*humans*), không phải là đức nhân 仁, nhân ái 仁愛 (*benevolence*). Chữ *đạt* 達 này nghĩa là thành đạt, thành tựu, thành công (*succeeding, successful*). *Đạt nhân* nghĩa là giúp cho người khác thành công cũng như mình thành công.

2.1. *Đạt nhân* nguyên là lời Đức Khổng Tử dạy ông Tử Cống về hạnh của Thánh Nhân và của người có lòng nhân ái, được chép trong *Luận Ngữ* (6:30):

*(K)ỷ dục lập nhi lập nhân; kỷ dục đạt nhi đạt nhân.*

己欲立而立人, 己欲達而達人.

Muốn tạo lập cho mình thì cũng tạo lập cho người khác; muốn mình thành đạt thì cũng giúp người khác thành đạt.

*(He who wishes himself to be established sees that others are established; and he who wishes himself to be successful sees that others are successful.)*

**2.2.** Ý nghĩa *đạt nhân* vô cùng cao quý như thế còn được Đức Bảo Thọ Thánh Nương hàm ngụ ở hai câu này:

– *(L)úc nào cũng trông xa nghĩ rộng mà đặt vấn đề cả cho mình và cho mọi người đồng thi hành trên phương diện đó.*

– *Một lời nói, một nhích chân phải được lợi sanh lợi kỷ.*

*Lợi kỷ 利己 là ích lợi cho bản thân (advantageous to oneself). Lợi sanh 利生 là ích lợi cho chúng sanh (advantageous to other people).*

**2.3.** Đức Thích Ca thành Phật rồi, lại khuyên người đời hãy biết tu để thành Phật giống như Ngài:

*Ta là Phật đã thành, các người là Phật đang thành.*

我已成佛, 汝當成佛.

*Ngã dĩ thành Phật, nhữ đương thành Phật.*

*(I have become a Buddha; you are Buddhas-to-be.)*

Đó là tấm lòng *đạt nhân quân tử*.

Các bậc Tiên Thánh vì không quản ngại cõi trần ô trược, không chán ngán người trần lì lợm khó dạy, nên cứ mãi giảng

ơ uốn nắn, bảo ban, rèn luyện phạm nhân từng ly từng tý, chỉ cốt mong sao kẻ phạm phu tục tử cũng trở thành Tiên Thánh như các vị. Đó là tấm lòng *đạt nhân quân tử*.

**2.4.** Nói tới Phật hay Tiên Thánh thì có cao quá chăng? Hay là nói thấp hơn tầm mức đó là tình đồng đạo Kỳ Ba.

Thật vậy, môn sanh Cao Đài hầu như thâm tâm ai ai cũng muốn lúc mình qua đời thì được lo liệu cho phần hậu sự chu đáo, ấm cúng. Phần mình chưa tới, nhưng khi đồng đạo mãn phần thì họ đạo, đồng môn lớn bé trẻ già cùng xúm nhau lại, chăm lo miễn phí mà hết lòng tận tụy từ khi làm các bí tích lúc vừa tắt thở, nhập quan, lễ tang, an táng, chín tuần cửu, cho đến tiểu và đại tường. Như thế cũng là *đạt nhân quân tử* đấy thôi.

## 4. MUỐN GIẢI THOÁT PHẢI CÓ CHÍ LÀM PHẬT LÀM TỔ

*Trung Hưng Bửu Tọa (Đà Nẵng)  
ngày 15-8 Tân Sửu (Chủ Nhật 24-9-1961)*

THI

*NAM bang gặp Đạo phước vô cùng  
HẢI (Hỡi) nguyện tu hành chứng quả công  
BỒ liễu<sup>(1)</sup> có sao còn đằm đuối  
TÁT (Tác) ân<sup>(2)</sup> độ dẫn mở đường thông.*

Bần Đạo chào chư Thiên ân Hội Thánh. Chào chư đẳng đạo tràng. Thành tâm nghe dạy.

Hôm nay Hội Thánh dâng lễ tấn tôn<sup>(3)</sup> Phật Mẫu, Bần Đạo vui mừng dạy một vài lời gọi là ban ơn cho tấm lòng kính mến.

---

<sup>(1)</sup> **bồ liễu** 蒲柳: a/ **bồ** (*various monocotyledonous flowering plants including Acorus calamus and Typha orientalis*) là cây cói, lác (dùng làm chiếu, giỏ, quạt...); **liễu** (*willow*) là loại cây có cành dài và thanh mảnh, lá mềm yếu buông rủ xuống. b/ **bồ liễu, liễu bồ** (*women, as compared to slender and weakly willow*) tức là phụ nữ (vì phần đông họ mảnh mai, yếu ớt như cây bồ, cây liễu).

<sup>(2)</sup> **tác ân** 作恩 (*conferring favours*): Thi ân 施恩, làm ơn, ra ơn.

<sup>(3)</sup> **lễ tấn tôn** (*tấn tôn chi lễ 進尊之禮: veneration offering ceremony*): Lễ dâng lên lòng tôn kính, để bày tỏ lòng tôn kính.

Hôm nay, cũng như những ngày khác các năm về trước, ngày mừng vui của toàn đạo, ngày mà Hội Thánh dành riêng cho nữ phái được một đặc ân để đón mừng Đức Vô Cực. Nơi này cũng như các nơi khác khắp cùng trong nền Đại Đạo Lành Ba đều cử lễ chúc mừng. Ngày này hay những ngày khác, nhân loại trên hoàn cầu cũng đều mến yêu Đức Mẹ Vô Cực vì Người đã ứng hóa nhiều nơi đối với loài người, trái cả lòng thương yêu tận độ.

Cũng ngày này những năm về trước, tại Hội Thánh đón tiếp một buổi lễ huy hoàng. Bên trong lòng người nào cũng súc tích đầy sự trong trắng kính thành. Ở xa hay gần đều hướng về đón chào ngôi thiêng liêng cao cả.

Ngày vía Đức Mẹ thiêng liêng mỗi năm vào tết trung thu, trăng sáng gió dịu, khí trời mát mẻ, cảnh trời có đủ màu sắc xinh tươi. Trăng sáng soi chiếu mười phương một khối thiêng liêng lành mạnh. Khối thiêng liêng ấy trong lòng người. Khi lòng được thanh tịnh thì quán chiếu<sup>(4)</sup> rõ rõ.<sup>(5)</sup>

Nhưng lấy chỗ lòng người năm nay nào khác chi cảnh đời đông to gió lớn, mưa đổ mây che làm cho ánh trăng thu vùi lấp trong mây lớp phong vân,<sup>(6)</sup> thì khối thiêng liêng của nữ phái có khác gì của lễ<sup>(7)</sup> ngày trung thu này. Những mây ám gió rung, sét vang chớp búa, mưa đổ trời đen, nào khác chỗ

---

<sup>(4)</sup> **quán chiếu** 觀照 (*reflecting*): Dùng trí tuệ xem xét và thấy sáng tỏ.

<sup>(5)</sup> **rõ rõ** (*very bright*): Sáng rõ.

<sup>(6)</sup> **phong vân** 風雲 (*wind and cloud; fig., unstable situation*): Gió và mây; nghĩa bóng là hoàn cảnh bất ổn.

<sup>(7)</sup> **của lễ** (*tế phẩm 祭品: offerings*): [Chúa] lễ phẩm, những thức dâng lên các Đấng thiêng liêng.



nhân dục <sup>(8)</sup> phóng ra che lấp mỗi thiên lý, thiên lương; rồi nhìn trên hình sắc mỗi người [thấy] thiếu phần đạo hạnh.

Mặc dù nhân dục có lấn át mỗi thiên lý ở trong lòng, nhân dục có lên đến cùng tốt tới đâu cũng không làm thế nào mà tiêu hao thiên lý được. Thiên lý là bản thể bất di bất dịch, trường cửu tự tại. Nhân dục còn mạnh thì thiên lý bị che, nhưng nhân dục không thật không bền, không trường cửu. Nó có đó rồi không đó. Nên chi, thiên lương đã hiện thì nhân dục tự tan.

Bần Đạo mong muốn các đạo hữu bình tĩnh mà ngó lại cảnh trời đen hung dữ hôm nay, thấy được nhân dục đã đẩy thân thể ta vào nơi tội lỗi thì nên quay về. Quay về sẽ được cứu và được ban cho quyền pháp để mà lập nên đẳng cấp thiêng liêng.

Thôi, Bần Đạo thể lòng <sup>(9)</sup> toàn đạo, giờ này để chút từ bi nhắc lại: Toàn đạo nên trở về cùng quyền pháp, trở về với bốn phận của mỗi người, về với Mẹ với Thầy, với hàng ngũ mình, với Hội Thánh. Về đi! Mạnh mẽ mà quay bước đừng chân nơi bước đời bị lợi danh câu nhử,<sup>(10)</sup> bị nhân dục xúi xô, bị ham luyến bả phù vân,<sup>(11)</sup> tình duyên lôi cuốn.

---

<sup>(8)</sup> **nhân dục** 人欲 (*human desires*): Những ham muốn của con người.

<sup>(9)</sup> **thể lòng** (*depending on one's wish*): Tùy theo lòng, theo ý.

<sup>(10)</sup> **câu nhử** (*tempting sb*): Dùng mồi nhử (dụ) cho cá mắc câu; nghĩa bóng là cám dỗ cho vướng vào nguy hiểm.

<sup>(11)</sup> **bả** (*poison bait*): Mồi độc để nhử. – **phù vân** 浮雲 (*floating clouds; fig., unstable advantages*): Mây nổi trên bầu trời rồi sẽ tan; nghĩa bóng là những lợi ích không bền vững. – **bả phù vân**: Những lợi ích tạm bợ như mồi độc cám dỗ con người vướng vào nguy hiểm.

## PHÚ

*Quay về mà đón hồng ân.*

*Quay về sống trong lòng Mẹ yên lành.*

*Quay về để tránh cơn nước lửa.*

*Quay về để khỏi sự thịnh nộ của chư Thần.*

*Quay về để được sứ mạng, được Mẹ và Thầy chia cắt địa giới cho mà quản trị.*

*Quay về thì mọi sự bình yên.*

*Quay về thì mọi người yêu kính.*

*Quay về thì oán thù mới dứt, nghiệp duyên mới đoạn, thống khổ <sup>(12)</sup> được tiêu.*

*Quay về cùng chị em đồng đạo, nương náu với nhau trong lưới ma đời hãm he quấy hại.*

*Quay về nơi cơ sở Mẹ trí định <sup>(13)</sup> mà lo tu hành.*

*Quay về con đường giải thoát như xưa.*

*Quay về với lời giao ước thì ơn phước sẽ cháy đến, điển lành sẽ tràn đến.*

*Thần cứu thế sẽ giáng nơi mỗi người.*

*Đường thiêng liêng được bắc lại cầu.*

*Cửa trời sẽ mở ra.*

*Các bạn Nữ Thánh, Nữ Thần sẽ trở lại cùng các người để hộ trì giúp đỡ mà đưa qua khúc đời nguy hiểm.*

Đây, Bần Đạo cũng nhấn thêm một điểm quan trọng là nếu

---

<sup>(12)</sup> **thống khổ** 痛苦 (*suffering*): Đau khổ.

<sup>(13)</sup> **trí định** 置定 (*arranging sth*): Đặt để, an bài.

nữ phái không hồi đầu,<sup>(14)</sup> Hội Thánh bị chinh nghiêng, thì tội các người không nhỏ.

Hôm nay Bần Đạo đến cũng để thử lòng chí kính chí thành đến đâu, nên không miễn lễ. Bần Đạo từ bi nhắc thêm là cố gắng để cầu Đức Mẹ. Đừng vô phép nhé!

Bần Đạo ban ơn.

### TIẾP ĐIỂN THI

*VÔ vi mầu nhiệm lắm, con à  
CỰC Mẹ nhiều lần phải nói ra  
TỪ lúc hứa ban quyền sứ mạng  
TÔN ty hỗn loạn vương yêu ma.*

Mẹ mừng các con. Thành tâm ngồi ngay thẳng mà nghe dạy.

### BÀI

*Mẹ thương con không còn chỗ nói  
Trách con sao giữ thói phạm phu  
Hồi tu hồi lại nhác<sup>(15)</sup> tu  
Khi say vừa tỉnh, tỉnh rồi lại say.*

*Con lớn nhỏ có hay có biết  
Biết nỗi Già tha thiết toan lo  
Lo phần quyền pháp được cho  
Một khi bị truất, thân trò ra chi.*

<sup>(14)</sup> **hồi đầu** 回頭 (*turning one's head back; fig., awaking to illusions of life*): Quay đầu lại; tỉnh ngộ, thức tỉnh.

<sup>(15)</sup> **nhác** (*lazy*): Biếng nhác, làm biếng.

*Ơn đã cạn, còn gì hạnh phúc  
Sống nằm trong cảnh tục thân tàn  
Các con nếu sớm chẳng toan  
Cứ mà làm lũi đi càn thì nguy.*

*Đời đã đến trong kỳ khốn khổ  
Nạn máu xương chỗ chỗ diễn bày  
Tai trời chông chất đến ngay  
Không tu sao khỏi đọa đày, tai ương.*

*Con nữ phái mau buông, quày lại  
Về với Thầy đừng cãi lời Trên<sup>(16)</sup>  
Có tu thân phận mới nên  
Con người quyền pháp tuổi tên được ngời.*

*Quyền pháp giữ, ơn Trời chảy đến  
Công vụ xong, bạn mến người nhường  
Giữ còn hai chữ thiện lương  
Ngày sau về nước Thiên Đường thành thoi.*

*Bốn phận con bên đời bên đạo  
Xử sao xong hoài bão thân danh  
Người con phải chính phải lành  
Phải là gương mẫu nhân sanh soi vào.*

*Lo mà tu được cao phẩm hạnh  
Lo mà tu mới Thánh mới Thần  
Lo tu trọn chữ giáo dân<sup>(17)</sup>  
Lo chăm học hỏi, tiến lần đừng lui.*

<sup>(16)</sup> **lời Trên**: Lời dạy của Ông Trên.

<sup>(17)</sup> **giáo dân**: *Giáo dân vi thiện 教民爲善 (teaching people to do good deeds), dạy dân chúng làm lành.*

Có thể đui thì đui với tục  
Câm được thì câm phứt thị phi <sup>(18)</sup>  
Để lòng thanh tịnh vô vi  
Đón chờ huyền diệu một khi nhiệm mầu.

Sao các con câu mâu <sup>(19)</sup> nhau mãi  
Sao các con rán cãi rán kình  
Làm cho xáo động nội tình  
Chừng nào mới thấy hòa bình, tự do?

Thầy đã hứa Thầy cho sứ mạng  
Rán với nhau để đến thành công  
Gần xa trên dưới một lòng  
Thành hình Hội Thánh giống dòng rở xinh.

Trên Giáo Hữu nâng mình cho xứng  
Dưới Lễ Sanh phải chứng lòng thành  
Biết con khó nhọc đã đành  
Làm người có khó, cái danh mới mầu.

Nghĩ cho chín, cho sâu, cho cạn  
Hòa cùng nhau vừa rán vừa vui  
Đắng cay rồi đến ngọt bùi  
Miễn con giác ngộ, xong xuôi khó gì.

Lễ Sanh tập ra đi hành đạo  
Trị Sự lo hoài bão thiện dân <sup>(20)</sup>

Trông về hướng đạo <sup>(21)</sup> ân cần  
Lo gì công cuộc canh tân <sup>(22)</sup> chẳng thành.

Miễn các con đừng quanh đừng quẩn  
Sao các con mấy bận thẳng trăm  
Các con còn thiếu chữ tâm  
Mà trong nội bộ thâm thâm mờ mờ.

Các con quý thẳng nghe đọc. Tập lấy quyền pháp đối với Mẹ.

Mẹ hôm nay đến ban ơn cho Hội Thánh, cho toàn đạo, và trực tiếp ban ơn lành mỗi con có mặt hôm nay.

Về nữ phái thì giữ [bấy] nhiều đó cho được cũng khó rồi. Làm sao nhắc nhở lẫn nhau lo tu tâm sửa tánh. Mà nhất là người có quyền pháp phải nâng đỡ con người Thiên ân của mình để cho quyền Giáo Hội được mạnh, pháp Giáo Hội được linh. Từ Trị Sự trở lên phải hết lòng làm tròn công vụ, xứng với phẩm vị đã giao. Trong hàng ngũ Thiên ân được đều với nhau thì sự nghiệp Hội Thánh Nữ Phái sau này cũng còn hy vọng. Nếu Thiên ân phạt sự tâm còn rẽ riêng, ý còn danh lợi thì cũng khó đóng góp vào công cuộc cho một sứ mạng nào. Vậy các con không làm nên cho Đạo được thì cũng rán làm nên cho các con.

Về tu sĩ, Thầy và Mẹ cùng thấy cần một Hội Thánh tương

---

<sup>(18)</sup> Câu này ý nói: Đừng lăm lờ khen chê hoặc bàn chuyện đúng sai (thị phi 是非) của người khác.

<sup>(19)</sup> **câu mâu** (unfairly finding fault with sb's act; picking a quarrel with sb): Hay bắt lỗi bắt phải; gây gổ, kiếm chuyện.

<sup>(20)</sup> Tín đồ còn được Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài gọi là **thiện**

---

**dân** 善民 (good citizen). Gia đình của thiện dân gọi là **thiện gia** 善家 (good family).

<sup>(21)</sup> **hướng đạo** (hướng đạo giả 向導者: spiritual leader; those who lead their coreligionists): Người dẫn dắt đạo hữu.

<sup>(22)</sup> **canh tân** 更新 (renovating sth): Đổi mới.

lai lành mạnh, nên đợt đầu là phải có người; phải là người giác ngộ và có lòng giải thoát thì mới mong đảm nhiệm vai tuồng quan trọng này. Nhưng gần đây, cơ khảo thí <sup>(23)</sup> làm cho lòng tu nguội lạnh, bước đạo thẳng dùn, thì Hội Thánh cũng tùy đó mà đặt một giải pháp vừa bảo đảm, vừa xây dựng. Sự nên thì nên vun lấy cho nó được nên, còn hủ hoại thì để ra phần hủ hoại. Muốn tu nữa hay không, đó không thành vấn đề phải bàn. Nếu tu sĩ nào muốn chọn cho mình một con đường đi vừa sức mà cũng vừa thích thì tùy nguyện mà nói ra. Nhưng tu xá cũng cần có con mắt của Hội Thánh để trông vào mà chỉnh đốn các lệch lạc. Cần mẫn mà gấp rút.

Về phần Mẹ thì Mẹ muốn cho con nào cũng tu, mà phải lập chí trên sự làm Thánh làm Tiên. Nếu không có chí làm Thánh làm Tiên thì không bao giờ làm được hai chữ giải thoát. Vậy ai **muốn giải thoát thì phải có chí làm Phật làm Tổ.**<sup>(24)</sup> Chí đó mới vượt trên nhân sự thị phi. Con nào có chí đó?

(. . .)

Thôi, Mẹ ban ơn lành cho mỗi con.

---

<sup>(23)</sup> **khảo thí** 考試 (*examining sb, testing sb*): Cho thi (thử thách) để xét khả năng, trình độ.

<sup>(24)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

## 5. LO SỬA TRAU CHO THÀNH CON NGƯỜI GIẢI THOÁT

*Tu xá Phước Huệ Đàn (Tam Kỳ, Quảng Nam)  
ngày 09-9 Tân Sửu (Thứ Tư 18-10-1961)*

THI

*BẢO đi bảo lại bấy nhiều lần  
THỌ lãnh <sup>(1)</sup> rồi lo luyện lấy thân  
THÁNH được trời sanh,<sup>(2)</sup> phàm mới diệt  
NƯƠNG nhờ quyền pháp đón hồng ân.*

Bản Nương chào quý liệt vị Thiên ân. Chào chư hiền nữ. Mời an tọa.

Hôm nay, ơn phước đã về lại cùng chúng ta, cũng nhờ lòng từ bi của Từ Tôn Kim Mẫu. Mẹ lúc nào cũng tư tư thiết thiết,<sup>(3)</sup> trông về đám con tội lỗi nơi cõi trần này. Người chẳng nại chẳng buồn dù đứa ấy phạm ác đến đâu cũng

---

<sup>(1)</sup> **thọ lãnh**: Thọ lãnh pháp môn tịnh luyện (công phu).

<sup>(2)</sup> **trời sanh** (*growing much better*): Sinh sôi nhiều hơn, phát triển trội hơn.

<sup>(3)</sup> **tư tư thiết thiết**: a/ 思思切切 (*deeply missing sb*): Thiết tha thương nhớ. b/ 惻惻切切 (*earnestly advising sb*): Thiết tha khuyên nhủ. Xem *Phụ Đính* cuối bài thánh giáo này.

quyết ân cần làm cho nó đến khi giác ngộ. Người luôn luôn này xin Tòa Tam Giáo mở lượng khoan hồng để lần hồi Người sẽ dùng quyền pháp, ân oai mà cứu trọn đám nguyên căn<sup>(4)</sup> trở về Thiên quốc.<sup>(5)</sup> Lòng từ bi đến thế, tưởng còn hơn trời rộng đất dày.<sup>(6)</sup>

Nếu buổi hạ ngươn này không nhẫn nại bao dung như lòng của Đức Mẹ, thì hầu hết toàn linh<sup>(7)</sup> sẽ mãi đắm chìm trong bể khổ. Riêng như nhóm bạn chúng ta đây cũng khó hồng trông mong có ngày hồi phục.<sup>(8)</sup> Chị em nữ phái nói chung, tu sĩ nói riêng đã trái phạm. Đôi lúc lòng dạ chur Thần phần nộ, chur Thánh chẳng muốn nhìn. Nếu không bởi sự lân mẫn, yêu thương của Mẹ nơi [cõi] trời thì làm sao còn được bảng hồng danh trên Ngọc Khuyết.<sup>(9)</sup>

Chị em lẩn thẩn quá! Hồi tỉnh hồi say. Buồn cười thay! Lúc

---

(4) **nguyên căn** 原根 (*original root person*): Đồng nghĩa *nguyên khách* 原客 (*original guest*), *nguyên nhân* 原人 (*original human*), tức là *linh căn* 靈根 có nguồn gốc trên cõi trời, xưa kia nhận lãnh sứ mạng xuống thế gian độ đời; khác với *hóa nhân* (nhơn) 化人 là người vốn từ kim thạch, thảo mộc, cầm thú tiến hóa lên.

(5) **Thiên quốc** 天國 (*kingdom of Heaven*): Nước Trời.

(6) **trời rộng đất dày** (cao thiên hậu địa 高天厚地: *trời cao đất dày*): Ý nói ơn đức sâu dày (*ân đức thâm hậu* 恩德深厚).

(7) **toàn linh** 全靈 (*all souls*): *Quần linh* 群靈 (*all souls*), tất cả các linh hồn; đồng nghĩa với *quần sinh* 群生, *chúng sinh* 眾生 (*all living beings, all human beings*), vì mỗi người là một điểm linh quang chiếu từ Thượng Đế (khối Đại Linh Quang).

(8) **hồi phục** (*restoring sth*): Phục hồi ngôi vị cũ trên trời.

(9) **Ngọc Khuyết** 玉闕 (*the Jade Emperor's Palace*): Tức là *Huỳnh Kim Khuyết* 黃金闕, ám chỉ cung điện của Thượng Đế.

tu lúc nghỉ. Nếu quyền pháp này không ở vào cơ tận độ thì vạn kiếp chúng ta cũng luẩn quẩn trong cõi lao trần.<sup>(10)</sup>

Phật Trời nào có muốn hành phạt ai. Cực bất dĩ<sup>(11)</sup> không răn đe, không trừng trị thì nương đâu còn trong thánh thể. Nếu ngày nào chị em chẳng được Thần Thánh nhắc đến nói đến, thì ngày ấy chị em đã không còn ở trong bộ hệ Thần Tiên.

Vì thương mà phải dạy phải bày, phải dụng oai linh, đề ra kỷ luật. Nếu không thì có khác chi thiên hạ ngoài đời. Họ chém cha, giết thầy, hại bạn; Thần Tiên nào động địa<sup>(12)</sup> đến.

(...)

#### PHÚ

*Thuyền phước huệ chống chèo qua khúc ngược,  
Gắt cùng nhau xông lướt khỏi sông mê.  
Giữ làm sao trên dưới được đề huề,  
Tròn phận sự trở về ngôi Vô Cực.*

*Trong nội bộ từ lâu hơi bực rục,<sup>(13)</sup>  
Sự ở ăn chấp nhất, tình ý không hòa.  
Sao các em nữ phụ lời Ta,  
Ngoài hoàn cảnh xấu xa, trong ruột rà thêm bần thủ.*

---

(10) **lao trần** (trần lao 塵牢): Lao tù cõi trần. Cảnh thế gian ràng buộc làm con người mất tự do (vì chủ nhơn ông bị lục đục, thất tình sai khiến), vì thế cõi trần ví như chốn lao tù.

(11) **cực bất dĩ** (*unwillingly*): Cực chẳng đã, chẳng dặng dưng, *bất đắc dĩ* 不得以.

(12) **động địa** (*mentioning*): Đụng chạm, nói đến.

(13) **bực rục**: Bực bội, bất bình với nhau.

Đáng lẽ ra một người hư muôn người chịu,  
Chịu hư luôn mới liệu mới khổ làm sao!  
Sống giữa nhau là cốt nhục đồng bào,  
Lo tu học, **lo sửa trau cho thành con người giải thoát.**<sup>(14)</sup>

Chưa kinh nghiệm, nghe lời chị anh cô bác,  
Để tránh điều phỉnh gạt mà đi lạc theo nẻo ma tà.  
Nếu thiệt tu, khôn dại cũng cho qua,  
Để lòng khỏi yêu ma gây rối loạn.

Lời hồng thệ trông có Thầy, nhờ có bạn,  
Nhắm tương lai mà cách đáng việc bây giờ.  
Khổ đau của bạn phải chia lo,  
Lòng chó làm ngơ mà chị em bơ vơ, thiếu tình thân mật.

Nghe gia trưởng đem về lẽ thật,  
Nghe tịnh đường khải mật<sup>(15)</sup> néo thông công.  
Nghe hộ trì Phước Thiện lập công,  
Nghe giám đốc mở lòng khai trí.

Rồi nghe bạn những lời tùy hỷ,  
Rồi nghe lòng bày chỉ lẽ hơn thua.  
Rán mà tu, tu phải ganh đua,  
Đua theo Đạo mà tiến, chó sút thua rồi hối hận.

Mẹ đã thương ban hồng ân mà độ dẫn,  
Thì phải lo các tận sở năng.<sup>(16)</sup>

Vậy xin vui mừng và để lời chào Hội Thánh và chị em đàn

<sup>(14)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

<sup>(15)</sup> **khải mật**: Kín đáo hé lộ riêng.

<sup>(16)</sup> **các tận sở năng** 各盡所能 (*each does his utmost*): Mỗi người làm hết khả năng của mình.

nội. Bản Nương xin kiếu.

## PHỤ ĐÍNH: Tư Tư Thiết Thiết

*Tư tư thiết thiết* là một cụm từ chữ Nho, có lẽ ít thông dụng trong văn học hay kinh sách chữ quốc ngữ.

1. Thời Nam Kỳ thuộc Pháp, tại thôn Mỹ Trà (Cao Lãnh, nay thuộc tỉnh Đồng Tháp) có ông Nguyễn Văn Thới (thường gọi là ông Ba Thới). Ông sinh năm Bính Dần (1866), tu theo đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, quy thiên ngày 09-4 Bính Dần (Thứ Hai 09-5-1927) tại làng Kiến An,<sup>(17)</sup> quận Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên.<sup>(18)</sup>

Bình sinh, ông sáng tác chín quyển thơ khuyến tu, sau đó được bốn đạo kết tập in chung thành một quyển, tổng cộng 2.184 câu thơ, lấy nhan đề là *Kim Cổ Kỳ Quan* (mượn nhan đề quyển một). Trong quyển chín, nhan đề *Kiến Tiên* (tức Cảnh Tiên),<sup>(19)</sup> có hai câu này:

*Anh em khá tư tư thiết thiết*

<sup>(17)</sup> Sau năm 1956, các làng gọi là xã.

<sup>(18)</sup> Do sắc lệnh 143/VN ngày 22-10-1956, tỉnh Châu Đốc và tỉnh Long Xuyên sáp nhập thành tỉnh An Giang.

<sup>(19)</sup> *Cảnh* đọc thành *Kiến* có lẽ vì kiêng húy Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh (1650-1700) chăng?

Có học hành mới biết đại khôn.

2. Diễn tả nỗi lòng tương tư của một chàng trai, dân ca Nam Kỳ có câu hát:

Ngày sáu khắc tư tư thiết thiết  
Đêm năm canh dạ héo gan khô.

3. Trong tiểu thuyết Kim Vân Kiều Truyện 金雲翹傳 của Thanh Tâm Tài Nhân 青心才人 (1521-1593) đời nhà Minh (Trung Hoa), ở Hồi thứ Hai Mươi, tả lòng Kim Trọng thương nhớ Thúy Kiều,<sup>(20)</sup> tác giả dùng tám chữ: tư tư thiết thiết niệm niệm tưởng tưởng 思思切切, 念念想想.

Giáo Sư Đàm Quang Hưng (1933-2017) dịch là “nghĩ nghĩ thương thương, đau đau nhớ nhớ”.

Theo ba trích dẫn trên đây, tư tư thiết thiết viết như một cụm từ (không có dấu phẩy giữa tư tư và thiết thiết); điển ký cũng chép bản thánh giáo như vậy.

4. Thiết thiết, tư tư chép trong Luận Ngữ (13:28) với dấu phẩy ngăn cách (thiết thiết, tư tư), nhưng chữ Nho viết khác hơn, và được hiểu khác với nghĩa ở mục 2 và 3 dẫn trên.

4.1. Tử Lộ vấn viết: “Hà như tư khả vị chi sĩ hỹ?” Tử viết: “Thiết thiết, tư tư, di di như dã, khả vị sĩ hỹ. Bằng hữu thiết thiết, tư tư, huynh đệ di di.”

子路問曰：“何如斯可謂之士矣？”子曰：“切切，悃悃，怡怡如

也，可謂士矣。朋友切切，悃悃，兄弟怡怡。”

4.2. Nguyễn Hiến Lê (1912-1984) dịch:

Tử Lộ hỏi: “Thế nào thì có thể gọi là kẻ sĩ?” Khổng Tử đáp: “Thiết tha khuyên nhủ, và hòa vui, thì có thể gọi là kẻ sĩ. Bạn bè thì thiết tha khuyên nhủ nhau, anh em thì hòa vui với nhau.”

5. Kết hợp các nghĩa ở mục 2, 3, và 4, tạm hiểu tư tư thiết thiết theo hai nghĩa:

- 思思切切 (*deeply missing sb*): Thiết tha thương nhớ.
- 悃悃切切 (*earnestly advising sb*): Thiết tha khuyên nhủ.

<sup>(20)</sup> Dựa theo Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, Nguyễn Du (1766-1820) viết Đoạn Trường Tân Thanh 斷腸新聲, tức Truyện Kiều.

## 6. NGƯỜI HƯỚNG ĐẠO ĐÓNG VAI TƯỚNG SOÁI CỦA THẦY

Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng)  
ngày 15-10 Tân Sửu (Thứ Tư 22-11-1961)

THI

THÁI hòa một khí chống càn khôn<sup>(1)</sup>

BẠCH hắc hai nghi<sup>(2)</sup> để bảo tồn

KIM thạch dẫn ai lòng đạo đức<sup>(3)</sup>

TINH thần, nhật nguyệt chiếu thiên côn.<sup>(4)</sup>

Lão chào chư chức sắc Lương Đài. Chào chư đạo tâm nam nữ.

<sup>(1)</sup> Câu này ý nói: Khí thái hòa (do âm dương hòa hợp) chống đỡ (*supporting*) cho vũ trụ (*càn khôn*) ổn định, vững bền. – **thái hòa** 太和 (*grand harmony*): 1/ Cũng như đại hòa 大和, sự hòa hiệp, hòa thuận rất mực, rất lớn. 2/ Khí do âm dương hòa hợp.

<sup>(2)</sup> **bạch hắc hai nghi** (*yin and yang*): Âm (hắc) và dương (bạch).

<sup>(3)</sup> Câu này ý nói: Dẫn dò các môn sanh phải giữ lòng đạo đức bền chặt, không để hư mất. – **kim thạch** 金石 (*gold and stone; fig., steadfast, stable*): Vàng và đá. Vàng bền và đá cứng, ám chỉ sự bền vững, kiên cố, không thay đổi.

<sup>(4)</sup> Câu này ý nói: [Lòng đạo đức của người tu] hãy sáng rõ như mặt trời, mặt trăng, và tinh tú chiếu sáng bầu trời. – **tinh thần, nhật nguyệt** 星辰日月 (*stars, the sun, and the moon*): Tinh tú (các vì sao), mặt trời, và mặt trăng. – **thiên** 天 (*sky*): Bầu trời. – **côn** 焜 (*bright, brilliant*): Sáng rõ.

Ba lăm năm chẵn<sup>(5)</sup> trải thăng trầm  
Thành bại vì đâu, bởi tại tâm  
Dấu thế một phen toan cứu chữa<sup>(6)</sup>  
Có ngày thịnh vượng, có tri âm.

Chư liệt vị và đạo tâm ngồi.

Năm nay Đạo Trời vào buổi hạ nguơn đã vượt theo thời gian ba mươi sáu năm,<sup>(7)</sup> tướng cũng một việc đáng mừng. Nếu không bởi tay Trời lòng Thánh thì khó bề đứng vững mà chiếm được một địa vị nơi cõi trần lao<sup>(8)</sup> này.

Buổi đời rơi xuống đến ngày hạ nguơn mặt tận, lòng người trôi theo nhiều kiếp tội tình, mà bản thể hồn nhiên<sup>(9)</sup>

<sup>(5)</sup> **ba lăm năm chẵn** (*exactly thirty-five years*): Đạo Cao Đài khai minh tại chùa Thiên Lâm (Tây Ninh) ngày 15-10 Bính Dần (19-11-1926), và đàn cơ này lập ngày 15-10 Tân Sửu (22-11-1961); vậy là thời gian vừa tròn ba mươi lăm năm chẵn.

<sup>(6)</sup> Câu này ý nói: Dấu lòng người đổi dời như thế, Ông Trên vẫn toan cứu chữa một lần nữa.

<sup>(7)</sup> **ba mươi sáu năm**: Ý nói Đạo Trời đã bước vào năm đạo thứ ba mươi sáu.

<sup>(8)</sup> **trần lao** 塵牢 (*the world as compared to a prison*): Lao tù cõi trần. Cảnh thế gian ràng buộc làm con người mất tự do (vì chủ nhơn ông bị lục đục, thất tình sai khiến), vì thế cõi trần ví như chốn lao tù.

<sup>(9)</sup> **hồn nhiên** 渾然: Nghĩa theo chữ Hán là 完整不可分割 (hoàn chỉnh bất khả phân cắt: *complete and unable to be divided*), tức là toàn vẹn và không thể phân chia hay cắt xẻ. Nhưng người Việt dùng *hồn nhiên* theo nghĩa khác. *Hán Việt Tân Từ Điển* (Sài Gòn: Nxb Khai Trí, 25-4-1974) của Nguyễn Quốc Hùng (1938-2003) giải thích *hồn nhiên* là: “Cứ như thế, không có gì khác cả. Chỉ tính tình giống như lúc trẻ thơ. Vô tư, chân thành.” Vậy, *hồn nhiên*



đã nhuộm màu ô trược.<sup>(10)</sup> Nên mấy người <sup>(11)</sup> buông lợi rời danh, đừng bước theo mỗi vật chất mà hồi tỉnh thiện tâm!

Khi lòng đã thâm nhập thể tình <sup>(12)</sup> mới ghét lẽ phải, mến điều trái, hóa cho nên cõi sống khô tàn, giống lành <sup>(13)</sup> khó vững. Nếu không một phen khử ám hồi minh <sup>(14)</sup> thì có ngày cảnh âm u, người người tê liệt. Vì vậy mới thấy ở thế gian ít người được an toàn một sớm một chiều,<sup>(15)</sup> còn đâu nói đến lòng người đổi thay, thoát mê thoát tỉnh.

Thế nên Thầy cũng rộng lòng từ bi, muốn đem sự sống che trùm, muốn lấy thương yêu bao bọc, không để cho một vật hữu vi nào hoại diệt linh hồn; dầu khó dầu dễ, dầu lâu hay

---

dịch là *innocent*. Cách giải thích của ông Nguyễn gọi nhớ lời Chúa (Lu-ca 18:15-17): *Người ta còn đem cả trẻ thơ đến với Đức Giê-su, để Người đặt tay trên chúng. Thấy vậy, các môn đệ la rầy chúng. Nhưng Đức Giê-su gọi chúng lại mà nói: “Cứ để trẻ em đến với Thầy, đừng ngăn cấm chúng, vì Nước Thiên Chúa là của những ai giống như chúng. Thầy bảo thật anh em: Ai không đón nhận Nước Thiên Chúa với tâm hồn một trẻ em, thì sẽ chẳng được vào.*

<sup>(10)</sup> **bản thể hồn nhiên đã nhuộm màu ô trược:** Những chữ này gọi nhớ tới lời khuyên của Đức Thanh Lương Thần Nữ (Trung Hưng Bửu Tòa, 21-4-60): *Chớ cho vật chất làm chìm linh quang.*

<sup>(11)</sup> **mấy người:** Chẳng có mấy người (*not many people*).

<sup>(12)</sup> **thể tình** 世情 (*worldly affairs, the ways of the world*): Sự đời, thể sự, tình đời, thói đời.

<sup>(13)</sup> **giống lành** (hảo chủng tử 好種子: *good seed*): Mầm thiện Trời ban sẵn cho mỗi người. Biết tu thì mầm thiện lớn mạnh, vững bền; không biết tu thì mầm thiện hư hao, mất mát.

<sup>(14)</sup> **khử ám hồi minh** 去暗回明 (*removing ignorance and restoring wisdom*): Trừ bỏ sự u tối, lấy lại sự sáng suốt.

<sup>(15)</sup> **một sớm một chiều** (*a short while*): Thời gian ngắn ngủi.

mau cũng quyết đưa cõi đời, quyết độ loài người cho đến nơi thành tựu an lạc. Vậy thì người hướng đạo <sup>(16)</sup> phải sớm giác ngộ, thể theo ý Trời để chuyển hóa quần linh ra ngoài cảnh âm mê, thoát khỏi nạn máu xương thể thiết.<sup>(17)</sup>

Buổi đời cộng nghiệp trả trả vay vay, một vốn bốn lời,<sup>(18)</sup> số số căn căn <sup>(19)</sup> biết sao mà tránh. Nên Lão để lời khuyên [chư] hướng đạo cũng như nam nữ đạo tâm, sống trong lúc đông tây giao chiến, nam bắc họa tai phải thế nào, đừng để ngọn sóng bất bình <sup>(20)</sup> cuốn đẩy bản năng <sup>(21)</sup> ra ngoài khơi

---

<sup>(16)</sup> **người hướng đạo** (*hướng đạo giả 向導者: spiritual leader; those who lead their coreligionists*): Người dẫn dắt đạo hữu.

<sup>(17)</sup> **thê thiết:** Thê lương 淒涼 và thâm thiết 慘切; sầu não và đốn đau.

<sup>(18)</sup> **một vốn bốn lời:** Cũng như *nhất bản vạn lợi* 一本萬利 (*small capital, huge profit; putting in a little and getting a lot out*: một vốn muôn lời), ý nói gieo nhân một thì gặt quả nhiều gấp bội lần.

<sup>(19)</sup> **số số căn căn:** Căn số nối chuyền nhau không dứt. Căn 根 là cội rễ, nền tảng (*root, basis*). Số 數 là số mệnh, số mạng 數命, số phận 數分, kiếp số 劫數 (*predestined fate*). Do căn lành (*thiện căn 善根*) mà có số mạng tốt; do căn ác (*ác căn 惡根*) mà số mạng xấu, đúng theo luật nhân quả báo ứng.

<sup>(20)</sup> **bất bình** 不平 (*indignant*): Phẫn nộ, căm giận. – **ngọn sóng bất bình** (*a wave of indignation*): Lòng bất bình nổi lên dữ dội như sóng cuộn trào.

<sup>(21)</sup> **bản năng** 本能 (*instinct*): Hành vi mang tính phản xạ tự nhiên, là xu hướng vốn có (bẩm sinh) để đáp trả lại một tác động từ bên ngoài hay một hoàn cảnh cụ thể. Chẳng hạn, khi bị mắng nhiếc, bản năng thúc đẩy người ta nổi giận và trả đũa ngay. Nếu hai bên không thể kiểm soát cơn giận, từ chỗ lời qua tiếng lại sẽ dẫn đến hành vi bạo lực gây hậu quả nghiêm trọng để rồi bị luật pháp trừng phạt, thì đó chính là “ngọn sóng bất bình cuốn đẩy bản năng ra ngoài khơi vạn khổ”. Nhưng nhờ học đạo và ý thức mạnh

vạn khổ. Nếu mãi tâm móng động,<sup>(22)</sup> nhân khi gió ác cảm thổi bay ra chiến địa, nòi giống tương tàn <sup>(23)</sup> mà ơn phước Tam Kỳ khó trông lai phục.<sup>(24)</sup>

Giờ đây, Lão cũng thể lòng <sup>(25)</sup> Thầy mà đồng nhất sự thương yêu để chờ một ngày lai phục.

Lão cũng nghĩ rằng nơi thiên không <sup>(26)</sup> muôn vạn quốc độ,<sup>(27)</sup> Thần linh đôi lúc cũng có lăm khối chơn nguyên tu chưa tận diệt quần âm <sup>(28)</sup> mà tham vọng trôi đến cõi trần. Cũng có kẻ giác tỉnh nương giữ pháp thân trở về Thiên quốc. Cũng còn lăm người vì vật dục ám mờ mà phải lăn trôi theo đường lục đạo,<sup>(29)</sup> có khi làm quân tử đạt nhân,<sup>(30)</sup> có hồi

---

mẽ, người tu hành có thể kiểm chế bản năng, dẫn cơn phần nộ.

<sup>(22)</sup> **mãi tâm móng động**: Cứ mãi để lòng xáo động, không thanh tịnh.

<sup>(23)</sup> **tương tàn** 相殘 (*slaughtering each other*): Tàn sát, giết hại nhau.

<sup>(24)</sup> **lai phục** 來復 (*restoring sth*): Văn hồi, phục hồi, lấy lại.

<sup>(25)</sup> **thể lòng** (*depending on one's wish*): Tùy theo lòng, theo ý.

<sup>(26)</sup> **thiên không** 天空 (*sky*): Bầu trời, không trung.

<sup>(27)</sup> **quốc độ** 國土 (*realm*): Cõi, miền.

<sup>(28)</sup> **chưa tận diệt quần âm**: Chưa thuần dương.

<sup>(29)</sup> **lục đạo** 六道: Sáu đường luân hồi của chúng sanh, tùy theo những việc lành việc ác đã tạo gây trong kiếp sống. (*Six kinds of rebirth in samsara that are undergone by sentient beings in accord with their good or evil actions carried out in their previous lifetime.*) Lục đạo gồm: 1/ Thiên 天 (*devas: celestial beings, gods, hiểu theo Phật Giáo; không phải là Thượng Đế theo Nho, Lão, Cao Đài*). 2/ A tu la 阿修羅 (*asura*). 3/ Nhơn 人 (người: *human*). 4/ Địa ngục 地獄 (*hell*). 5/ Ngạ quỷ 餓鬼 (ma đói, quỷ đói: *hungry ghost or demon*). 6/ Súc sanh 畜生 (thú vật: *animal*). Ba đường trên (1, 2, 3) là ba đường lành (*tam thiện đạo 三善道*). Ba đường

cũng làm ma làm quỷ, thì trách chi người không giác không mê, không ma không Phật. Mặc dù Phật Phật ma ma, miễn sao đừng chối <sup>(31)</sup> tính người làm ác, biết ngăn lẽ ác mà về với lẽ phải đường lành. Nếu chẳng chút ăn năn, hể đắm vào đâu thì chìm tới đó.

Song người Thiên ân không nên lấy cớ <sup>(32)</sup> mà dung dưỡng tính tình, phải bảo vệ lấy nguyên căn, bảo tồn lấy nền chánh pháp.

Nếu một khi làm lỡ thì ngũ quan <sup>(33)</sup> bế tắc, mà quyền pháp của Đạo cũng [bị] rẻ rúng lu mờ thì nên bình tĩnh mà suy để chống đỡ lại tòa nhà quyền pháp, hầu đưa đạo tâm đến cõi an toàn, hầu ngăn chặn sự tấn công ồ ạt của mười phương <sup>(34)</sup> đến gieo họa cho loài người, mà nhất là đốt rụi thành trì Việt quốc.

Bốn phận người Thiên ân cứu thế, đại Thiên <sup>(35)</sup> hành sự trong lúc này, mà cũng là bốn phận người dân phải yêu nòi thương giống, phải lo bảo vệ xã tắc sơn hà, bên đạo bên đời. Đó là con đường trung đạo.

---

dưới (4, 5, 6) là ba đường dữ (*tam ác đạo 三惡道*).

<sup>(30)</sup> **quân tử đạt nhân**: Xem *Phụ Đính*, bài 3 sách này.

<sup>(31)</sup> **chối** (*dismissing sth, rejecting sth*): Chối bỏ.

<sup>(32)</sup> **lấy cớ** (*make an excuse for sth*): Viện cớ.

<sup>(33)</sup> **ngũ quan** 五官 (*the five sense organs, i.e., eyes, ears, nose, tongue, and skin*): Năm bộ phận của thân thể con người, gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, và da, giúp con người biết về bên ngoài, bằng cách nhìn, nghe, ngửi, nếm và sờ mó.

<sup>(34)</sup> **mười phương** (*thập phương 十方: everywhere*): Khắp nơi.

<sup>(35)</sup> **đại Thiên** 代天 (*acting on behalf of Heaven*): Thay Trời mà làm.

Song nên hiểu người hay vật hữu sanh,<sup>(36)</sup> mỗi cá thể<sup>(37)</sup> cũng chịu thọ bẩm nơi Trời một đoạn nguyên khí, chịu tinh cha huyết mẹ mà thành hình. Các vật chia ra giống chạy giống bò, giống bay giống nhảy, thú trứng thú con. Một lúc tượng thành, có vật vừa lọt bào thai đã bay, đi hay đứng; cũng có loài phải chờ cho đủ cánh đủ lông. Mặc dù chậm đến bao nhiêu hay mau được chùng nào, vật nào cũng chịu sự nuôi nấng trông nom của mẹ.

Vật vật khác hình khác thể thì cũng phải khác tính khác tình. Tính tình, hình thể làm sao đã in khuôn cho mỗi giống. Miễn sao giống nào cũng giữ được bản tính nguyên thủy mà về với nguyên sơ.

Vậy giữa các hiền cũng nên suy gẫm lời Già<sup>(38)</sup> mà học lấy tánh bao dung của Trời rộng mênh mông, trên che dưới chở. Được vậy thì nấc thang thiên vị<sup>(39)</sup> chỗ nào cũng xứng mặt đáng người, chỗ nào cũng được tiêu biểu là người của Thượng Đế, cũng để làm gương cho xa gần trông đến. Có vậy, **người hướng đạo mới đóng vai tướng soái của Thầy,**<sup>(40)</sup> mới xứng trong tam tài đồng thể.<sup>(41)</sup>

---

<sup>(36)</sup> **hữu sanh** 有生 (*having life*): Có sự sống.

<sup>(37)</sup> **cá thể** 個體 (*individual*): Một người hay một con vật.

<sup>(38)</sup> **Già**: Lão. Đức Lý Giáo Tông tự xưng.

<sup>(39)</sup> **thiên vị** 天位 (*heavenly position*): Chỗ (vị trí) trên cõi trời.

<sup>(40)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

<sup>(41)</sup> **tam tài** (*the three powers*) 三才: Ba ngôi trong vũ trụ là trời, đất, người (*thiên, địa, nhân* 天地人: *heaven, earth, man*). – **tam tài đồng thể** 三才同體: Hoảng Minh Tập 弘明集, quyển 4, có câu: *Nhân phi thiên địa bất sinh. Thiên địa phi nhân bất linh. Tam tài*

Đây, Lão nói về quyền pháp. Các hiền coi đi coi lại bao lời giáo hóa từ lâu và coi theo Tân Luật để thi hành.

Nói đến cùng, dầu có sai sót lỡ lầm đối với các hiền cũng còn có thể châm chước, song Thiêng Liêng là sự mực thước cân đo. Đã lập luật ra, dầu luật ấy không phải bởi Thầy mà Thầy đã chuẩn y, thì dầu quyền cao cả như Chí Tôn có đến đây cũng không vượt qua quyền pháp đó; thì Lão nhân danh một Giáo Tông Tam Kỳ Phổ Độ, phải chấp hành Thiên nhân quyền pháp, đâu dám cãi canh.

Song, trong lúc cơ đạo chinh nghiêng cần được chỉnh đốn mà đặt vấn đề tương nhượng<sup>(42)</sup> lên trên. Trong lúc đức tin toàn đạo chưa tỏ, phải thể theo trình độ mà dắt dìu; nên Lão cũng thể theo lời cầu xin mà cho thành hình các cơ sở thánh thất và sự xây dựng nội bộ, sao tiện là xong. Mong sự đồng nhất<sup>(43)</sup> với nhau, để nghe bản Thiên thư đọc trước ngày [kỷ niệm] ba mươi sáu năm khai Đạo.

Về việc trấn an quyền pháp cho toàn đạo thuộc về nội vụ, Lão không tiện nói ra đây. Còn sự làm Lão cũng không nhận là không công; song, làm phải được trên nguyên tắc thuần

---

*đồng thể tương tu nhi thành giả dã.* 人非天地不生. 天地非人不靈. 三才同體相須而成者也. (Người không có trời đất thì không sinh ra. Trời đất không có người thì không linh diệu. Tam tài đồng bản thể, cùng phối hợp nhau mà thành tựu vậy.) Ghi chú: *Tương tu* 相須: Cũng viết *tương nhu* 相需, cùng dựa nhau mà tồn tại (*hỗ tương y tồn* 互相依存), cùng phối hợp nhau (*hỗ tương phối hợp* 互相配合).

<sup>(42)</sup> **tương nhượng** 相讓 (*yielding each other*): Nhường nhau.

<sup>(43)</sup> **đồng nhất** 同一 (*unanimous*): *Đồng thuận nhất trí* 同順一致, hoàn toàn đồng ý với nhau.

chân, thuần nhất để đi đúng pháp môn cứu thế lần này là vạn pháp đồng nhất hay Thiên nhân hiệp nhất mới không thấy màu sắc dị biệt,<sup>(44)</sup> mới có sự thương yêu che chở.

Nay Lão gửi đến cho đạo hữu một món quà kỷ niệm ngày tam thập ngũ chu niên khai Đạo <sup>(45)</sup> là thuần túy đạo đức, duy nhất tinh thần, bảo tồn quyền pháp để tránh các sự họa gởi tai bay,<sup>(46)</sup> để không chịu một trách nhiệm nào bởi sự gây họa cho dân tộc.

Thôi, mọi việc về hữu vi để hữu vi quyết định.

Về thánh thất, khi lập đủ phương tiện bảo dân,<sup>(47)</sup> lập thành họ đạo, Lão sẽ ban hiệu <sup>(48)</sup> cũng không muộn.

Thôi, Lão chào. Chư Thiên ân và toàn đạo sống trong ơn Thầy để bảo vệ quyền pháp. Lão thăng.

<sup>(44)</sup> **dị biệt** 異別 (*different*): Khác xa nhau.

<sup>(45)</sup> **ngày tam thập ngũ chu niên khai Đạo** (*Cao Đài Giáo thành lập tam thập ngũ chu niên 高臺教成立三十五周年: the thirty-fifth anniversary of the founding of Caodaism*): Ngày kỷ niệm tròn ba mươi lăm năm khai Đạo.

<sup>(46)</sup> **họa gởi tai bay** (*phi lai hoạnh họa 飛來橫禍: sudden and unexpected disaster*): Tai họa thành linh xảy ra cho người vô can.

<sup>(47)</sup> **bảo dân** 保民 (*protecting people*): Bảo vệ người dân.

<sup>(48)</sup> **ban hiệu** 頒號 (*conferring a name*): Ban cho tên gọi thánh thất.

## 7. MỘT PHƯƠNG PHÁP BẢO AN GIÁO HỘI

*Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)  
ngày 18-10 Tân Sửu (Thứ Bảy 25-11-1961)*

THI

*BẢO dân, dưỡng thiện <sup>(1)</sup> cứu đời nguy  
NGUON hạ <sup>(2)</sup> Thần Tiên độ mạng kỳ <sup>(3)</sup>  
CHƠN đạo thanh bình đời phục cổ <sup>(4)</sup>  
TIÊN Thần pháp nhiệm, rán tìm suy.<sup>(5)</sup>*

<sup>(1)</sup> **bảo dân** 保民 (*protecting people*): Bảo vệ người dân. – **dưỡng thiện** 養善 (*nourishing goodness*): Nuôi dưỡng điều tốt lành. – **bảo dân dưỡng thiện**: Bảo vệ và nuôi dưỡng thiện dân. (Tín đồ còn được Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài gọi là **thiện dân** 善民. Gia đình của thiện dân gọi là **thiện gia** 善家.)

<sup>(2)</sup> **nguồn hạ**: *Hạ nguồn* (nguyên) 下元: Thời kỳ cuối cùng của một đại chu kỳ. Tam nguồn gồm có: 1/ *Thượng nguồn* (nguồn thượng đức, nguồn tạo hóa, *the first kalpa*); 2/ *Trung nguồn* (nguồn thượng lực, nguồn tranh đấu, *the second kalpa*); 3/ *Hạ nguồn* (nguồn điều tàn, nguồn tái tạo để trở lại thượng nguồn, *the last kalpa*). Hạ nguồn cũng gọi là **hạ nguồn mạng kiếp** 下元末劫 hay **mạt pháp** 末法.

<sup>(3)</sup> **mạt kỳ** 末期 (*the last era, the last kalpa*): Kỳ chót, kỳ cuối cùng.

<sup>(4)</sup> **phục cổ** 復古 (*returning to the ancient era of holy virtue*): Trở lại thời xưa thánh đức.

Chào chư Thiên ân, chư đạo huynh, đạo tử. Xin mời ngồi.

## BÀI

Trời đông mây ám trăng mờ  
Mưa sa gió thét ngấn ngor lòng người.  
Cơn mạt kiếp nạn đời không xiết<sup>(6)</sup>  
Buổi hạ nguơn ai biết làm sao?  
Trông ra mà thắm đồng bào  
Ngày qua ngày lại biết bao khổ nạn.  
Giờ ai phải đảm đang,<sup>(7)</sup> che chở  
Giờ ai lo giúp đỡ giống nòi  
Tránh cơn khốc liệt ló mòi  
Để toan thoát khỏi đờn roi hội này?<sup>(8)</sup>  
Bản Quân<sup>(9)</sup> xin ghi đây đôi việc

Để Thiên ân tìm biết mà lo  
Mỗi ngày mỗi thấy gay go  
Nhân dân co duỗi, đói no không lường.<sup>(10)</sup>

Trông non nước nhiều phương nhiều sách<sup>(11)</sup>  
Nạn phái phe đủ cách đủ trò  
Dân tình biết mấy điều lo  
Đông tây xô xát, lương kho<sup>(12)</sup> cạn dần.

Trên chưa thuận, lòng dân khó vững  
Dưới thiếu tâm, chập chững đủ đường  
Nên chi<sup>(13)</sup> có loạn mười phương<sup>(14)</sup>  
Đổi thầy thay tớ ai nường nể ai.<sup>(15)</sup>

<sup>(5)</sup> Bài thơ xưng danh quán thủ là Bảo Nguơn Chơn Tiên. Tại Trung Hưng Bửu Tòa ngày 15-01 Mậu Tuất (Thứ Ba 04-3-1958), Đức Chí Tôn phong tiền bối Trần Nguyên Chí (1914-1957) quả vị *Trung Đẳng Huyền Cơ Chưởng Pháp Hộ Đạo Thiên Quân* 中等玄機掌法護道天君, hay *Bảo Nguơn Khai Huyền Cơ Tuyển Tiên* 保元開玄機選仙, cũng là *Bảo Nguơn Chơn Tiên* 保元真仙. – Câu thơ chót ý nói: Đạo pháp Thần Tiên vốn nhiệm màu; con người hãy rán suy tư tìm học cho thấu đáo.

<sup>(6)</sup> **không xiết, khôn xiết** (*indescribable*): Không thể nói cho hết.

<sup>(7)</sup> **đảm đang, đảm đương** 擔當 (*assuming sth, undertaking sth*): Nhận lãnh, gánh vác.

<sup>(8)</sup> **hội** 會 (*moment*): Lúc.

<sup>(9)</sup> **Bản (Bổn) Quân** 本君 (*a formal form of addressing oneself*): Bản cũng nói là *Bổn*. Đức Bảo Nguơn Chơn Tiên cũng là *Hộ Đạo Thiên Quân* nên Ngài tự xưng *Bản/Bổn Quân*. Một vị Thánh thì xưng

*Bản/Bổn Thánh* 本聖. Một vị Thần thì xưng *Bản/Bổn Thần* 本神. Một vị vương thì xưng *Bản/Bổn Vương* 本王. Một vị quan chức thì xưng *Bản/Bổn Chức* 本職. Đờn Tống (Trung Hoa) ông Bao Công cai quản phủ Khai Phong nên thường tự xưng *Bản/Bổn Phủ* 本府. Ngày xưa, một sứ thần nói với người nước khác thì gọi nước mình là *Bản/Bổn Quốc* 本國 (nước của tôi). Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn khi giảng cơ, nói với đàn em thì xưng *Bản/Bổn Huynh* 本兄.

<sup>(10)</sup> **không lường, khôn lường** (*mạc trắc* 莫測: *unpredictable*): Khó mà đoán trước, không thể tính trước được (nói về điều xấu).

<sup>(11)</sup> **phương sách** 方策 (*strategy, policy, general plan*): *Phương lược* 方略, *sách lược* 策略, *chiến thuật* 戰術, chính sách, kế hoạch lớn.

<sup>(12)</sup> **lương kho**: Kho lương (*lương khố* 糧庫: *grain depot*), kho lương thực, kho thóc.

<sup>(13)</sup> **nên chi** (*therefore, thus*): [cổ] Vì vậy, bởi thế.

<sup>(14)</sup> **loạn mười phương** (*thập phương loạn lạc* 十方亂落: *fighting and disorder everywhere*): Khắp nơi loạn lạc.

<sup>(15)</sup> Câu này ý nói: Thời nhiễu nường, loạn lạc, nhiều phái phe nổi

Đó là việc bên ngoài thời sự  
Việc trong nhà ta xử sao đây?  
Đức tin duy nhất nơi Thầy  
Gần xa trên dưới đầy đầy cậy tin.

Để có chỗ mà vin<sup>(16)</sup> mà tựa  
Để có nơi mà dựa mà che  
Để toan cứu vớt bạn bè  
Để quyền pháp tỏ, chở che trong ngoài.

Lúc Hội Thánh dương oai<sup>(17)</sup> bảo hộ<sup>(18)</sup>  
Để cho cơ phổ độ rộng truyền  
Mặc dù thời thế đảo điên<sup>(19)</sup>  
Đảo điên ta phải dùng quyền trấn an.

Rồi ta đây vững vàng, độc lập  
Bởi không thiên<sup>(20)</sup> không chấp mà thành  
Đứng trong nam bắc phân tranh  
Mà làm cho Đạo trưởng thành mới hay.

Đức Giáo Tông hứa với các hiền Thiên ân trách nhiệm vào ngày sơ phục<sup>(21)</sup> mới lộ bày thuật kế<sup>(22)</sup> bảo pháp an đạo.

---

lên chiêu dụ người dân, cạnh tranh lẫn nhau, chẳng ai nể nang hay nhường nhịn ai.

<sup>(16)</sup> **vin** (*clinging to sth*): Bám víu, vịn lấy.

<sup>(17)</sup> **dương oai, dương uy** 揚威 (*displaying one's majesty*): Tỏ lộ cho thấy sự uy nghiêm.

<sup>(18)</sup> **bảo hộ** 保護 (*protecting sth*): Che chở, giữ gìn.

<sup>(19)</sup> **đảo điên** 倒顛 (*chaotic*): Xáo trộn, hỗn loạn, tráo trở.

<sup>(20)</sup> **thiên** 偏: Nghiêng, lệch về một phía.

<sup>(21)</sup> **sơ phục** 初伏: Mười ngày giữa (*trung tuần* 中旬) tháng Bảy dương lịch (*middle ten days of July*). Ngày đầu tiên của mười ngày

Song<sup>(23)</sup> các hiền Thiên ân phận sự nóng lòng lo cho cơ biến chuyển mà sơ họa hại<sup>(24)</sup> đến đạo tràng<sup>(25)</sup> nên mới có ngày nay. Cũng một dịp may Bản Quân đến cùng quý huynh hiền **một phương pháp bảo an Giáo Hội**;<sup>(26)</sup> song cũng được Đức Giáo Tông truyền dạy như thế mà làm.<sup>(27)</sup>

## THI

Con thuyền thế giới gặp phong ba<sup>(28)</sup>  
Nhân loại nhô nhô hoảng ré la  
Vững lái lo gì nhờ Hội Thánh  
Lái thuyền là một vượt mà qua.

Lái không bao lớn lái thuyền to<sup>(29)</sup>

---

sơ phục cũng gọi là **ngày sơ phục** (*the first day of the middle ten days of July*). Đối chiếu với hai mươi bốn tiết khí 節氣 (*the twenty-four divisions of the solar year*) thì sơ phục ở khoảng giữa tiết Tiểu Thử 小暑 (*Lesser Heat, Slight Heat*: nóng ít). Tiểu Thử là khoảng thời gian bắt đầu từ khoảng ngày 7 hay 8 tháng Bảy và kết thúc vào khoảng ngày 22 hay 23 tháng Bảy dương lịch.

<sup>(22)</sup> **thuật kế** 術計: *Phương pháp* 方法 (*method*) và *kế hoạch* 計劃 (*plan*).

<sup>(23)</sup> **song** (*however, nevertheless*): Tuy nhiên, nhưng.

<sup>(24)</sup> **họa hại** 禍害 (*disaster, damage*): Tai họa, hư hại.

<sup>(25)</sup> **đạo tràng, đạo trường** 道場 (*religious premises*): Chỗ tu học, nơi sinh hoạt tôn giáo (chùa, thất, thánh đường, tu viện...).

<sup>(26)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

<sup>(27)</sup> **cũng được Đức Giáo Tông truyền dạy như thế mà làm**: Đức Bảo Nguơn Chơn Tiên tuân theo thánh ý Đức Lý Giáo Tông mà truyền đạt phương pháp bảo an Giáo Hội.

<sup>(28)</sup> **phong ba** 風波 (*wind and waves, fig., disturbance, restlessness*): Gió và sóng; nghĩa bóng là sự rối ren, không yên ổn.

Hội Thánh thấy mà gắng phận lo  
Cũng ví trái cân cân vạn tạ<sup>(30)</sup>  
Đừng làm quyền pháp cứ so đo.

Hội Thánh vừa qua gặp khó khăn  
Khó khăn nội bộ mất thăng bằng  
Hôm nay cố gắng đem về một  
Mới bảo toàn xong đám thiện căn.<sup>(31)</sup>

Đoái lại bên sau vạn vạn người  
Họ đương trông ngóng, chẳng để duôi<sup>(32)</sup>  
Vì đời ta phải quên thân<sup>(33)</sup> mới  
Mới được làm xong ý của Trời.

Làm xong sứ mạng ở người mình  
Phải gắng vì Trời xót chúng sinh  
Dẫn bước đàn em qua khúc khổ<sup>(34)</sup>

Lấy lòng quyền pháp đón đao binh.

Binh Trời đã đến, nạn đời cao  
Biển lửa thế gian cũng phủ bao<sup>(35)</sup>  
Thần chết réo kêu không sót một  
Ơn nhờ quyền pháp cứu đồng bào.

Cứu người đâu phải nói la lên<sup>(36)</sup>  
Cũng chẳng đương đầu<sup>(37)</sup> với giáo tên<sup>(38)</sup>  
Sứ mạng vững tin, an trấn khắp<sup>(39)</sup>  
Chính trung,<sup>(40)</sup> thanh tịnh,<sup>(41)</sup> pháp làm nên.<sup>(42)</sup>

Trong vòng quyền pháp muốn an toàn  
Chư vị Giáo Sư phải sớm toan  
Xuống lệnh Thiên ân trì<sup>(43)</sup> pháp luật

<sup>(29)</sup> Câu này ý nói: Bánh lái con tàu (đà 舵: *rudder*) tuy nhỏ nhưng đổi hướng đi được cả chiếc tàu to lớn hơn nó gấp bội phần.

<sup>(30)</sup> Câu này ý nói: Trái cân (kiếp mã 砵碼, pháp mã 法碼: *weight*) tuy nhỏ nhưng cân được cả hàng ngàn ký.

<sup>(31)</sup> **thiện căn** 善根 (*root of goodness*): Căn lành, cái gốc rễ tốt lành. Người có thiện căn thấy cái ác thì không chịu nổi (*bất nhẫn 不忍*), nghe nói đến Trời Phật thì tin kính. – **đám thiện căn**: Các tín đồ Cao Đài.

<sup>(32)</sup> **để duôi** (*disregarding sth*): Cũng như *để dưng*. Xem thường, coi nhẹ, cho là không quan trọng.

<sup>(33)</sup> **quên thân** (vong thân 忘身): 1/ *Bất cố thân 不顧身*, không quan tâm tới bản thân (*neglecting oneself*). 2/ *Vong kỷ 忘己, vong ngã 忘我* (*oblivious to oneself, selfless*), quên mình, quên cái ta của mình.

<sup>(34)</sup> **khúc khổ** (*a stage of unhappiness*): Một giai đoạn khổ sở.

<sup>(35)</sup> Biển lửa cũng bao phủ thế gian.

<sup>(36)</sup> **đâu phải nói la lên**: Đâu phải lớn tiếng rêu rao ầm ĩ.

<sup>(37)</sup> **đương đầu** (*confronting sth, coming face to face with sth*): Chống chọi.

<sup>(38)</sup> **giáo tên** (*spear and arrow, fig., military force*): Ngọn giáo và mũi tên, ý nói vũ lực (súng đạn, giáo gươm).

<sup>(39)</sup> **an trấn khắp** (*assuring everywhere*): Trấn an khắp nơi, làm cho mọi nơi an tâm, yên lòng.

<sup>(40)</sup> **chính trung** 正中 (*neutral, unbiased*): Giữ lòng ngay chánh theo đúng Đạo Trời, không nghiêng về bên nào, không ngã theo phe nào.

<sup>(41)</sup> **thanh tịnh** 清淨 (*purified and tranquil*): Không phiền não (tham dục, mê lầm), không ô nhiễm, không chấp trước, không dính mắc vào bất cứ điều gì.

<sup>(42)</sup> Câu này ý nói: Phương pháp thành công là giữ được lòng thanh tịnh và trung chánh.

<sup>(43)</sup> **trì** 持 (*maintaining sth*): Giữ giữ, duy trì.

*Thiện nam tín nữ* <sup>(44)</sup> *trọn lòng vàng.*

Nghĩa là Hội Thánh phải được đồng nhất <sup>(45)</sup> mà cầu hồng ân, rồi ban lệnh cho chư chức sắc khép mình trong quyền pháp mà tu dưỡng, chủ trì <sup>(46)</sup> cơ sở.

Cơ sở đâu đấy theo một chiều hướng chung. Đặt phương tiện cho nhân sinh đồng nhất tin nơi quyền pháp Hội Thánh, lập trường thuần túy đạo đức của Đạo Trời thì vạn nhất <sup>(47)</sup> không có điều gì đáng lo ngại.

Tuy nạn khói lửa sẽ đốt lần từ nơi hoang dã đến chốn thị thành không chừa một chỗ nào; song với pháp thuần chân, quyền sứ mạng, nó không làm thế nào mà thép mềm uốn vẹo đi được. Khi đã không hề hấn thì danh Đạo được tăng, người đạo được trọng, việc làm của Thầy được nên. Mới thấy trái cân bé nhỏ xếp nổi muôn tạ như không thì quyền Trời mới thấy đó màu nhiệm.<sup>(48)</sup>

Nên nhớ rằng lúc đông chinh tây chiến chưa nên chọn chủ lựa thầy,<sup>(49)</sup> và biết rằng có tiểu nhân mới thành quân tử.<sup>(50)</sup>

---

<sup>(44)</sup> **thiện nam tín nữ** 善男信女 (*male and female devotees of a religion*): Người nam và nữ có đức tin mạnh mẽ vào một tôn giáo.

<sup>(45)</sup> **đồng nhất** 同一 (*unanimous*): Đồng thuận nhất trí 同順一致, hoàn toàn đồng ý với nhau.

<sup>(46)</sup> **chủ trì** 主持 (*taking charge of sth, managing sth, directing sth*): Quản lý, quản trị, điều hành, coi sóc.

<sup>(47)</sup> **vạn nhất** 萬一 (*one ten-thousandth; fig., just in case, if by any chance*): Một phần mười ngàn; trong muôn một, ý nói rất khó xảy ra tuy vẫn có thể xảy ra.

<sup>(48)</sup> Câu này giảng rõ câu thơ ở trên: *Cũng ví trái cân cân vạn tạ.*

<sup>(49)</sup> **lúc đông chinh tây chiến chưa nên chọn chủ lựa thầy:** Giảng

Quyền pháp quan trọng hơn lúc này là bảo <sup>(51)</sup> thiện tín <sup>(52)</sup> đặt trọn đức tin nơi Hội Thánh, ở Thầy; nói Hội Thánh có đủ sáng suốt hướng đạo cho toàn đạo trong bất cứ lúc nào, Thầy cũng đủ oai đức chở che và luôn luôn soi dẫn cho toàn đạo linh tâm sáng trí trong khi bối rối và đặt gần ở Hội Thánh một sự thông cảm để truyền đạt thánh ý, thì nhân sinh thân cận với chức sắc mà nương dưới quyền pháp chức sắc, gần gũi cùng Hội Thánh mà tiếp lấy ân điển lành mạnh.

Hội Thánh đặt lòng nơi Thiêng Liêng đặng nhận lãnh cái sứ mạng thì lo gì, sợ gì mà không an toàn cho nhau. Muốn cứu toàn dân, muốn an toàn đạo, phải tin nơi Trời mới an toàn được, thì chức sắc nói chung đặt lòng trong máy màu <sup>(53)</sup> mà hành đạo.

Lúc này nên luôn luôn thanh tịnh,<sup>(54)</sup> tăng cường sự quy giới để cầu nguyện cho nhân loại, nhân dân; cầu cho thuyền đạo ở trong sóng gió mà được an bình; cầu cho gia đình đạo

---

rõ hai chữ *chính trung* trong câu thơ ở trên: *Chính trung, thanh tịnh, pháp làm nên.*

<sup>(50)</sup> **có tiểu nhân mới thành quân tử:** Lúc loạn lạc nhiễu nhương (đông chinh tây chiến) chưa rõ mặt anh hùng, đến khi tiểu nhân lộ mặt thì mới biết ai là quân tử.

<sup>(51)</sup> **bảo:** Khuyên bảo.

<sup>(52)</sup> **thiện tín** 善信: *Thiện nam tín nữ* 善男信女 (*male and female devotees of a religion*), tức tín đồ 信徒.

<sup>(53)</sup> **máy màu:** Cơ màu, huyền cơ 玄機 (*mysterious principles*), những nguyên lý màu nhiệm. Đồng nghĩa *Thiên ý* 天意, *Thiên cơ* 天機, máy Tạo.

<sup>(54)</sup> **lúc này nên luôn luôn thanh tịnh:** Nhắc lại hai chữ *thanh tịnh* trong câu thơ ở trên: *Chính trung, thanh tịnh, pháp làm nên.*



hữu sống trong ơn che chở của Thầy.

Đạo hữu cũng hết lòng tăng trai,<sup>(55)</sup> quỳ hương cúng nước, cầu xin sống trong ngày đao binh, tao loạn<sup>(56)</sup> được sự che chở của Thầy, giữ thuần túy tu hành hướng về Hội Thánh, nghe lời người làm đầu trong địa phận đạo. Làm được vậy, trăm sự khó khăn cũng giảm tám, chín, mười phần mà thiện khí<sup>(57)</sup> cũng làm cho dịu bớt sự đau khổ của đồng bào. Ơn điển đến nhà mình và cả cho thiên hạ.

Về phần đạo pháp: Giữa Hội Thánh với nhau<sup>(58)</sup> nên khế đồng tâm nguyện.<sup>(59)</sup> Tuy mỗi người mỗi việc, nhưng việc nào cũng không trái nhau; có vậy mới chia nhau mà làm xong, giải quyết xong cho mỗi đạo.

Về việc tu dưỡng của các hiền hữu: Theo thánh ý, cũng đồng thể<sup>(60)</sup> trên phương pháp xây dựng cơ sở theo quy tắc tâm truyền.<sup>(61)</sup>

---

<sup>(55)</sup> **tăng trai** 增齋 (*observing more vegetarian days*): Tăng thêm nhiều ngày ăn chay.

<sup>(56)</sup> **tao loạn** 騷亂 (*war, disturbance*): Loạn lạc, giặc giã nhiều như ong.

<sup>(57)</sup> **thiện khí** 善氣 (*air of goodness*): Bầu khí tốt lành bao phủ một khu vực (nhờ những người sống nơi đó biết làm lành lánh dữ).

<sup>(58)</sup> **giữa Hội Thánh với nhau**: Giữa các nhân sự hay thành phần trong Hội Thánh.

<sup>(59)</sup> **khế đồng tâm nguyện** 契同心願 (*agreeing on aspiration*): Hòa hợp với nhau về ước muốn.

<sup>(60)</sup> **đồng thể**: Ở đây có thể hiểu là *đồng nhất* 同一 (*identical, same*), giống nhau, không khác.

<sup>(61)</sup> **tâm truyền** 心傳: 1/ Truyền dạy nhau không dùng văn tự, sách vở (*direct transmission from mind to mind, as contrasted with the*

Song người hướng đạo ở đâu, làm gì cũng không cách biệt nhau. Việc làm là việc chung, không để một người mà chia nhau nhiều người, theo lời Đức Lý Giáo Tông đã dạy: Mỗi giống mỗi loài có một đặc tính và một sở năng đặc biệt.<sup>(62)</sup>

(...)

## NGÂM

*Một vài lời gọi tiên tri*<sup>(63)</sup>

*Mong chờ nội bộ một kỳ đồng nhân*<sup>(64)</sup>

*Muốn cho gọi được nhiều ân*<sup>(65)</sup>

---

written word). 2/ Nói tắt nội giáo tâm truyền 內教心傳 (*esotericism*), tức là công phu 功夫, tu tịnh, hay tịnh luyện 淨煉 (*practising inner self-cultivation*).

<sup>(62)</sup> **Mỗi giống mỗi loài có một đặc tính và một sở năng đặc biệt**: Đức Bảo Nguơn Chơn Tiên tóm tắt thánh ý Đức Lý Giáo Tông dạy tại Trung Hưng Bửu Tòa ngày 22-11-1961: Các vật chia ra giống chạy giống bò, giống bay giống nhảy, thứ trứng thứ con. Một lúc tượng thành, có vật vừa lột bào thai đã bay, đi hay đứng; cũng có loài phải chờ cho đủ cánh đủ lông. / Vật vật khác hình khác thể thì cũng phải khác tính khác tình. Tính tình, hình thể làm sao đã in khuôn cho mỗi giống. / Vậy giữa các hiền cũng nên suy gẫm lời Già mà học lấy tánh bao dung của Trời rộng mênh mông, trên che dưới chở. (Xem lại bài 6 trong sách này.)

<sup>(63)</sup> **tiên tri** 先知 (*foretelling sth, predicting sth*): Báo cho biết trước việc sẽ xảy ra.

<sup>(64)</sup> **đồng nhân** 同人 (*in harmony with one another*): Hòa đồng với nhau, không chia rẽ, không tranh chấp. Cũng có thể Đức Bảo Nguơn Chơn Tiên muốn nhắc đến quẻ Dịch thứ mười ba (*Thiên Hỏa Đồng Nhân* 天火同人) với ý nghĩa chính là sự đồng tâm hòa hiệp giữa người và người.

<sup>(65)</sup> **gọi được nhiều ân** (*being showered with lots of blessings*):

Lấy khiêm<sup>(66)</sup> làm pháp tu chân<sup>(67)</sup> hội<sup>(68)</sup> này  
Chúng ta nhất luật<sup>(69)</sup> tin Thầy  
Giã nhau xin nhớ,<sup>(70)</sup> cung mây tôi về.

## 8. ĐỜI CHƯA YÊN, ĐẠO ĐẬU THÀNH ĐƯỢC

Thánh tịnh Ngọc Minh Đài (Sài Gòn)  
ngày 04-3 Quý Mão (Thứ Năm 28-3-1963)

THI

THÀNH thị, thôn quê đượm vẻ buồn  
HOÀNG đồ<sup>(1)</sup> chinh chiến diễn bày luôn  
BỔN nguyên<sup>(2)</sup> cũng bởi vì tham vọng  
CẢNH vật voi đầy,<sup>(3)</sup> lệ nhỏ tuôn.

Bổn Thần chào chư Thiên mạng.<sup>(4)</sup> Khá thành tâm<sup>(5)</sup>  
nghinh tiếp Lý Giáo Tông. Bổn Thần xin kiếu.<sup>(6)</sup>

Nhận nhiều ơn huệ Trời ban xuống, chan chứa đầm đìa như đượm  
tấm gội.

<sup>(66)</sup> **khiêm** 謙 (*modest*): Khiêm nhượng 謙讓, nhún nhường, hạ  
mình. Sử Ký史記, Nhạc Thư 樂書 chép: Quân tử dĩ khiêm thối vi  
lễ. 君子以謙退為禮. Người quân tử lấy khiêm nhường làm lễ.  
(*The superior man regards modesty as the principle of propriety.*)  
Trong Phúc Âm (Gio-an 13:4-5), Chúa Giê-su tự tay rửa chân cho  
các môn đệ rồi dùng chính khăn thắt lưng của Chúa mà lau, thì  
Chúa đang lấy thân mình làm gương (*thân giáo* 身教) cho môn đệ  
về đức khiêm.

<sup>(67)</sup> **pháp tu chân** (*true method of self-cultivation*): 1/ Phương  
pháp tu thân chân chánh. 2/ Phép tu tiên (tu luyện thành chân  
nhân).

<sup>(68)</sup> **hội** 會: 1/ Lúc (*moment*). 2/ Dịp, cơ hội (*opportunity*).

<sup>(69)</sup> **nhất luật** 一律 (*all, without exception*): Tất cả mọi người,  
không loại trừ một ai.

<sup>(70)</sup> **giã nhau xin nhớ**: Từ giã nhau, xin nhớ lời tôi dặn dò.

<sup>(1)</sup> **hoàng đồ** 皇圖 (*map of a kingdom, fig., kingdom, country*): Bản  
đồ một vương triều (*vương triều đích bản đồ* 王朝的版圖); nghĩa  
bóng là *vương quốc* 王國, sơn hà xã tắc 山河社稷, đất nước.

<sup>(2)</sup> **bổn nguyên, bản nguyên** 本源 (*origin, source, starting point*):  
Nguồn gốc, khởi điểm, nguyên do phát sinh.

<sup>(3)</sup> **voi đầy, đầy voi** (*full and not full; fig., unceasingly changing*):  
Biến động không ngừng.

<sup>(4)</sup> **Thiên mạng, Thiên mệnh** 天命 (*Heaven's missioner*): Bậc  
hướng đạo đang nhận lãnh sứ mạng của Trời giao phó. Đồng  
nghĩa với *Thiên ân sứ mạng* (*Heaven's blessed missioner*).

<sup>(5)</sup> **Khá thành tâm** (*Be sincere*): Hãy lấy lòng thành.

<sup>(6)</sup> **kiếu** (*goodbye*): Cáo biệt 告別, cáo từ 告辭, từ giã.

TIẾP ĐIỂN  
THI

LÝ đào mấy độ rẽ đông tây<sup>(7)</sup>

THÁI quá nên ra đến nỗi này<sup>(8)</sup>

BẠCH Ngọc đòi phen tâu Thượng Phụ<sup>(9)</sup>

Giáng trần sửa trị lại trần ai.

Chư hiền đệ! Bạch Ngọc Kinh tiếp sứ các hiền đệ. Bần Đạo thừa lệnh Chí Tôn đến trước để giải bày<sup>(10)</sup> đôi thắc mắc về cơ đạo Trung Hưng.<sup>(11)</sup> Vậy Bần Đạo miễn lễ. Chư hiền an tọa.

Chư hiền đệ ôi, Ta rất buồn! Chẳng lẽ ngồi xem cơ đạo mãi trong thăng trầm, tan tác thì sứ mạng độ tận toàn linh<sup>(12)</sup> ngày nào mới thành tựu.

---

<sup>(7)</sup> Câu này ý nói: Môn đệ Cao Đài mấy phen chia rẽ, phân ly. – **Lý đào** 李桃 (*plum and peach blossoms; fig., disciples*): Hoa mạn và hoa đào (*lý hoa hòa đào hoa* 李花和桃花), được ví với môn sanh, đệ tử (*tỷ dụ sở giáo đích môn sanh* 比喻所教的門生).

<sup>(8)</sup> Câu này ý nói: Mâu thuẫn nội bộ đã quá mức nên đưa đến nông nỗi thế này. – **thái quá** 太過 (*excessive, immoderate*): Vượt quá mức thông thường.

<sup>(9)</sup> Câu này ý nói: Đức Giáo Tông nhiều lần đến Bạch Ngọc Kinh tấu xin Đức Trời Cha. – **đòi phen**: [cổ] Nhiều phen, nhiều lần. **Thượng Phụ** 上父 (*Heavenly Father*): Cha Trời.

<sup>(10)</sup> **giải bày** (*making known*): Tỏ rõ, nói rõ.

<sup>(11)</sup> **Trung Hưng**: Trung Hưng Bửu Tòa.

<sup>(12)</sup> **độ tận** (*tận độ* 盡度: *saving all*): Cứu độ hết tất cả. – **toàn linh** 全靈 (*all souls*): **Quần linh** 群靈 (*all souls*), tất cả các linh hồn; đồng nghĩa với **quần sinh** 群生, **chúng sinh** 眾生 (*all living beings, all human beings*), vì mỗi người là một điểm linh quang chiếu từ Thượng Đế (khối **Đại Linh Quang** 大靈光).

Thảm thay! Từ khai Đạo đến nay, mỗi lần chánh giáo xương minh,<sup>(13)</sup> mỗi lần thành lập một Hội Thánh là mỗi lần ma quỷ thừa dịp hoành hành,<sup>(14)</sup> xui nên nghịch lẫn nhau, chia rẽ nhau, để làm cho cơ đạo thất điên bát đảo.<sup>(15)</sup>

Thử kiểm điểm lại, từ ngày ở chùa Gò Kén đến lập Hội Thánh Tây Ninh, các hướng đạo<sup>(16)</sup> tách nhau ra đi. Đến lập Hội Thánh Minh Chơn Lý (Mỹ Tho) lại gặp cái loạn Thiên Sư Phùng canh cải luật pháp, bỏ Thánh Nhân, thờ trái tim.<sup>(17)</sup>

---

<sup>(13)</sup> **xương minh** 昌明 (*flourishing, thriving, well developing*): Phát triển mạnh mẽ.

<sup>(14)</sup> **hoành hành** 橫行 (*rioting*): Làm loạn, phá rối dữ dằn.

<sup>(15)</sup> **thất điên bát đảo** 七顛八倒 (*disordered and in a mess; all mixed up and chaotic*): Lộn xộn, rối rắm quá đỗi.

<sup>(16)</sup> **hướng đạo** (*hướng đạo giả* 向導者: *spiritual leader; those who lead their coreligionists*): Người dẫn dắt đạo hữu.

<sup>(17)</sup> Sinh năm 1877 tại làng Mỹ Phước (tổng Định Phước, hạt tham biện Long Xuyên), ông **Nguyễn Hữu Phùng** (tục gọi Sáu Phùng) là thầy thuốc bắc, nhập môn Cao Đài tại Cao Thiên Đàn (Rạch Giá) đêm 04-6 nhuận Canh Ngọ (Thứ Ba 29-7-1930); ngay sau đó ông được cơ bút phong Thiên Sư (phẩm này không có trong *Pháp Chánh Truyền* và *Tân Luật* Cao Đài). Đêm 20-7 Nhâm Thân (Chủ Nhật 21-8-1932), Thiên Sư Phùng làm Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài Hội Thánh Minh Chơn Lý. Khi tách khỏi Minh Chơn Lý Thiên Sư Phùng về Long Xuyên, sau đó lập Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản tại Tân An (cuối năm 1937), rồi tạ thế (1940).

Hội Thánh Minh Chơn Lý thành lập tháng 7 Nhâm Thân (tháng 8-1932); ngày 30-01 Mậu Dần (Thứ Ba 01-3-1938) đổi tên là Hội Thánh Chơn Lý. Theo Huệ Nhẫn (*Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II: *Truyền Đạo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2008, tr. 433), ngày 15-10 Giáp Tuất (Thứ Tư 21-11-1934) Minh Chơn Lý thay Thiên Nhân bằng biểu tượng “tâm hòa nhân” (Thiên Nhân có trái tim); ngày

Rồi đến các chi phái Tiên Thiên, Ban Chính Đạo, Minh Chơn Đạo, v.v... cho đến phái ẩn tu Chiếu Minh đều phải trải qua bao cơn khảo đảo, hoặc bằng cách này hoặc bằng cách khác, mà kết cuộc chỉ đưa cơ đạo đến một tình trạng suy đồi,<sup>(18)</sup> một mối chia rẽ trầm trọng.

Ngày nay cơ đạo Trung Hưng lại cũng bắt đầu bước vào con đường ấy. Tại miền Nam lại còn bày thêm lắm trò quái dị, bất chấp luật pháp, bất chấp kinh điển, mạnh ai nấy sửa đổi,<sup>(19)</sup> mạnh ai nấy vẽ vờ.<sup>(20)</sup> Chức sắc Thiên phong rẻ hơn hàng ế chợ. Càng làm càng nói càng xa đạo pháp chơn truyền. Thật là đại loạn!

#### THI

---

15-4 Mậu Dần (Thứ Bảy 14-5-1938), lại thay “tâm hòa nhĩn” bằng biểu tượng “Tâm-Thần” (tr. 436).

Điều 12 của *Hiến Chương Hội Thánh Cao Đài Chơn Lý nhiệm kỳ V (2020-2025)* cho biết: “Thờ thánh tượng ‘Tâm-Thần-Lê-Thật’ (trái tim màu đỏ, tròng mắt màu trắng, con người màu đen có viền xanh da trời bao quanh có tia hào quang).”

<sup>(18)</sup> **suy đồi** 衰頹 (*weak and degenerate*): Yếu ớt và sa sút (xuống cấp, thoái hóa 退化).

<sup>(19)</sup> Chẳng hạn, lời thề khi nhập môn được Đức Chí Tôn ban cho gồm ba mươi sáu (12x3) chữ: “Thề rằng từ đây biết một đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng dối dạ dối lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì thiên tru địa lục.” (*Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, đàn đêm 11 rạng 12-3 Bính Dần, Thứ Năm 22 rạng Thứ Sáu 23-4-1926). Tuy nhiên, vì sợ rằng thề độc như trên thì không ai dám nhập môn, sau này có nơi cả gan sửa lời Đức Chí Tôn là: . . . như sau có lòng hai thì Ơn Trên soi xét [sic].

<sup>(20)</sup> **vẽ vờ** (*adding sth unnecessary and harmful*): Thêm thắt, bày vẽ những thứ không cần mà có hại, khiến cho sai chơn truyền.

*Đời loạn toan đem đạo cứu đời  
Ngờ đâu đạo cũng thế thì thôi  
Nên hư bởi tại con người cả  
Nhưng chẳng sao qua được lẽ Trời.*

Chư hiền đệ ôi! Nội tình<sup>(21)</sup> cơ đạo hiện nay chính Đức Chí Tôn đã căn dặn từ lúc mới khai Đạo. Thầy đã nói quý vương cũng dám lợi dụng danh Thầy, mượn danh Phật Tiên, Thánh Thần để diu dắt nhơn sanh lạc theo tà đạo.<sup>(22)</sup> Vì vậy, cơ bút là một vấn đề tối ưu hệ trọng và sứ mạng người hướng đạo càng hệ trọng không kém. Phải sáng suốt. Phải có một bản lãnh siêu phàm, một đức độ quảng đại, một tinh thần đồng mãnh hy sinh. Phải hiểu thông lẽ đạo tình đời mới mong làm tròn nghĩa vụ Thiên nhơn hiệp nhứt, giúp Trời mở Đạo, thay Trời diu dắt nhơn sanh.

#### THI

*Hướng đạo đâu nào, hướng đạo đâu?  
Phải thông lẽ nhiệm, thấu cơ màu  
Phải mau quét sạch bao tà vọng<sup>(23)</sup>  
Để kịp công truyền ngũ đại châu.<sup>(24)</sup>*

---

<sup>(21)</sup> **nội tình** 内情 (*internal situation*): Hoàn cảnh bên trong một tổ chức.

<sup>(22)</sup> *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, đàn ngày 15-7 Bính Dần (Chủ Nhựt, 22-8-1926), Đức Chí Tôn dạy: *Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lô Âm Tự lập pháp Tam Kỳ Phổ Độ, quý vương đã khởi phá khuấy chơn đạo, đến danh Ta nó còn mượn, duy ngại Ta nó chẳng dám ngồi mà thôi. / . . . [Nó] hiệp tam thập lục động đối gọi tam thập lục thiên. Các tên chư Thần Thánh, Tiên Phật bị mạo nhận mà lập nên tà đạo.*

<sup>(23)</sup> **tà vọng**: 1/ Quý quái và phi lý (邪妄: *demonic and absurd*). 2/ Ước muốn bất chánh (邪望: *evil wishes*).

Chư hiền đệ! Để cứu vãn một phần tệ đoan<sup>(25)</sup> của cơ chia rẽ, năm Giáp Tuất (1934) thánh ý truyền đạo Trung Châu,<sup>(26)</sup> mượn miếng đất Phật, Lão, Khổng thành hành để trung hưng chánh pháp,<sup>(27)</sup> vừa để chuẩn bị truyền bá Đạo Trời lần lên phương bắc, nên cơ đạo Trung Hưng mở ra một đường lối rộng rãi, quy tụ một số thành phần Tiên Thiên,<sup>(28)</sup> Liên Hòa,<sup>(29)</sup> Hậu Giang,<sup>(30)</sup> và Minh Sư,<sup>(31)</sup> v.v... nêu cao tinh thần dung hòa chi phái, ý chí thống nhất Giáo Hội, kêu gọi chấm dứt mọi canh cải, trở về với chơn truyền đạo pháp lúc ban

---

<sup>(24)</sup> **ngũ đại châu** 五大洲: 1/ Năm châu lớn (*the five continents*) trên thế giới, gồm: *Á châu* 亞洲 (*Asia*), *Âu châu* 歐洲 (*Europe*), *Đại Dương châu* 大洋洲 (*Oceania*: bao gồm các đảo ở Thái Bình Dương và các biển lân cận), *Mỹ châu* 美洲 (*America*), và *Phi châu* 非洲 (*Africa*). 2/ Cả thế giới (*the whole world*).

<sup>(25)</sup> **tệ đoan** 弊端 (*harm or detriment*): Điều xấu, có hại.

<sup>(26)</sup> **Trung Châu** 中洲, 中州 (*Central Vietnam*): Cũng gọi là *Trung Kỳ* 中圻 (thời Minh Mạng, 1834), *Trung Bộ* 中部 (từ tháng 5-1945), *Trung Việt* 中越 (thời Bảo Đại, 1949), *Trung Phần* 中分 (thời Ngô Đình Diệm, 1955), thường gọi là miền Trung.

<sup>(27)</sup> **trung hưng chánh pháp** 中興正法 (*restoring the true dharma*): Phục hưng lại chánh pháp từ chỗ suy yếu, sút mẻ trở thành vững mạnh, toàn vẹn.

<sup>(28)</sup> **Tiên Thiên**: Hội Thánh Tiên Thiên với tiền bối Lê Kim Ty (1893-1948).

<sup>(29)</sup> **Liên Hòa**: Cao Đài Đại Đạo Liên Hòa Tổng Hội, thường gọi tắt là Liên Hòa Tổng Hội, với tiền bối Nguyễn Phan Long (1889-1960).

<sup>(30)</sup> **Hậu Giang**: Hội Thánh Hậu Giang (Minh Chơn Đạo) với hai tiền bối Trần Đạo Quang (1870-1946) và Cao Triều Phát (1889-1956).

<sup>(31)</sup> **Minh Sư**: Với tiền bối Trần Đạo Quang.

sơ.<sup>(32)</sup> Chỉ có một con đường độc đạo<sup>(33)</sup> ấy, các chi phái dừng chân đứng lại mới mong có ngày gặp gỡ nhau trong đại gia đình Đại Đạo. Ngoài ra, mọi thay đổi, mọi sáng tác địa phương bởi tư ý vọng niệm chưa hẳn có giá trị trước Đại Hội Vạn Linh trước Giáo Hội Công Đồng<sup>(34)</sup> duy nhất tương lai.

Đuổi theo mục tiêu ấy, các hướng đạo Trung Việt đã trọn đời hy sinh. Mấy ngàn tín đồ Trung Việt đã tử đạo<sup>(35)</sup> để viết nên trang sử Đạo hùng hồn đầy cảm khái.<sup>(36)</sup>

Ngày nay Trung Hưng Bửu Tòa đã vươn mình đứng lên giữa trung tâm nước Việt một ngôi thánh đường có một ý nghĩa đặc biệt. Thánh ý định xây dựng từ năm Mậu Dần (1938). Nhưng vì nhân sự phải trễ nải đúng mười tám năm, đến năm Bính Thân (1956) mới thành tựu, và Hội Thánh Truyền Giáo cùng hình hiện ra để đảm đương sứ mạng trọng

---

<sup>(32)</sup> **chơn truyền đạo pháp lúc ban sơ**: *Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, lễ nghi niệm thức nay là *Kinh Tân Độ*.

<sup>(33)</sup> **con đường độc đạo** (*the only path*): Một con đường duy nhất dẫn tới đích mà thôi; ngoài nó thì không có đường nào khác.

<sup>(34)</sup> **Công Đồng** 公同 (*Council*): Cũng gọi là *Hội Công Đồng*, gồm các thành viên được tuyển chọn để họp bàn nhằm đưa ra các khuyến nghị, quyết định quan trọng, thiết lập và thi hành kế hoạch, v.v... **Giáo Hội Công Đồng** là Công Đồng do Giáo Hội triệu tập để họp bàn những vấn đề vô cùng quan trọng của Giáo Hội Cao Đài.

<sup>(35)</sup> Đài tưởng niệm tên là **Linh Tháp**. Khoảng cuối tháng 3-1975 thì không còn phần tháp và tượng tiền khai Trung Kỳ là Đức Huỳnh Ngọc Trác (1898-1945, quả vị Liễu Tâm Chơn Nhơn) đứng trên đỉnh tháp. Nay chỉ còn chân đế, tại khối 3, xã Nghĩa Trung, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

<sup>(36)</sup> **cảm khái** 感慨 (*deeply moved*): Thương cảm, xúc động sâu sắc.

đại của cơ đạo Bắc Trung.

Cho hay, nơi nào sứ mệnh càng trọng đại thì khảo đảo càng nặng nề. Thánh đức chuyển về hướng nào thì quỷ ma cũng hướng về hướng ấy mà quấy phá. Bởi vậy, xe đạo <sup>(37)</sup> Trung Hưng hiện đương gặp phải một khúc đường quanh co, gồ ghề đầy cát bụi. Thật là đáng buồn mà cũng là lẽ đương nhiên.

Chư hiền đệ! Hội Thánh đã thành lập. Luật pháp đã minh định. Kinh, luật pháp do Chí Tôn và chư Phật, Tiên, Thánh lập ra là Thiên; đem áp dụng cho đúng chỗ đúng lúc để dịu dặt

---

<sup>(37)</sup> Tôn giáo thường được ví là thuyền (*boat*), nhưng cũng được ví là xe (*vehicle*).

1/ Bên Trung Hoa có Mâu Tử 牟子 (170-?) là người quận Thương Ngô (nay thuộc tỉnh Quảng Tây). Ông ví tôn giáo như thuyền và xe, tuy khác nhau về phương tiện (pháp môn: *methods*) nhưng giống nhau về mục đích (cứu độ chúng sanh: *salvation*); do đó, khi viết *Lý Hoặc Luận* 理惑論, ông bảo: *Châu dư dị lộ, câu trí hành lữ. 舟輿異路, 俱致行旅.* (Thuyền và xe khác lối nhưng đều đưa khách lữ hành tới đích. – *Boats and carriages travel in different ways, but both can take their travellers to their destination.*)

2/ Thiên sư Hương Hải (1631-1718) đời Hậu Lê xem Tam Giáo như ba cỗ xe đều đưa người đến cùng một đích; do đó, trong bài *Lý Sự Dung Thông*, sư viết: *Nho dùng Tam Cương, Ngũ Thường / Đạo gìn Ngũ Khí, giữ giếng Ba Nguyên / Thích giáo nhân Tam Quy, Ngũ Giới / Thế một đường xe phải dụng ba.* – *Confucianism uses Three Bonds and Five Constant Virtues. / Daoism preserves Five Vital Forces and Three Origins. / Buddhism teaches Threefold Refuge and Five Precepts. / They are like three vehicles on the same path.* (Huệ Khải, *Tam Giáo Việt Nam: Tiền Đề Văn Hóa Mở Đạo Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013, tr. 71, 174.)

nhơn sanh là nhơn. Thiên nhơn hiệp nhưt là vậy. Chư hiền đệ cứ thể thi hành, không điều gì do dự. Việc chia rẽ nội bộ sẽ cầu xin Thầy định liệu.

Điều khẩn thiết <sup>(38)</sup> hiện thời, từ nay đến rằm tháng Bảy là thời gian chỉnh đốn quyền pháp: Kiểm điểm lại hàng ngũ chức sắc Thiên ân; kiểm điểm lại các tổ chức, các ngành từ Hội Thánh đến xã đạo; đôn đốc các chức sắc, chức việc đồng mãnh, tinh tấn thực hành pháp luyện châu để thân tâm thanh tịnh; các đạo hữu gìn giữ trai giới những ngày rằm, ngày mồng một; đặt ra những ngày cầu nguyện cho cơ đạo vượt qua mọi khảo đảo; kêu gọi thêm một số chức việc phát nguyện hành đạo mỗi đợt ba năm để kiện toàn các cơ quan còn non yếu; chỉnh đốn các tu xá <sup>(39)</sup> đã có; lập lại nội quy chung cho các tu xá; minh định cho rõ ràng về nhà tu và sinh hoạt nhà tu. Lo xong các việc đến tháng Bảy sẽ chỉ thêm.

Hôm nay Bần Đạo khuyên chung chư hiền đệ, kể ở Hội Thánh cũng như người ra đi: Các hiền đệ là những người hy sinh đời mình phụng sự cho đại nghĩa, vượt qua bao nghịch cảnh. Các hiền đệ đã thắng được ngoại ma,<sup>(40)</sup> ngày nay

---

<sup>(38)</sup> **khẩn thiết** 緊切 (*urgent*): Cần kíp, cấp bách.

<sup>(39)</sup> **tu xá** 修舍: Nhà tu cho nam (*monastery*) hay nữ (*convent*).

<sup>(40)</sup> **ma** 魔 (*hindrances to one's self-cultivation*): Ma chướng 魔障, những chướng ngại cản trở việc tu hành. – **ngoại ma** 外魔 (*external hindrances to one's self-cultivation*): Những chướng ngại từ bên ngoài cản trở việc tu hành, thí dụ: loạn lạc, chính sách kỳ thị tôn giáo, những thành tựu về công danh sự nghiệp, được người khác phái hay đồng phái (*gays, lesbos*) say mê đeo đuổi, v.v... – **nội ma** 內魔 (*internal hindrances to one's self-cultivation*): Những chướng ngại từ bên trong cản trở việc tu hành, thí dụ:

không lý nào các hiền đệ lại để cho nội ma chinh phục. Các hiền đệ hãy nhìn, tưởng nghĩ lại tiền đồ <sup>(41)</sup> nền Đại Đạo, sự nghiệp cứu độ toàn linh của Thầy hầu dẹp bỏ cái ta đi. Đừng quan trọng cái ta nữa. Phải nghĩ rằng có ta hay không ta, lẽ đời cùng thông bỉ thái <sup>(42)</sup> vẫn cứ diễn hành, cây trên rừng cứ mọc, cỏ ngoài nội cứ xanh, nước trường giang cứ chảy. Hãy diệt bỏ cái ta đi.

### THI

*Nên cũng ta, mà hỏng cũng ta  
Chính ta là Phật, cũng là ma  
Thử đem vứt cái ta đi quách  
Thế sự lo chi chẳng thuận hòa.<sup>(43)</sup>*

Chư hiền đệ có mặt hôm nay (*Quế, Tín, Phẩm, Trường, Lý*), Hiệp Thiên Đài (*Thanh Long, Bạch Hổ, Luyện, Thạnh*)! Các hiền đệ thấy trọng trách của mình chưa? Hãy nhẫn nại và cương quyết trước bao thử thách. Hãy cố gắng hơn nữa, rèn luyện thân tâm để làm gương cho hàng chức sắc. Có Bần Đạo âm phò mặt trợ.

---

Thói hư tật xấu bản thân, ngũ quan không toàn vẹn, bệnh tật, thất học, tối dạ, v.v...

<sup>(41)</sup> **tiền đồ** 前途 (*prospects, future*): Con đường phía trước, tương lai.

<sup>(42)</sup> **cùng thông** 窮通 (*unhappy and happy, uneasy and easy*): Khốn khổ và sung sướng, bế tắc và hanh thông. – **bỉ thái, bỉ thối** 否泰 (*rise and fall, good and bad*): Thăng trầm, may rủi, sướng khổ.

<sup>(43)</sup> Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, khuya 17-02 Kỷ Hợi (Thứ Sáu 22-3-2019), Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh dạy: *Sông núi cách ngăn bởi chữ tà / Chữ tà bớt dấu ấy là ta / Ta nào cũng muốn trên người khác / Mất đức khiêm rồi khổ lắm đa!*

*Trường!* Hãy còn khẩu đảo. Hãy dũng mãnh hơn. Hãy nhẫn nhục điều hòa cùng anh em xây dựng nội bộ đạo Phú Yên cho được như trỉ.

(...)

Chư hiền thành tâm tiếp giá Đức Từ Phụ. Bần Đạo lui.

### TIẾP ĐIỂN

### THI

*NGỌC bệ <sup>(44)</sup> đòi phen nhỏ lệ sầu  
HOÀNG Cung Thầy ngự suốt canh đầu  
THƯỢNG lưu trách trẻ chưa hòa hiệp <sup>(45)</sup>  
ĐẾ Đạo <sup>(46)</sup> làm sao khắp ngũ châu?*

### THẦY CÁC CON <sup>(47)</sup>

Thầy miễn lễ các con.

---

<sup>(44)</sup> **Ngọc bệ** 玉陛 (*jade step where the God's throne is placed; fig., God*): Thềm ngọc, nơi đặt ngai Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; ám chỉ Đức Chí Tôn (do đó viết hoa chữ Ngọc).

<sup>(45)</sup> Câu này ý nói: Thầy trách các con vốn là phần tử thượng trí (hiểu đạo lý) mà lại chia rẽ, không biết hòa hợp. – **thượng lưu** 上流 (*upper class*) theo ngữ cảnh nên hiểu là *thượng trí* 上智.

<sup>(46)</sup> **Đế Đạo** 帝道 (*the Way of Heaven, the Heaven's Way*): Đạo của Trời, Thiên Đạo.

<sup>(47)</sup> **Thầy các con** (*I'm your Master.*): [Ta là] Thầy [của] các con. Trong tiếng Việt, chữ *của* thường được hiểu ngầm. Thí dụ: *đất nước tôi, gia đình tôi, cha mẹ tôi, vợ tôi, chồng tôi, các con tôi...* Nếu viết "*Thầy, các con!*" thì sai. (Đức Mẹ giáng cơ thường xưng: *Mẹ Linh Hồn các con*, có nghĩa: [Ta là] Mẹ Linh Hồn [của] các con. (*I'm your Spiritual Mother.*))

Các con ôi! Thầy rất đau đớn mỗi lần trong hàng các con nghịch lẫn nhau, chia rẽ nhau. Thầy trách các con tuổi đạo đã cao, kinh nghiệm đã dày, kiến thức đã rộng, sao các con không nhìn thấy cơ đời đương tao loạn,<sup>(48)</sup> bước đạo đương gồ ghề? Quanh các con và cả trong nội bộ các con đang đứng trước một cảnh trạng <sup>(49)</sup> bạn ít nghịch nhiều.

Lẽ đáng <sup>(50)</sup> các con phải sớm biết quây quần nhau lại để chặn giữ đàn chiên <sup>(51)</sup> cho Thầy, và để xương minh <sup>(52)</sup> chánh pháp mới phải. Trái lại, các con vì chút vọng tâm,<sup>(53)</sup> tự ái, thiên kiến <sup>(54)</sup> cá nhân, gây nên nội bộ bất hòa, lẫn đến chia rẽ làm cho bốn đạo hoang mang, cơ đạo đình trệ,<sup>(55)</sup> thì dù các con có thành tâm thiện ý vì Đạo vì Thầy đi nữa cũng vấp phạm phải điều mà Thầy hằng không muốn.

Hôm nay, một lần nữa, lẽ đáng Thầy nói cho các con rõ

---

<sup>(48)</sup> **tao loạn** 騷亂 (*war, disturbance*): Loạn lạc, giặc giã nhiều nhưong.

<sup>(49)</sup> **cảnh trạng** 景狀 (*circumstances, situation*): Hoàn cảnh 環境, tình trạng 情狀.

<sup>(50)</sup> **lẽ đáng**: Lẽ ra, đáng lẽ.

<sup>(51)</sup> **chiên** (*cao dương 羔羊: lamb; fig., believer*): [Chúa] cừu; nghĩa bóng là tín đồ.

<sup>(52)</sup> **xương minh** 昌明: 1/ Phát triển mạnh mẽ, rực rỡ (*phát dương quang đại 發揚光大, hưng thịnh 興盛: flourishing, well developing*). 2/ Làm cho sáng tỏ, mọi người hiểu rõ (*making sth well understood*).

<sup>(53)</sup> **vọng tâm** 妄心 (*untrue mind*): 1/ Lòng mơ tưởng sai quấy. 2/ Lòng dạ sai quấy, càn bậy.

<sup>(54)</sup> **thiên kiến** 偏見 (*bias, prejudice*): Thành kiến 成見, ý kiến lệch lạc, không công bằng.

<sup>(55)</sup> **đình trệ** 停滯 (*coming to a standstill, getting bogged down*): Bế tắc 閉塞, ngưng lại, không tiến triển nữa vì bị trở ngại.

khoa tu tâm pháp bí truyền với con đường tu tánh luyện mạng,<sup>(56)</sup> tu đơn <sup>(57)</sup> là thế nào, nhưng Thầy cần nói với các con về tân pháp <sup>(58)</sup> hơn.

Ngày nay, buổi hạ nguơn mặt kiếp, cơ tiêu diệt hầu kè,<sup>(59)</sup> cộng nghiệp <sup>(60)</sup> của chúng sanh cũng đến ngày tổng kết. Năm châu thế giới nào chiến tranh khói lửa, nào ân ái oán thù, diễn bao thảm trạng chém giết sát hại lẫn nhau, kết thành

---

<sup>(56)</sup> **tu tánh luyện mạng** 修性煉命 (*cultivating both nature and life, dual cultivation of nature and life*): Tính mệnh (tánh mạng) song tu 性命雙修. Mạng, mệnh (*life*) tức là mạng sống của sinh vật (*sinh mệnh 生命, sinh vật đích sinh mệnh 生物的生命*). *Tiên Học Từ Điển* 仙學辭典 của Đới Nguyên Trường 戴源長 giảng rằng tu tánh là tu tâm, thuộc về vô vi, lấy luyện thần làm chính; tu mạng tức là dưỡng thân (*bảo dưỡng thân thể 保養身體* để thân thể khỏe mạnh, kéo dài mạng sống), thuộc về hữu vi, lấy luyện tinh và khí làm chính. Tu tánh luyện mạng (tính mệnh song tu) nghĩa là đồng thời tu luyện cả hai phần tính và mệnh, là phép tu thượng thừa (cao nhất) và *Tính Mệnh Khuê Chỉ* 性命圭旨 gọi đây là phép tu Kim Tiên 金仙.

<sup>(57)</sup> **tu đơn, tu đan** 修丹 (*practising inner self-cultivation*): Công phu 功夫, tịnh luyện 淨煉, thuộc về nội giáo tâm truyền 內教心傳 (*esotericism*).

<sup>(58)</sup> **tân pháp** 新法 (*new method*): 1/ Phương pháp tu hành trong Kỳ Ba ân xá (các phép tu trong Nhất Kỳ và Nhị Kỳ gọi là *cựu pháp* 舊法: *old methods*). 2/ Phép tu thiền (tịnh luyện, công phu: *practising inner self-cultivation*) theo Cao Đài.

<sup>(59)</sup> **hầu kè**: Gần kè, sắp cận kè, sắp xảy ra.

<sup>(60)</sup> **cộng nghiệp** 共業 (*collective karma*): Nghiệp xấu mà cả một tập thể phải cùng nhau chung chịu trả quả.



một luồng tư tưởng ác tập<sup>(61)</sup> khắp ba cõi (dục giới, sắc giới, và không giới). Khắp cõi ta bà<sup>(62)</sup> cũng đầy nghẹt các đảng linh hồn, cũng đương tranh nhau lập công để chờ ngày phán đoán.<sup>(63)</sup>

Vì vậy pháp tịnh tu bí truyền không mấy ai đạt được, nên Thầy quyết mở rộng Thiên môn,<sup>(64)</sup> vận chuyển chư Phật Tiên, Thánh Thần và chính mình Thầy đến tận thế gian mở cơ đại xá, ban hành tân pháp, mở rộng đường tu, kịp thời độ tận toàn linh, lấy đức tin làm mối thông công,<sup>(65)</sup> lấy công quả hạnh đức làm nấc thang tiến bước. Trong hàng tín giáo<sup>(66)</sup> giữ được hai điều đó là gần Thầy. Vậy các con thấu chăng?

Mấy ngàn môn đồ tử đạo<sup>(67)</sup> tại Quảng Ngãi, đa số chỉ mới giữ được lòng tin thờ chánh pháp, thế mà Thầy cũng tùy theo phẩm hạnh cho siêu rỗi cả.

Tuy nhiên, để cơ tận độ được vẹn toàn, công cuộc giải

phóng con người thêm thiện mỹ, tân pháp có ghi nhận khoản tịnh đường, mật thất<sup>(68)</sup> dành để sau này cho những con công đức viên toàn có duyên phần vào cửa ấy, và để giải quyết đời sống cho người lúc già có nơi an nghỉ.

Dẫu vậy, bất luận một pháp môn nào Thầy trao đến cho các con cũng phải đúng lúc đúng thời, hợp tình hợp cảnh, và các con phải đủ người đủ đức. Nếu không hiểu thấu điều ấy, các con tự ý vọng động vọng hành<sup>(69)</sup> là cơ hội cho quỷ ma xen vào gây nên khảo đảo. Tình trạng cơ đạo Trung Hưng ngày nay là thế.

Thầy không muốn nói thêm nữa. Thầy muốn tất cả các con là con cái yêu thương của Thầy, không yêu thương nhau được thì cũng chẳng nên thù nghịch lẫn nhau.<sup>(70)</sup>

Hỡi các con hướng đạo! Dù sao Thầy cũng khuyên các con

---

<sup>(61)</sup> **ác tập** 恶集 (*gathering vices*): Tập hợp những gì xấu xa, tội lỗi.

<sup>(62)</sup> **ta bà, sa bà** 娑婆 (*the world*): Cõi thế gian, nói đầy đủ là *ta bà thế giới* 娑婆世界.

<sup>(63)</sup> **ngày phán đoán** (tối hậu thẩm phán nhật 最後審判日: *the judgment day, the judgement day*): Ngày phán xét cuối cùng (*the final judgment day*).

<sup>(64)</sup> **Thiên môn** 天門 (*the Heaven's gate*): Cửa Trời.

<sup>(65)</sup> **thông công** 通功 (*communion; communicating with deities*): [Chúa] liên lạc, tiếp xúc (các Đấng thiêng liêng).

<sup>(66)</sup> **tín giáo** 信教 (*believers, disciples, followers*): Tín hữu 信友, giáo đồ 教徒, môn sanh 門生, tín đồ 信徒.

<sup>(67)</sup> **tín đồ tử đạo** (tuần đạo giả 殉道者, tuần giáo giả 殉教者: *martyr*): Tín đồ bị giết chết vì chánh sách kỳ thị tôn giáo.

---

<sup>(68)</sup> **mật thất** 密室 (*private cell for practising inner self-cultivation*): Phòng riêng dành cho người tu tịnh luyện. – **tân pháp có ghi nhận khoản tịnh đường, mật thất**: Tân Luật của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã được Hội Thánh Tây Ninh cho in (Sài Gòn: nhà in Commerciale C. Ardin, 1927) gồm 14 trang (15x24cm). Tron trang 13 nói về *Tịnh Thất*, gồm tám điều.

<sup>(69)</sup> **vọng động vọng hành** 妄動妄行 (*acting recklessly, rushing indiscriminately into action*): Hành động bừa bãi, vội vã làm càn mà không nghĩ tới hậu quả.

<sup>(70)</sup> *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển II, đàn ngày 12-12 Kỷ Ty (11-01-1930), Đức Chí Tôn dạy: *Vì có ghét nhau, vạ loại mới khi nhau; khi lẫn nhau mới tàn hại hại nhau, mà tàn hại lẫn nhau, là cơ diệt thế. Vậy, Thầy cấm các con từ đây, nếu không đủ sức thương yêu nhau, thì cũng chẳng đặng ghét nhau, nghe à!*

nên tự trách mình chưa đủ đức để cảm người,<sup>(71)</sup> chưa đủ tài để phục người,<sup>(72)</sup> chưa đủ uy để chấp hành <sup>(73)</sup> pháp đạo <sup>(74)</sup> trước mọi nghịch cảnh. Các con nên lấy đức từ bi, hỷ xả, nhẫn nhục mà tiến thủ.<sup>(75)</sup> Nếu không hơn được thì các con cũng cố gắng bảo tồn lấy đường lối trung hưng mấy mươi năm qua Thầy hằng dạy bảo. Còn mọi sự chi chi Thầy sẽ sắp đặt.

Các con ôi! **Đời chưa yên, đạo đâu thành được.**<sup>(76)</sup> Các con cố gắng năm này và sắp tới hãy hoàn thành các cơ sở Phước Thiện, Phổ Tế. Ngày nào Hội Thánh đủ sức bảo trợ các chức sắc phệ đời hành đạo và thiết hành <sup>(77)</sup> cơ giáo hóa phổ cập <sup>(78)</sup> đến các tầng lớp nhơn sanh, ngày ấy Thầy sẽ dạy các

---

<sup>(71)</sup> **cảm người** (*cảm nhân* 感人, *cảm hóa* 感化: *making sb touched or moved and better his character*): Làm cho người khác xúc động, động lòng mà sửa đổi bản thân họ từ xấu thành tốt.

<sup>(72)</sup> **phục người** (*phục nhân* 服人: *winning sb's respect, obeyance, and support*): Làm cho người khác quy thuận, phục tùng, tín phục (*sử nhân tín phục, phục tùng, quy thuận* 使人信服, 服從, 歸順); thân phục lòng người để họ hợp tác, ủng hộ mình.

<sup>(73)</sup> **chấp hành** 執行 (*executing sth, carrying out sth, implementing sth*): Thi hành, thực thi.

<sup>(74)</sup> **pháp đạo** (*giáo luật* 教律: *Caodai laws*): Luật pháp trong tôn giáo; luật đạo Cao Đài.

<sup>(75)</sup> **tiến thủ** 進取 (*moving forward to grasp the success*): Tiến lên để nắm lấy thành công.

<sup>(76)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

<sup>(77)</sup> **thiết hành** (*thật hành, thực hành* 實行: *implementing sth, carrying out sth, putting sth into practice*): Tiến hành, thực hiện, thi hành.

<sup>(78)</sup> **phổ cập** 普及 (*spreading sth extensively, generalising sth, widespreading sth, universalising sth*): Lan truyền rộng khắp nơi.

con thêm những điều cần thiết cho hoàn thành sứ mạng trung hưng.

## THI

*Cố gắng lên con, cố gắng lên!  
Lời Thầy căn dặn nhớ đừng quên  
Năm năm khảo thí không lay chuyển  
Sự nghiệp trung hưng mới vững bền.*

## BÀI

*Bền dạ sắt biết bao thử thách  
Vững lòng son tìm cách dung hòa <sup>(79)</sup>  
Nữ nào nấu thịt nòi da <sup>(80)</sup>  
Không thương thì chớ để mà ghét nhau.*

*Thầy vì con dãi dầu bao quản  
Con vì đời dày dạn phong sương  
Trung Hưng cò đạo phát trương  
Ba mươi năm quyết một đường không lui.*

*Con đã từng nếm mùi cay đắng  
Con chẳng nài <sup>(81)</sup> gánh nặng đường xa*

---

<sup>(79)</sup> **bền dạ sắt, vững lòng son** (*steadfast; faithful and unwavering*): Bền vững lòng dạ son sắt, lòng trung trinh bền vững. **son** (*vermilion*): Màu đỏ thắm khó phai. **sắt** (*iron*): Kim loại cứng và bền.) – **dung hòa** 容和 (*harmonising or tolerating differences*): Hòa hợp các khác biệt để không chống đối nhau.

<sup>(80)</sup> **nấu thịt nòi da**: Nồi da nấu thịt (*bì oa chử nhục* 皮鍋煮肉: *Cooking meat in a skin pot; fig., insiders fighting one another*), nồi da xáo thịt, tức là *nội bộ tương đấu* 內部相鬥, *nội bộ tương tranh* 內部相爭, đồng đạo trong cùng thánh sở hay cùng Hội Thánh mà mâu thuẫn, kinh chống lẫn nhau.

Dãi dầu bách chiết thiên ma <sup>(82)</sup>  
Trơ gan tuế nguyệt,<sup>(83)</sup> phong ba <sup>(84)</sup> chẳng sòn.

Thầy thương con lắm cơn gian khổ  
Có hy sinh mới có ngày nay  
Trách ai sớm khéo vẽ bày <sup>(85)</sup>  
Làm cho cơ đạo đông tây rẽ đường.

Hỡi các con! Tình thương trên hết  
Hỡi các con! Đoàn kết là cần  
Dù cho ai Thánh ai Thần  
Mà cơ chia rẽ cũng gần quỷ ma.

Thầy cũng muốn nói qua sự thế  
Để cho con biết lẽ nhiệm mầu  
Nhưng đời còn lắm khổ đau  
Thì con còn lắm ưu sầu chưa yên.

Thấy các con khắp miền Trung Việt  
Chịu tai ương đã biết bao lần

Ở trần <sup>(86)</sup> đành với phong trần <sup>(87)</sup>  
Vào tu cũng chẳng an phần mà tu.

Con gắng lên! Công phu, đạo hạnh  
Cơ phân phàm lọc Thánh là đây  
Đường tu vững bước hội <sup>(88)</sup> này  
Ngày sau con sẽ gặp Thầy Ngọc Kinh.

Các chức sắc dọn mình trong sạch  
Để Thầy trao trọng trách sau này  
Trung Hưng cơ đạo đắp xây  
Trong hòa chi phái, ngoài gây cảm tình.

Mở rộng đường quang minh chánh đại  
Dọn sẵn đường chi phái quy nguyên  
Chờ cho sóng lặng gió yên  
Bí truyền Thầy sẽ tận truyền cho con.

Tiếp sứ các con, Thầy dạy chung. Khá hiểu! Và Thầy cũng nhắc lại các con: Sự thành lập *Trung Hưng Thánh Tòa* và *Hội Thánh Trung Hưng*, thánh ý định từ trước. Nhưng đến năm Bính Thân mới hoàn thành và Thầy chỉ dùng tên *Trung Hưng Bửu Tòa* và *Hội Thánh Truyền Giáo* để đảm đương cơ đạo Trung Hưng. Các con thấy đức khiêm tốn và tinh thần dung hòa chi phái là cần đến mực nào.

*Quế, Thanh Long!* Hai con có trọng trách với cơ đạo Trung Hưng, lẽ đáng phải thường trực tại Hội Thánh để điều hành

---

<sup>(81)</sup> **chẳng nài** (*not mind doing sth*): Chẳng ngại, chẳng quản ngại, chẳng ngán ngại.

<sup>(82)</sup> **bách chiết thiên ma** 百折千磨 (*myriads of torment*): Cũng nói *thiên ma bách chiết* 千磨百折. **ma**: Mài cho mòn. **chiết**: Bẻ cho gãy. **bách, thiên**: Vô vàn, vô số. **bách chiết thiên ma**: Vô vàn những cực khổ, khổ đến về thể xác và tinh thần.

<sup>(83)</sup> **tuế nguyệt**: 歲月: Năm tháng (*years*); thời gian (*time*).

<sup>(84)</sup> **phong ba** 風波 (*wind and waves; fig., disturbance, restlessness, crises*): Gió và sóng; nghĩa bóng là sự rối ren, không yên ổn, những cuộc khủng hoảng

<sup>(85)</sup> **vẽ bày** (*adding sth unnecessary and harmful*): Bày vẽ, vẽ vời, thêm thắt những điều không cần mà lại còn có hại.

---

<sup>(86)</sup> **trần** 塵 (*the earthly world*): Trần thế 塵世, cõi đời.

<sup>(87)</sup> **phong trần** 風塵 (*wind and dust; fig., hardships of life*): Gió và bụi; ám chỉ những nỗi gian nan, vất vả trong đời.

<sup>(88)</sup> **hội** 會: 1/ Lúc (*moment*). 2/ Dịp, cơ hội (*opportunity*).

công việc mới phải, nhưng vì hoàn cảnh đặc biệt già yếu ốm đau, Thầy cũng chằm chước. Nhưng hai con lo sớm tạo được văn phòng để có nơi chiêm ngưỡng cho họ đạo Nam Phần và có nơi lúc cần Thầy đến dạy.

Các con *Tín, Phấn, Trường, Lý!* Các con ngày nay mới thấy cực khổ hơn và trách nhiệm nhiều hơn. Phải gắng lấy. Phải nhẫn nại, mềm dẻo, ôn hòa để đưa cơ đạo qua cơn khó khăn.

*Luyện, Bạch Hồ* từ đây phải lo giúp đạo nhiều hơn để giúp *Thanh* xây dựng Hiệp Thiên Đài. Còn về tâm nguyện các con xin phò loan và các việc, để đến tháng Bảy Lý Giáo Tông trình tấu, Thầy sẽ dạy thêm.

Thôi, Thầy ban ơn các con. Thầy thắng.

## 9. HỘI THÁNH CHỈ NÊN DỐC CẢ TOÀN LỰC VÀO NHỮNG ĐIỀU HỆ TRỌNG

*Thiên Lý Đàn (Sài Gòn)*

*ngày 10-8 Quý Mão (Thứ Sáu 27-9-1963)*

### THANH MINH ĐỒNG TỬ

Tiểu Thánh chào chư Thiên mạng lưỡng phái. Tiểu Thánh vâng lệnh báo đàn. Có Tiên Trưởng lai cơ.<sup>(1)</sup> Khá thành tâm tiếp lệnh. Tiểu Thánh hộ đàn. Lui.

TIẾP ĐIỂN

THI

*GIÁO* hóa đời trong buổi loạn ly  
*TÔNG* chi <sup>(2)</sup> cànng lập, Đạo cànng nguy  
*THÁI* bình vạn pháp bao chừ <sup>(3)</sup> hiện?  
*BẠCH* Ngọc Kinh truyền mở hội thi.

Chư hiền đệ! Bần Đạo chào chư Thiên sắc <sup>(4)</sup> Lưỡng Đài có mặt trong buổi họp hôm nay, và Bần Đạo gửi lời viếng thăm

---

<sup>(1)</sup> **lai cơ** (kê) 來乩: Đến đàn cơ, cũng như lai đàn 來壇, giáng đàn 降壇, lâm cơ (kê) 臨乩, lâm đàn 臨壇.

<sup>(2)</sup> **tông chi** 宗支 (*branch*): Chi phái 支派 (nghĩa theo ngữ cảnh).

<sup>(3)</sup> **bao chừ** (*when*): Bao giờ, chừng nào, lúc nào.

<sup>(4)</sup> **Thiên sắc** 天色: Thiên phong chức sắc.

tất cả các chức sắc, chức việc và toàn thể bốn đạo nam nữ các thánh thất, xã đạo.

Bần Đạo rất cảm thông những nỗi khó khăn cực khổ phải gánh chịu của Hội Thánh và chư chức sắc trong giai đoạn hiện tại. Nhưng Bần Đạo vững tin ở tinh thần nhẫn nại khổ,<sup>(5)</sup> quên mình vì Đạo của chư hiền sẽ đưa cơ đạo Trung Hưng vượt qua những nỗi khó khăn để đến ngày thành tựu.

#### THI

*Sử Đạo dành cho kẻ có công  
Bao nhiêu tâm huyết bấy nhiêu dòng  
Nghìn thu mở đến trang thanh sử<sup>(6)</sup>  
Chẳng hổ con người giữa núi sông.*

Bần Đạo miễn lễ. Chư hiền an tọa.

Hỡi chư chức sắc! Nhân loại ngày nay đương phập phồng lo sợ thảm họa diệt vong, tự diệt bởi chiến tranh nguyên tử, bởi các mối chia rẽ trầm trọng giữa người và người, giữa học thuyết và học thuyết, đương mong cầu sự giải cứu của phép màu thần linh.

Tình trạng ấy càng chứng tỏ tôn chỉ giải thoát toàn diện con người trên tinh thần vạn giáo nhất lý,<sup>(7)</sup> vạn pháp đồng

---

<sup>(5)</sup> **nhẫn nại khổ** (*patiently enduring hardships*): Nhẫn nại chịu đựng *lao khổ* 勞苦 (cực nhọc vất vả).

<sup>(6)</sup> **thanh sử** 青史 (*historical record, history*): Sử xanh. Ngày xưa chưa biết làm ra giấy, viết sử phải ghi vào các thẻ tre, do đó gọi lịch sử hay sử ký là *thanh sử* (*thanh*: màu xanh của tre).

<sup>(7)</sup> **vạn giáo nhất lý** 萬教一理 (*all religions sharing one principle*): Tất cả các tôn giáo có cùng một lý lẽ.

nguyên<sup>(8)</sup> của Đại Đạo là một nhu cầu cấp thiết rất đáng được xương minh.<sup>(9)</sup>

Nhưng than ôi! Có pháp thiếu người. Có người thiếu sức. Có sức thì lại bị phân tán tiêu hao. Trong ba mươi tám năm khai Đạo, nào bên ngoài chịu đựng với cường quyền lấn áp, bên trong phung phí vào việc lập phái phân chi, còn đâu sinh lực để đào tạo nhân tài xương minh chánh đạo.

Huống chi ngày nay, trước các nền tôn giáo, triết học cổ đương muốn phục hưng, trước làn sóng văn minh khoa học đương cực thịnh, trước chủ nghĩa duy vật đương chi phối gần một nửa nhân loại địa cầu, thử hỏi tân pháp làm sao để kịp thời đạt được mục đích tối thượng<sup>(10)</sup> vừa nói trên? Đó mới chính là trọng tâm<sup>(11)</sup> mà người hướng đạo<sup>(12)</sup> phải luôn suy nghĩ.

#### THI

*Vĩ nghiệp trông chờ bậc vĩ nhân<sup>(13)</sup>  
Giống chuông kêu gọi khách phong trần*

---

<sup>(8)</sup> **vạn pháp đồng nguyên** 萬法同源 (*all dharma originating from the same source*): Tất cả các pháp đều có chung nguồn gốc.

<sup>(9)</sup> **xương minh** 昌明 (*making sth well understood*): Làm cho sáng tỏ, mọi người hiểu rõ.

<sup>(10)</sup> **tối thượng** 最上 (*highest*): Cao nhất.

<sup>(11)</sup> **trọng tâm** 重心 (*central core, main part*): Phần cốt lõi, phần chủ yếu.

<sup>(12)</sup> **hướng đạo** (*hướng đạo giả* 向導者: *spiritual leader; those who lead their coreligionists*): Người dẫn dắt đạo hữu.

<sup>(13)</sup> **vĩ nghiệp** 偉業 (*great cause*): Sự nghiệp to tát, lớn lao, cao cả. – **vĩ nhân** 偉人 (*great person*): Người có tài đức và sự nghiệp lớn lao.

*Cùng nhau hợp sức đông tây lại  
Chánh pháp công truyền cứu vạn dân.*

Hỡi chư hiền nam nữ! Những điều chư hiền mong Bàn Đạo giải quyết, Bàn Đạo khuyên chư hiền trong tình cảnh ngày nay **Hội Thánh chỉ nên dốc cả toàn lực vào những điều hệ trọng**,<sup>(14)</sup> liên quan đến cả nền đạo. Lo hướng dẫn tín đồ, xây dựng các cơ sở, đào luyện giáo sĩ, kịp thời ứng dụng cho công cuộc truyền đạo, hành đạo tương lai.

Hỡi chư chức sắc! Mấy năm qua, trải bao khảo thí,<sup>(15)</sup> kiểm điểm lại hàng ngũ chức sắc, tinh thần có phần suy kém. Một ít kẻ phạm giới, một số người hoang mang, và phần đông uể oải. Lẽ đáng<sup>(16)</sup> phải nêu ra vấn đề thưởng phạt để cho quyền pháp nghiêm minh. Nhưng nghĩ vì hai mươi năm chiến tranh tao loạn, chức sắc, bốn đạo đồng sống chung trong cảnh cùng khổn cơ cực và đã hy sinh quá nhiều trong cuộc bảo tồn và xây dựng chánh pháp, nên Bàn Đạo kêu gọi tất cả hãy xét mình, tự mặc nhiên<sup>(17)</sup> sám hối, tự đảm đương<sup>(18)</sup> những trách vụ khó nhọc, cùng nhau đồng tâm nhất trí,<sup>(19)</sup> tích cực phục vụ Hội Thánh trong giai đoạn này để sớm hoàn thành sứ mạng trung hưng.

(14) Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

(15) **khảo thí** 考試 (*examining sb, testing sb*): Cho thi để xét trình độ.

(16) **lẽ đáng**: Lẽ ra, đáng lẽ.

(17) **mặc nhiên** 默然 (*silent, speechless*): Lặng lặng, thầm lặng.

(18) **đảm đương, đảm đương** 擔當 (*assuming sth, undertaking sth*): Nhận lãnh, gánh vác.

(19) **đồng tâm nhất trí** 同心一致 (*unanimous*): Một lòng một dạ, hòa hợp ý kiến giữa nhau.

THI

*Trung Hưng chi mới mấy mươi thu  
Lớp chịu hy sinh, lớp ngục tù  
Sự nghiệp nghìn năm hồi tưởng lại  
Sử nào ghi chép hết công phu.*

Hỡi chư chức sắc nam nữ! Mọi việc Hội Thánh đã quy định ở kinh, luật pháp và chư hiền đã hồng thệ trước kinh, luật pháp đó, cứ giữ thi hành. Việc nội bộ chia rẽ không sớm được dàn xếp thật là điều đáng tiếc! Nhưng không vì thế mà đình trệ bước tiến của cơ đạo.

Chư hiền đệ! Từ nay Hội Thánh mở đầu một chương trình xây dựng, Bàn Đạo sẽ chỉ vẽ lần.

Hôm nay, Bàn Đạo chấp nhận và lưu ý các hiền ba việc làm: Lập họ đạo cao nguyên; mở trường học; khẩn đồn điền. Những việc hệ trọng tương lai, Hội Thánh thực hiện trong lúc khó khăn này tất phải gặp nhiều trở ngại, nhưng hãy cố gắng.

*Việc họ đạo cao nguyên*: Buổi đầu Hội Thánh phải luôn luôn đôn đốc và lưu ý việc giao quyền cho Chánh, Phó Trị Sự. Hiền đệ nào tình nguyện phục vụ ba năm tại cao nguyên sẽ trọng thưởng.

*Việc mở trường học và đồn điền*: Tổng Lý Hưng Đạo đã cổ vũ từ bao năm, ngày nay thực hiện. Hội Thánh phải dốc cả toàn lực vào sự khuyến khích những công cuộc ích lợi tương lai.

*Về trường học Tam Kỳ*: Trong năm này phải xây dựng cho hoàn thành đợt một. Năm tới Bàn Đạo sẽ định liệu.

*Lập lại tu xá và dưỡng chánh đường* để nâng đỡ các chức

sắc nhẹ gánh gia đình và đào tạo nhân tài tương lai.

*Trường học Tam Kỳ* mới chỉ là sơ cấp của chương trình học đường. Giáo Hội sau này cần phải kiến thiết nhiều trường quy mô cao cấp.

Đồng thời Hội Thánh có đủ các cơ sở, công xưởng, nông trường để những thàng hè sinh viên, học sinh đến thực tập nghề nghiệp nơi đó. Thực thi tinh thần trí thức lao động hóa,<sup>(20)</sup> lao động trí thức hóa,<sup>(21)</sup> rèn luyện những giáo sĩ tương lai xứng đáng người hướng đạo tôn giáo và xã hội.

Về trường học *Tam Kỳ* cũng như các cơ sở xã hội, Bần Đạo chọn Quảng Tín làm thí điểm để rồi sau này sẽ xây dựng lần các tỉnh xét thấy cần thiết.

*Việc đồn điền*, Thanh Long có chí nguyện thiết hành. Phải cố gắng lắm mới được. Mọi quyết định hội ý với các chức sắc Hội Thánh. Sẽ trình Bần Đạo sau.

*Việc tu xá*: Các hiền nên ý thức tu xá là nơi sống chung tập thể, dành cho những tu sĩ hy sinh dâng mình phục vụ Hội Thánh; là nơi rèn luyện các giáo sĩ hướng đạo và các cán bộ xã hội. Các tu sĩ sau này có thể nhập vào tịnh đường, mật thất. Theo tinh thần đó lập nội quy.

Các tu xá hiện thời chỉ là những tổ chức tạm, có thể di

---

<sup>(20)</sup> **trí thức lao động hóa** (*lao động hóa trí thức phần tử* 劳动化知識分子: *labourising the intellect*): Giúp phần tử trí thức làm quen lao động chân tay.

<sup>(21)</sup> **lao động trí thức hóa** (*trí thức hóa thể lực lao động giả* 知識化體力勞動者: *intellectualising the labourer*): Giúp người lao động làm quen sinh hoạt trí thức.

chuyển đến nơi an ninh, bảo đảm an toàn; hoặc có thể dời về tu xá Tam Kỳ cho tiện bề Hội Thánh trông nom trong lúc thiếu người và thiếu phương tiện. Việc đó tùy ở nguyện vọng các tu sĩ.

Về chức sắc điều hành Hội Thánh: Chưa thay đổi, miễn làm được việc. Không nên chấp nê <sup>(22)</sup> danh từ. Tuy nhiên, *phần ngoại giao* sẽ rất cần và cũng xứng đáng nên Bần Đạo đề cử hiền đệ Ngọc Quế Thanh lên Phối Sư chánh vị, để cho quyền pháp được phân minh.

*Hiệp Thiên Đài tại Hội Thánh*: Các hiền hãy tự lập vị <sup>(23)</sup> mình, chuyên trách mỗi người một chi để bảo tồn quyền pháp.

Về nữ phái: *Hương Thục!* Lẽ đáng hiền muội được nghỉ một năm dưỡng bệnh, nhưng vì Hội Thánh thiếu người, hiền muội lãnh Đầu Phòng Văn Nữ Phái tại Hội Thánh, có người phụ trách. *Hương Huyền* quyền quản lý các tu xá. *Hương Hòe* lưu động hành đạo và hướng dẫn chị em nơi Bình Định, Phú Yên.

*Còn các chức vụ do sự công cử*, sẽ trình Bần Đạo. Hiện thời phải áp dụng như thế để guồng máy Hội Thánh chạy đồng đều. Chừng nào các chức sắc đoàn tụ, Bần Đạo sẽ dạy.

*Việc đồng loan*,<sup>(24)</sup> hiện chưa có người. Bần Đạo tạm ấn

---

<sup>(22)</sup> **chấp nê** 執泥 (*obstinate*): *Cố chấp* 固執, *chấp nhất* 執一, *câu nệ* 拘泥, bám chặt vào một điều gì, không chịu thay đổi ý kiến.

<sup>(23)</sup> **lập vị** 立位 (*establishing one's position*): Xác lập vị trí của mình trong tổ chức theo đúng chức năng nhiệm vụ được quy định.

<sup>(24)</sup> **đồng loan** (*medium*): Đồng tử phò loan, đồng tử thủ cơ.

định mỗi năm có hai kỳ đàn thường lệ: rằm tháng Giêng và rằm tháng Bảy. Nếu có việc cần xin đàn riêng, sẽ mượn đồng tử các Hội Thánh. Gặp phải những điều khó khăn cấp bách, nhân ý không quyết định được, *Thanh Long* sẽ chấp bút.

Hôm nay, còn những vấn đề Bần Đạo không đề cập là vì chưa đến lúc hoặc không ích lợi chi cho cơ đạo. Các hiền hãy cố gắng lên.

### THI

*Mở mắt nhìn xem cuộc bể dâu* <sup>(25)</sup>  
*Tương lai đâu đã biết về đâu*  
*Nơi nào chánh pháp mau hình hiện*  
*Để rạng danh Thầy khắp ngũ châu?*

Hội Thánh ngày nay phải quan tâm đến cái chết của hiền đệ Chánh Trị Sư *Trần Quang Minh* và sự thọ nạn của Giáo Thiện Đoàn *Chí Quý*. Cái chết ấy tuy chưa làm sáng tỏ danh nghĩa Đại Đạo, nhưng *Trần Quang Minh* đã nêu gương hy sinh phục vụ Hội Thánh. Hội Thánh phải chọn một ngày cầu siêu và cầu nguyện cho hai hiền đồ.

Bần Đạo chào chung và ban ơn tất cả. Khá thành tâm <sup>(26)</sup> tiếp giá Đức Từ Phụ giáng bút. Bần Đạo thăng.

<sup>(25)</sup> **bể dâu** (*tang hải 桑海*): Biển dâu, dâu bể, dâu biển. Do thành ngữ *thương hải tang điền 滄海桑田*, ý nói ruộng dâu biển thành biển xanh, hoặc ngược lại; ám chỉ biến cố hay thay đổi lớn lao ở đời (*life's vicissitude*).

<sup>(26)</sup> **Khá thành tâm** (*Be sincere*): Hãy lấy lòng thành.

## 10. CHO TRÒN SỨ MẠNG TRUNG HƯNG

*Thiên Lý Đàn (Sài Gòn)*  
*ngày 10-8 Quý Mão (Thứ Sáu 27-9-1963)*

### TIẾP ĐIỂN

### THI

*NGỌC Kinh* <sup>(1)</sup> *đợi trẻ mấy mươi thu*  
*HOÀNG Đạo* <sup>(2)</sup> *trông ra vẫn mịt mù*  
*THƯỢNG trí* <sup>(3)</sup> *bởi chưa thông thánh trí*  
*ĐỂ minh* <sup>(4)</sup> *chánh pháp rộng đường tu.*

### THẦY CÁC CON <sup>(5)</sup>

- 
- <sup>(1)</sup> **Ngọc Kinh**: *Bạch Ngọc Kinh 白玉京 (the White Jade Capital)*, kinh thành ngọc trắng, nơi Đức Thượng Đế ngự.
- <sup>(2)</sup> **Hoàng Đạo** 皇道 (*the Great Way*): Đại Đạo 大道.
- <sup>(3)</sup> **thượng trí** 上智: 1/ *Thượng đẳng trí tuệ 上等智慧* (trí tuệ cao tột: *highest wisdom*). 2/ *Đại trí chi nhân 大智之人* (người đại trí: *man of great wisdom*).
- <sup>(4)</sup> **Để minh chánh pháp** 帝明正法 (*God clarifies the true dharma*): Đức Thượng Đế làm sáng tỏ chánh pháp.
- <sup>(5)</sup> **Thầy các con** (*I'm your Master*): [Ta là] Thầy [của] các con. Trong tiếng Việt, chữ *của* thường được hiểu ngầm. Thí dụ: *đất nước tôi, gia đình tôi, cha mẹ tôi, vợ tôi, chồng tôi, các con tôi...* Nếu viết "*Thầy, các con!*" thì sai. (Đức Mẹ khi giáng cơ thường xưng: *Mẹ Linh Hồn các con*, có nghĩa: [Ta là] Mẹ Linh Hồn [của] các con. (*I'm your Spiritual Mother*).



Thầy mừng các con chức sắc Lương Đài nam nữ. Thầy miễn lễ. Các con an tọa.

Trung thu này Thầy ban ơn lành các con chức sắc, chức việc Hành Chánh, Phổ Tế, Phước Thiện, Minh Tra, Lễ Sanh, Chánh Phó Trị Sự, Thông Sự, Ban Cai Quản và toàn đạo nam nữ các thánh thất, xã đạo.

Hôm nay Thầy giáng trần đem đến cho các con một niềm vui, một niềm tin với một niềm khích lệ để nhắc nhở các con bước đời còn lắm gai chông, cơ đạo còn nhiều khảo đảo. Các con hãy bình tâm, dũng mãnh hơn nữa. Hãy quên mình, nhẫn nhục, lấy tình thương vô biên chan hòa trong mọi cảnh mọi người để bảo tồn và xây dựng chánh pháp. Các con thấy chưa? Hiểu ý Thầy chưa?

Hỡi các con nam nữ! Nếu có con nào ước mong Thầy phân minh đâu chánh đâu tà thì điều ấy không đáng cho Thầy phải nói và Thầy cũng nói nhiều rồi.<sup>(6)</sup>

Kìa các con! Mùa xuân ấm, mùa hạ nóng, mùa thu mát, mùa đông lạnh, cứ tuần tự diễn hành. Thuận với công lệ<sup>(7)</sup> ấy thì sinh tồn, trái lại thì tiêu diệt. Huống chi Thầy hằng nói Thầy là tình thương yêu, là lẽ công bình. Thương yêu, công bình là đất tự do cho điều chơn chánh phát triển và điều

---

<sup>(6)</sup> *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, đàn ngày 20-02-1926, Đức Chí Tôn dạy: *Lẽ chánh tự nhiên có lẽ tà / Chánh tà hai lẽ đoán sao ra / Sao ra Tiên Phật, người trần tục / Trần tục muốn thành phải đến Ta*. Xem thêm *Phụ Đính: Bạch hắc cũng đừng đòi hỏi biết*, trong *Tìm Hiểu Thánh Truyền Trung Hưng – Năm Canh Tý (1960)*, tr. 197-198.

<sup>(7)</sup> **công lệ** 公例 (*common rule*): Quy luật chung.

không chơn chánh cũng được sinh hoạt, nhưng kết cục chỉ có điều chơn chánh được trường tồn. Rồi các con sẽ thấy.

Hôm nay Thầy khuyên các con, dầu một ít đũa cũng không nên lời lại tiếng qua gây mầm chia rẽ nội bộ; vì chia rẽ là nguồn gốc của sự suy đồi.<sup>(8)</sup>

Hỡi các con nam nữ! Thầy đã đến với các con ba mươi tám năm rồi, cũng đã nói với các con nhiều rồi. Ngày nay nhìn xem cơ đạo đã tiến đến đâu, hay chỉ những trò<sup>(9)</sup> chia rẽ. Rồi mai đây, thu về sẽ diễn ra một mùa đông giá lạnh. Các con thấu chăng những nỗi thê lương, tan tác trong những đêm trường phong vũ<sup>(10)</sup> của đàn nhạn lạc bầy?<sup>(11)</sup> Các con nghe đây! Đạo pháp, giới hạnh là chiếc áo ngự hàn.<sup>(12)</sup> Hãy cố giữ để gặp Thầy trong ngày xuân xán lạn.<sup>(13)</sup>

---

<sup>(8)</sup> **suy đồi** 衰頹 (*weak and degenerate*): Yếu ớt và sa sút (xuống cấp, thoái hóa 退化).

<sup>(9)</sup> **trò** (*trick*): Mánh khéo, việc làm nhằm đánh lừa hoặc không đứng đắn, không nghiêm chỉnh.

<sup>(10)</sup> **phong vũ** 風雨 (*wind and rain; fig., trials and hardships*): Gió mưa; nghĩa bóng là những thử thách, gian nan.

<sup>(11)</sup> **đàn nhạn lạc bầy** (*stray geese from their flock; fig., seceders*): Những người tách ra riêng (ly khai: *seceding*).

<sup>(12)</sup> **ngự hàn** 禦寒 (*defending sb against the cold, keeping sb warm*): Chống lạnh, giữ ấm.

<sup>(13)</sup> **Đạo pháp, giới hạnh là chiếc áo ngự hàn. Hãy cố giữ để gặp Thầy trong ngày xuân xán lạn**: Thuở mới khai Đạo, Đức Chí Tôn dạy tương tự: *Chung quanh các con, dầu xa dầu gần, Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn với các con. Thầy hằng xúi chúng nó thừa dịp mà cắn xé các con, song trước Thầy đã cho các con mặc một bộ thiết giáp chúng nó chẳng hề thấy đặng, là đạo đức của các con. Ấy vậy, rán gìn giữ bộ thiết giáp ấy hoài cho tới ngày các con hội*

Hỡi các con nữ phái! Thầy rất thương cho các con số phận chịu thiệt thòi. Không riêng nơi này mà những nơi khác cũng thế. Thầy đến nâng đỡ các con nhưng các con thiếu sức, thiếu người, không đủ đảm đang<sup>(14)</sup> quyền pháp Thầy trao, danh vị<sup>(15)</sup> Thầy đã lập. Hãy cố gắng rèn luyện đức hạnh, dìu dắt chị em, lập thêm những công nghiệp. Tùy số lượng Thầy sẽ ban thưởng. Rồi ngày mai Thầy sẽ vận chuyển chị em các con ở những nơi khác về chung lo cơ đạo.

Hỡi các con chức sắc! Ngày nay cơ đạo đến thời kỳ xây dựng hơn là giáo huấn, nên Lý Giáo Tông đã dạy nhiều. Các con hãy cố gắng thực hiện lần cho kỳ được.

Việc xây dựng một Giáo Hội, công nghiệp trăm năm, ngàn năm chớ nào phải một ngày một buổi. Đừng lạc quan theo tưởng tượng, bày ra cơ quan này, tổ chức nọ rồi bỏ dở nửa đường cũng như nhiều nơi khác, làm mất uy tín Hội Thánh, đem đến cho bốn đạo sự mất đức tin. Các con hãy cố gắng lên!

### THI

*Gắng lên, Thầy sẽ dắt con lên  
Sử Đạo ngàn thu rạng tuổi tên  
Chí cả muốn toan nên nghiệp cả  
Từ bi, nhẫn nhục nhớ đừng quên.*

---

*hiệp cùng Thầy. (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, đàn ngày 13-3-1926; Thầy nhắc lại trong đàn 07-8-1926).*

<sup>(14)</sup> **đảm đang, đảm đương** 擔當 (*assuming sth, undertaking sth*): Nhận lãnh, gánh vác.

<sup>(15)</sup> **danh vị** 名位 (*honour and rank*): Danh dự 名譽 và phẩm vị 品位.

### BÀI

*Nhớ đừng quên lời Thầy dạy bảo  
Dắt dìu nhau gánh đạo Trung Hưng  
Con nên, Thầy rất vui mừng  
Con hư, Thầy cũng nỡ lòng vì con.*

*Mấy mươi năm lời son tiếng ngọc  
Mấy mươi năm khi khóc khi cười  
Vì con Thầy xuống cõi đời  
Vì con Thầy chịu lắm lời thị phi.<sup>(16)</sup>*

*Nghĩ thương con gian nguy chẳng nệ  
Nghĩ thương con trần thế dãi dầu  
Đời còn trong cuộc bể dâu<sup>(17)</sup>  
Đạo còn nhiều nổi cơ cầu<sup>(18)</sup> mới xong.*

*Hỡi các con! Dốc lòng chạm dạ  
Hỡi các con! Chí cả vẫy vùng  
Ra tay quét sạch bụi hồng<sup>(19)</sup>  
Làm cho danh Đạo ngoài trong<sup>(20)</sup> rạng ngời.*

*Con làm sao sử đời ghi chép*

---

<sup>(16)</sup> **thị phi** 是非 (*right and wrong; praise and criticism*). Đúng và sai; lời khen chê của dư luận.

<sup>(17)</sup> **bể dâu** (*tang hải 桑海*): Biển dâu, dâu bể, dâu biển. Do thành ngữ *thương hải tang điền 滄海桑田*, ý nói ruộng dâu biển thành biển xanh, hoặc ngược lại; ám chỉ biến cố hay thay đổi lớn lao ở đời (*life's vicissitude*).

<sup>(18)</sup> **cơ cầu** (*extremely difficult*): Gian nan quá đỗi.

<sup>(19)</sup> **bụi hồng** (*hồng trần 紅塵*): Tục lụy 俗累, những ràng buộc, bận lòng tầm thường ở đời (*worldly ties, worldly concerns*).

<sup>(20)</sup> **ngoài trong**: Ngoài nước và trong nước.

Con làm sao quyền pháp nhiệm màu  
Đạo màu rải khắp đâu đâu  
Nơi này rồi sẽ năm châu sau này.<sup>(21)</sup>

Chí hộc hồng<sup>(22)</sup> toan bay muôn dặm  
Sức kinh ngư<sup>(23)</sup> toan tắm ngàn khơi  
Sá chi một góc phương trời  
Mà bày chi phái cho đời mĩ mai.

Con làm sao đáng tay hướng đạo  
Con làm sao đào tạo nhân tài  
Trông về cơ đạo tương lai  
Mở mang cần có nhiều tay siêu quần.<sup>(24)</sup>

Con làm sao Nam Trung hiệp lại  
Con làm sao chi phái đồng lòng  
**Cho tròn sứ mạng trung hưng**<sup>(25)</sup>  
Mở trang sử Đạo lấy lừng danh con.

Thương nữ phái hãy còn lặn đận  
Phận quần thoa cũng nặng gánh đời  
Gay thuyền<sup>(26)</sup> tách bến ra khơi  
Tiến, ghé sóng gió; lui, người mĩ mai.

Con gắng lên, trí tài chẳng hổ  
Con gắng lên, đức độ hơn người  
Xưa ai luyện đá vá trời<sup>(27)</sup>  
Nay con đem đạo cứu người trầm luân.<sup>(28)</sup>

Gọi chị em hãy bình tĩnh dậy  
Dậy nhìn xem cho thấy tương lai  
Phấn son sánh với râu mày  
Điểm tô xây đắp Đạo Thầy vẻ vang  
Nghìn thu rạng gái Nam bang.

Thầy khuyên các con chức sắc Lương Đài nam nữ cần cố gắng thêm để cho việc đạo tiến đều.

Giờ này, lời Thầy dạy dỗ các con khá ghi dạ. Phần đồng tử Huệ Thanh, con đến ngày nay đã gần mãn phận sự. Thầy ban ơn cho con đã làm tròn sứ mạng.

Thầy ban ơn lành các con nam nữ. Thầy hồi cung. Thăng.

<sup>(21)</sup> Câu này ý nói: Nơi này về sau là chỗ năm châu tìm đến học đạo.

<sup>(22)</sup> **hộc hồng:** Hộc 鵠 là thiên nga 天鵝 (swan). Hồng 鴻 là đại nhạn 大雁 (wild goose); Hai loài chim này bay cao và xa, văn học dùng ám chỉ người có chí hướng cao xa (person with noble aspirations).

<sup>(23)</sup> **kinh ngư** 鯨魚 (whale): Cá voi.

<sup>(24)</sup> **siêu quần** 超群 (pre-eminent, surpassing all others): Vượt trội hơn mọi người khác.

<sup>(25)</sup> Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

<sup>(26)</sup> **gay thuyền:** Chèo thuyền.

<sup>(27)</sup> Câu này ý nói phụ nữ ngày xưa chí lớn, dám gánh vác việc trọng đại để cứu khổ cho dân chúng (như hai chị em bà Trưng và bà Triệu nước Nam, Jean d'Arc nước Pháp, v.v...) – **luyện đá vá trời** (luyện thạch bổ thiên 煉石補天: smelting stones to fill the hole in the sky): Theo huyền sử Trung Hoa, thần lửa (hỏa thần 火神) là Chúc Dung 祝融 đánh nhau với thần nước (thủy thần 水神) là Cộng Công 共工 làm sập một góc trời, gieo thảm họa xuống thế gian; vì vậy em gái vua Phục Hy 伏羲 là Nữ Oa 女媧 luyện đá ngũ sắc (ngũ sắc thạch 五色石) để vá trời cứu khổ muôn dân.

<sup>(28)</sup> **trầm luân** 沉淪 (sinking): Chìm đắm. Trầm và luân đồng nghĩa. – **người trầm luân:** Chúng sanh còn đắm chìm trong cõi trần là bể khổ (vì chưa biết tu hành để thoát khổ).

## CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

*Liên kết Nxb Tôn Giáo và Nxb Hồng Đức (Hà Nội) từ tháng 6-2008.*

- 133-1. GÓP NHẶT LỜI QUÊ. Diệu Nguyên, 2020.  
132-1. DI LẠC CHƠN KINH SƠ GIẢI / Preliminary Explanation of Maitreya True Sutra, Huệ Khải, Lê Anh Minh, 2020.  
131-1. MINH ĐỨC KIM NGÔN. Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo, 2020.  
130/1961-1963. TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG - NĂM TÂN SỬU, QUỶ MÃO (1961, 1963). Huệ Khải chú thích, 2021.  
130/1960. TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG - NĂM CANH TÝ. Huệ Khải chú thích, 2021.  
130/1959. TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG - NĂM KỶ HỢI. Huệ Khải chú thích, 2020.  
129-1. VIẾT TRƯỚC HIỆN NHÀ. Nguyễn Quốc Huân (thơ), 2020.  
128-1. NƠI NÀO THƯƠNG YÊU THÌ CÓ THẤY. Lev Tolstoy, Huệ Khải, 2019.  
127-1. CÓ NHỮNG MÙA SAO. Huệ Khải, 2019.  
126-1. NHƯ HOA NỞ MUỘN. Huệ Khải, 2019.  
125-1. PHÚC ÂM KỂ LẠI THEO R.F. WILSON. Huệ Khải, 2019.  
124-1. THÁNH THI TRÍCH LỤC. Diệu Nguyên, 2019.  
123-1. SƠ KHẢO THUẬT NGỮ ĐẠO CHỨA TRONG ĐẠO CAO ĐÀI / A Preliminary Survey of Some Christian Terms Used in Caodaism. Huệ Khải, 2019.  
122-1. VÚT MỘT ĐƯỜNG MÂY. Huệ Khải, 2018.  
121-1. TẤM LÒNG MỘT NGƯỜI THẤY. Huệ Khải, 2018.  
120-1. ÁNH SÁNG CỦA TRẦN GIAN. Diệu Nguyên, 2018.  
119-1. PHAN THANH GIẢN XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2018.  
118-1. ĐỌC LẠI *CHUYỆN GIẢI BUỒN*. Huệ Khải, 2018.  
117-1. SỰ NGHIỆP TRUNG HƯNG. Phạm Văn Liêm, 2018.  
116-1. MỘT SỐ TỪ VIỆT CỔ TRONG KINH MINH LÝ ĐẠO VÀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO. Huệ Khải, 2018.  
115-1. CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI CAO ĐÀI. Huệ Khải kết tập, 2018.  
114-1. GỠ LẠI CHO ĐỜI. Huệ Khải, 2018.  
113-1. Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI / *The Caodai Ideology*. Huệ Khải, 2017.  
112-1. CÁI ĐẸP THEO MỸ HỌC CAO ĐÀI / *Beauty in Terms of the Caodai Aesthetics*. Huệ Khải, 2017.  
111-1. TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI / *The Psychology of Caodaists*. Huệ Khải, 2017.  
110-2. MỘT THOÁNG CAO ĐÀI / *Brief Glimpses into Caodaism*. Huệ Khải, 2017, 2018.  
109-1. ÁI HOA KHÔNG CÒN NỮA. Lê Anh Minh, 2017.  
108-1. AI ĐO LÒNG BIẾN. Huệ Khải, 2017. / 107-1. CAO CAO DÁNG NÚI. Huệ Khải, 2017.  
106-1. MÔNG MẪNH TƠ TRỜI. Huệ Khải, 2017. / 105-1. SỐNG ĐẸP LÀ SỐNG ĐẠO. Huệ Khải, 2017.  
104-1. MÔNG CÁNH CHUỐN CHUỐN. Trần Dã Sơn (thơ), 2017.  
103-1. HÀNH TRANG TIỀN KHAI LÊ VĂN TRUNG 1876-1934. Huệ Khải, 2017.  
102-1. ĐƯỜNG VỀ THẤY. Đức Thuần, 2017. / 101-1. GIỮ LỬA CHO NHAU. Huệ Khải, 2016.  
100-1. ĐÔI ĐIỀU VỀ BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO. Huệ Khải, 2016.  
099-1. TRONG THỜI ĐẠI CHÚNG TA VỚI TÂM TÌNH MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI / *Nostra Aetate in a Caodai Believer's Sentiment*. Huệ Khải, 2016.  
098-1. GIỮA CHỖN TA BÀ. Huỳnh Văn Mười (thơ), 2015.  
097-1. GỠ NGƯỜI ÁO TRẮNG. Trần Dã Sơn (thơ), 2015.  
096-1. ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN GIÁO TỪ GÓC NHÌN MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI / *Interfaith Dialogues as Viewed by a Caodai Believer*. Huệ Khải, 2015.  
095-1. HÀNH TRANG TIỀN KHAI NGUYỄN NGỌC TƯƠNG 1881-1951. Huệ Khải, 2016.  
094-1. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: KHAI MINH ĐẠI ĐẠO 1926 / *A Concise Caodai History: The 1926 Inauguration*. Huệ Khải, 2015.  
093-1. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: THỜI TIỀM ẨN 1920-1926 / *A Concise Caodai History: The Earliest Beginnings 1920-1926*. Huệ Khải, 2017.  
092-1. HỒNG ẪN TÂN ĐỘ. Phạm Văn Liêm, 2016.  
091-1. LỊCH SỬ THÁNH THẤT CAO ĐÀI THỦ ĐỘ HÀ NỘI. Huệ Khải, 2015.  
090-1. MINH THIÊN CHƠN KINH. Thánh tịnh Ngọc Linh, 2015.  
089-1. ĐẠO CAO ĐÀI TRONG ĐỜI SỐNG CÔNG CHÚNG / *Caodaism in Public Life*. Thiện Quang, Huệ Khải, 2015.  
088-1. MINH GIÁO THÁNH TRUYỀN. Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, 2015.  
087-1. NGỌN NÉN NÀO KHÔNG TẮT. Huệ Khải, 2015.  
086-1. MẤY NHÁNH RỐI SAU CÙNG MỘT NHÀ. Phạm Văn Liêm, 2014.  
085-1. GIA ĐÌNH TRONG TÂN LUẬT CAO ĐÀI / *Family in the Caodai New Law*. Huệ Khải, 2014.  
084-1. NẾO VỀ TÂM LINH. Huệ Khải, 2014. / 083-1. TỰ THẤP ĐUỐC MÀ ĐI. Thiện Quang, 2014.  
082-1. TÌM HIỂU NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO. Thanh Căn, 2014.  
081-1. THIÊN ĐÀNG ĐẠ NGỤC HAI BÊN. Diệu Nguyên, 2014.  
080-1. VẠN HẠNH THIÊN SỰ XƯA VÀ NAY. Huệ Khải kết tập, 2014.  
079-1. NGŨ GIỚI CẤM XƯA VÀ NAY / *The Five Precepts Past and Present*. Huệ Khải, 2014.  
078-1. SƠ KHẢO BÀI KINH *NGỌC HOÀNG TÂM ẤN*. Lê Anh Minh, 2014.  
077-2. THIÊN BÀN TẠI NHÀ / *The God's Altar at Home*. Huệ Khải, 2014, 2017.  
076-1. TRỜI CHẴNG XA NGƯỜI. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2014.  
075-1. AN THUẬN QUẢ DUYÊN. Diệu Nguyên, 2014.  
074-1. HÀNH TRANG ĐỨC AN TRINH THẮN NỮ. Huệ Khải, 2014.  
073-1. TƯỞNG NHỚ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ. Huệ Khải chủ biên, 2014.  
072-1. PETRUS KÝ XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2014.  
071-1. HỒ BIỂU CHÁNH XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2014.  
070-1. CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ GIẢNG SINH. Nhiều người viết, 2013.

- 069-1. DƯỚI MÁI ĐẠO VIỆN. Huệ Khải, 2013.  
 068-1. TRUNG DU HÀNH ĐẠO. Nhiều người viết, 2013.  
 067-2. ƠN CỨU ĐỘ. Diệu Nguyên, 2013, 2016.  
 066-1. THƠ NGƯỜI ÁO TRẮNG. Nhiều người viết, 2013.  
 065-1. BÁT QUÁI ĐỒ THIÊN XỬA VÀ NAY. Nhiều người viết, 2013.  
 064-1. ĐẠI ĐẠO VÀ TÔN GIÁO. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2013.  
 063-1. CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ PHỤC SINH. Nhiều người viết, 2013.  
 062-1. CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ. Huệ Khải, Lê Anh Minh (truyện tranh), 2013.  
 061-2. GIỌT NGỌC KIM BÀN. Thanh Căn, 2013, 2014.  
 060-1. MỤC ĐÍCH & ĐƯỜNG LỐI CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO. Đơn Tâm, 2013.  
 059-1. QUAN THÁNH XỬA VÀ NAY. Huệ Khải, 2013.  
 058-2. CAO ĐÀI KHÁI YẾU. Đạt Đức, 2013, 2015.  
 057-1. LƯỢC SỬ BÁT BỬU PHẬT ĐÀI. Thiện Bảo, 2012.  
 056-1. ĐẠO LÝ HUYỀN CƠ. Thiện Bảo, 2012.  
 055-2. HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN. Huệ Khải, 2012, 2013.  
 054-2. BẮC CẦU TÂM LINH. Huệ Khải, 2012, 2013.  
 053-1. CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ (1928-1950) / *Caodaism under Persecution in Central Vietnam (1928-1950)*. Huệ Khải, 2012.  
 052-3. TU CỨU CỨU HUYỀN THẤT TỔ. Huệ Khải, 2012, 2013, 2017.  
 051-3. CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA. Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012 [in 2 lần], 2013.  
 050-1. XUÂN HÒA ĐỒNG. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012.  
 049-1. KINH CÚNG TỬ THỜI. Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.  
 048-2. CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC. Huệ Khải, 2011, 2013.  
 047-1. MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2011.  
 046-1. TIẾNG CHIM QUYẾN. Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.  
 045-1. NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU. Huệ Khải, 2011.  
 044-2. ĐỌC LẠI THẮT CHÂN NHÂN QUẢ. Huệ Khải, 2011, 2013.  
 043-2. ĐIỂM TỰA TÂM LINH. Huệ Khải, 2011, 2012.  
 042-2. NHỊP CẦU TƯƠNG TRI. Huệ Khải, 2011, 2013.  
 041-2. TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ. Phạm Văn Liêm, 2011, 2013.  
 040-2. SỨ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ. Đơn Tâm, 2011, 2012.  
 039-2. TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN. Huệ Khải, 2011, 2012.

**ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN** (tập 1-24), hiệp tuyển thơ văn đạo lý, ấn tổng mỗi quý, 2012-2017.

**ĐẠO UYỂN** (tập 25-37), hiệp tuyển thơ văn đạo lý, ấn tổng mỗi quý, 2018-2020.

Ghi chú: **133-1** tức là quyển 133, in lần thứ nhất. **039-2** tức là quyển 39, in lần thứ hai.

Xem bản điện tử TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG tại:  
<http://thanhtruyentrunghung.blogspot.com/>

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM  
 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC  
 65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
 Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com  
 Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

**TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG  
 NĂM TÂN SỬU, QUÝ MÃO (1961, 1963)**

*Chú thích:* HUỆ KHẢI  
*Hiệu đính:* LÊ ANH MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản  
*Giám đốc:* BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung  
*Tổng biên tập:* LÝ BÁ TOÀN  
*Biên tập:* PHAN THỊ NGỌC MINH

*Sửa bản in:* DIỆU NGUYỄN  
*Trình bày sách & vẽ bìa 1-4:* THIÊN TÂM (MINH LƯU)  
*Hình vẽ trên bìa 1:* Ba cổ pháp trên nóc Cửu Trùng Đài  
 Trung Hưng Bửu Tòa, do CÚC LƯU (*thánh tịnh Thanh Quang*) vẽ lại.

In 1.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA  
 774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.  
 Điện thoại: 028.38153971 – Fax: 028.38153297.  
 Số XNĐKXB: 622-2021/CXBIPH/30-11/HĐ  
 Số QĐXB của NXB: 360/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 04-3-2021.  
 In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.  
 Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-321-823-7

*Thỉnh kinh sách ấn tổng, gửi e-mail về:* daidaovanuyen@gmail.com



Muốn đồng nhất cùng  
Trời thì trước phải dẹp  
lần tình nghĩa cón con, lợi  
danh nhỏ hẹp, ân ái thấp  
thường để lòng được lặng  
trong, người không nghĩ  
hơn nghĩ thiệt. Có vậy  
luyện pháp mới linh, nấu  
đơn mới thành. Ai là  
người làm được? Chính là  
người giác ngộ vậy.

Đức **BẢO THỌ THÁNH NƯƠNG**  
*Trung Hưng Bửu Tòa*  
*ngày 22-7 Tân Sửu*  
*(Thứ Sáu 01-9-1961)*

辛丑和癸卯年



# 聖傳中興



ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

TÌM HIỂU THÀNH TRUYỀN TRUNG HƯNG - 1961, 1963

NXB HỒNG ĐỨC

Quyển 130/1961-1963  
trong CHƯƠNG TRÌNH  
CHUNG TAY ẤN TỔNG  
KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ISBN: 978-604-321-823-7



Sách ấn tống. Không bán.  
Free Gift Book. Not for Sale.